BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TÍN CHỈ
NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
HỆ: CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-YDHP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

HẢI PHÒNG - NĂM 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 4855/QĐ – BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 619
Ngày 21/10/2014
Chuyển: 2

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo trình độ đại học ngành Y học cổ truyền

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học và Thông tư số 32/2013/TT-BGDĐT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo trình độ đại học, ngành Y học cổ truyền; Mã số: 52720201.

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của ngành học nêu trên nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh hệ chính quy do trường đề xuất trên cơ sở các điều kiện đảm bảo chất lượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Y tế (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Số: 223/QĐ-YDHP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 27/02/2015 của Hội đồng Khoa học – Giáo dục Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đối với các ngành sau:

- Y Đa khoa hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Răng hàm mặt hệ Chính quy;
- Y học dự phòng hệ Chính quy;
- Y học cổ truyền hệ Chính quy;
- Dược sĩ đại học hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Cử nhân Điều dưỡng hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học;
- Cử nhân Xét nghiệm y học hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu HC; ĐTĐH;

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Thức

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Y học cổ truyền
Mã ngành đào tạo: 52720201
Loại hình đào tạo: Chính qui

(Ban hành kèm theo Quyết định số 223/2015/QĐ-YDHP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền là đào tạo những người có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khoẻ cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Khiêm tốn học tập vươn lên.
- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Về kiến thức:

Trình bày và áp dụng được:

- Những quy luật cơ bản về:

+ Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý theo quan điểm y học cổ truyền.

+ Các biện pháp duy trì và cải thiện đời sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

+ Lý luận cơ bản của y học Phương Đông.

- Những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo y học cổ truyền kết hợp với các phương tiện của y học hiện đại.
- Luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Phương pháp luận khoa học trong y học cổ truyền đối với công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

Về kỹ năng:

- Khám và chữa được một số bệnh và một số chứng bệnh thường gặp bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

- Phát hiện và xử lý ban đầu được một số bệnh cấp cứu.
- Chỉ định và hiểu rõ ý nghĩa một số xét nghiệm thường quy và một số xét nghiệm đặc hiệu cho các bệnh thường gặp.
- Làm được các bệnh án y học cổ truyền và y học hiện đại bao gồm: Chẩn đoán nguyên nhân, bát cương, tạng phủ, bệnh danh theo Lý, Pháp, Phương dược (khi dùng thuốc); theo Lý, Pháp, Kinh, Huyệt (khi châm cứu xoa bóp) để điều trị thích hợp cho từng bệnh nhân (biện chứng luận trị).
- Làm được các thủ thuật điều trị như: Châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh, thực hành bệnh viện (băng bó vết thương, cố định tạm thời, tiêm chích, lấy bệnh phẩm, chọc dò, thụt tháo...) bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại khi cần thiết.
- Làm một số thủ thuật (Bộ Y tế cho phép) chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng bằng phương pháp y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.
- Tham gia được công tác nghiên cứu khoa học và tiếp cận các vấn đề theo phương pháp luận khoa học của y học hiện đại và y học cổ truyền. Tham gia bồi dưỡng, đào tạo cán bộ y học cổ truyền.
- Tham gia thực hiện được công tác giáo dục sức khỏe tại cộng đồng và trong các cơ sở y tế.
- Tham gia ngăn chặn, bao vây, dập tắt được dịch bằng phương pháp y học cổ truyền và y học hiện đại.
- Tham gia và thực hiện được các chương trình giáo dục sức khỏe, công tác dự phòng tại các cơ sở y tế nhất là chương trình y học cổ truyền như thừa kế, xã hội hóa y học cổ truyền, chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Tham gia điều tra theo dõi tình hình sức khỏe, dịch bệnh, các chỉ số sức khỏe và thực trạng y học cổ truyền tại địa phương đồng thời thực hiện các biểu mẫu hồ sơ thống kê liên quan.
- Lập kế hoạch giải quyết được các vấn đề sức khỏe ưu tiên và kế hoạch thực hiện phát triển y học cổ truyền.
- Huy động được cộng đồng, lồng ghép liên ngành để thực hiện chương trình y học cổ truyền và công tác sức khỏe.
- Tham gia giám sát và đánh giá được các công tác y học cổ truyền tại địa phương.
- Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, NCKH

Chức danh sau khi tốt nghiệp: Bác sĩ Y học cổ truyền

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp:

Các bệnh viện đa khoa, các cơ sở y tế và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Bác sỹ y học cổ truyền.

Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Bác sỹ nội trú bệnh viện
- Bác sỹ chuyên khoa cấp I, Bác sỹ chuyên khoa cấp II
- Thạc sỹ; Tiến sỹ

2. Thời gian đào tạo: 6 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 210 tín chỉ (TC), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (03 TC) và Giáo dục Quốc phòng (07 TC).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ", ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm:

Thực hiện theo điều 21 và 22 theo Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/03/2015; Điều 22 và 23 "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Chương trình đào tạo

7.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	TC
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	37
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó:	
	Kiến thức cơ sở ngành	46
	Kiến thức ngành	99
	Kiến thức bổ trợ	18
	Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận)	10
Tổng cộng		**210**

7.2. Khung chương trình giáo dục

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 37TC (30LT – 7TH)

Thứ tự	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
CÁC MÔN CHUNG		**20**	**19**	**1**
1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0
2	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	7*	7*	0*
3	Giáo dục thể chất*	3*	0*	3*
4	Ngoại ngữ 1	3	3	0
5	Ngoại ngữ 2	3	3	0
6	Ngoại ngữ 3	2	2	0
7	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2	0
8	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	0
9	Tin học đại cương	2	1	1
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
CÁC MÔN CƠ SỞ KHỐI NGÀNH		**17**	**11**	**6**
1	Dân số	2	2	0
2	Di truyền	2	1	1
3	Hóa học	3	2	1

4	Lý sinh	2	1	1
5	Sinh học	2	1	1
6	Tâm lý đạo đức Y học	2	2	0
7	Tin học ứng dụng	2	1	1
8	Xác suất - Thống kê y học	2	1	1
	Tổng	**37**	**30**	7

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – an ninh*

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

7.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 46TC (28LT – 18TH)

Thứ tự	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
CÁC MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		**46**	**28**	**18**
1	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
2	Dịch tễ học	3	2	1
3	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
4	Dược lý	4	3	1
5	Giải phẫu 1	3	2	1
6	Giải phẫu 2	3	2	1
7	Giải phẫu bệnh	3	2	1
8	Hóa sinh 1	2	1	1
9	Hóa sinh 2	2	1	1
10	Ký sinh trùng	3	2	1
11	Mô phôi	3	2	1
12	Sinh lý 1	2	1	1
13	Sinh lý 2	3	2	1
14	Sinh lý bệnh - miễn dịch	3	2	1
15	Thực vật dược	2	1	1
16	Tiền lâm sàng	2	0	2
17	Truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2	0
18	Vi sinh	2	1	1

7.2.2.2. Kiến thức ngành:99TC (52LT – 47TH)

Thứ tự	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
CÁC MÔN KIẾN THỨC NGÀNH		**99**	**52**	**47**
1	Bào chế đông dược	2	1	1
2	Bệnh học lão khoa Y học cổ truyền	2	1	1
3	Bệnh học ngũ quan Y học cổ truyền	2	1	1
4	Châm cứu LS	3	0	3
5	Châm cứu LT	3	3	0
6	Chương trình y tế quốc gia	2	2	0
7	Da liễu	2	1	1
8	Dị ứng	2	1	1

9	Dưỡng sinh xoa bóp khí công	4	2	2
10	Lao & bệnh phổi	2	1	1
11	Lý luận Y học cổ truyền (Y lý I)	3	3	0
12	Lý luận Y học cổ truyền (Y lý II)	3	2	1
13	Mắt	2	1	1
14	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	3	1	2
15	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	6	3	3
16	Ngoại Y học cổ truyền	3	1	2
17	Nhi khoa Y học cổ truyền	3	1	2
18	Nhi Y học hiện đại	3	1	2
19	Nội bệnh lý Y học hiện đại	4	2	2
20	Nội cơ sở Y học hiện đại	6	3	3
21	Nội Y học cổ truyền - LS	2	0	2
22	Nội Y học cổ truyền - LT	3	3	0
23	Ôn bệnh	2	1	1
24	Phụ sản Y học cổ truyền	3	1	2
25	Phụ sản Y học hiện đại	3	1	2
26	Phục hồi chức năng	2	1	1
27	Phương tễ	3	2	1
28	Răng hàm mặt	2	1	1
29	Tai mũi họng	2	1	1
30	Tâm thần	2	1	1
31	Thần kinh	2	1	1
32	Thuốc Y học cổ truyền - LT	3	3	0
33	Thuốc Y học cổ truyền - TH	2	0	2
34	Tổ chức & Quản lý y tế	2	2	0
35	Truyền nhiễm Y học hiện đại	2	1	1
36	Ung thư	2	1	1
37	Y dược học biển	2	1	1

7.2.2.3. Kiến thức bổ trợ: 28TC (21LT – 7TH)

Thứ tự	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
CÁC MÔN KIẾN THỨC BỔ TRỢ		**28**	**21**	**7**
1	Hóa sinh lâm sàng	2	1	1
2	Kim quỹ yếu lược	3	3	0
3	Nạn kinh	2	2	0
4	Nội kinh	2	2	0
5	Pháp luật & Chính sách y tế	2	2	0
6	Thương hàn luận	3	3	0
7	Y học gia đình	2	1	1
8	Y học quân sự	2	2	0
9	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	10	5	5

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	MÔN HỌC	TC	LT	TH	Công thức điểm
	Năm 1	**34**	**25**	**9**	
1	Dân số	2	2	0	LT
2	Giải phẫu 1	3	2	1	(LTx2+TH)/3
3	Giải phẫu 2	3	2	1	(LTx2+TH)/3
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	7*	7*	0*	ĐẠT
5	Giáo dục thể chất* 1	1*	0*	1*	ĐẠT
6	Hóa học	3	2	1	(LTx2+TH)/3
7	Lý sinh	2	1	1	(LTx2+TH)/3
8	Mô phôi	3	2	1	(LTx2+TH)/3
9	Ngoại ngữ 1	3	3	0	LT
10	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2	0	LT
11	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	0	LT
12	Pháp luật & Chính sách y tế	2	2	0	LT
13	Sinh học	2	1	1	(LTx2+TH)/3
14	Tin học đại cương	2	1	1	(LTx2+TH)/3
15	Tin học ứng dụng	2	1	1	(LTx2+TH)/3
16	Xác suất - Thống kê y học	2	1	1	(LTx2+TH)/3
	Năm 2	**29**	**21**	**8**	
1	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	(LTx2+TH)/3
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	LT
3	Giáo dục thể chất* 2	1*	0*	1*	ĐẠT
4	Hóa sinh 1	2	1	1	(LTx2+TH)/3
5	Hóa sinh 2	2	1	1	(LTx2+TH)/3
6	Ngoại ngữ 2	3	3	0	LT
7	Ngoại ngữ 3	2	2	0	LT
8	Sinh lý 1	2	1	1	(LTx2+TH)/3
9	Sinh lý 2	3	2	1	(LTx2+TH)/3
10	Tâm lý đạo đức Y học	2	2	0	LT
11	Tiền lâm sàng	2	0	2	TH
12	Truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2	0	LT
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	LT
14	Vi sinh	2	1	1	(LTx2+TH)/3
	Năm 3	**38**	**23**	**15**	
1	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	(LTx2+TH)/3
2	Di truyền	2	1	1	(LTx2+TH)/3

TT	MÔN HỌC	TC	LT	TH	Công thức điểm
3	Dịch tễ học	3	2	1	(LTx2+TH)/3
4	Dược lý	4	3	1	(LTx2+TH)/3
5	Giải phẫu bệnh	3	2	1	(LTx2+TH)/3
6	Giáo dục thể chất* 3	1*	0*	1*	ĐẠT
7	Ký sinh trùng	3	2	1	(LTx2+TH)/3
8	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	(LTx2+TH)/3
9	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	6	3	3	LT; LS
10	Nội cơ sở Y học hiện đại	6	3	3	LT; LS
11	Sinh lý bệnh - miễn dịch	3	2	1	(LTx2+TH)/3
12	Thực vật dược	2	1	1	(LTx2+TH)/3
13	Tổ chức & Quản lý y tế	2	2	0	LT
	Năm 4	**39**	**20**	**19**	
1	Châm cứu LS	3	0	3	LS
2	Châm cứu LT	3	3	0	LT
3	Chương trình y tế quốc gia	2	2	0	LT
4	Da liễu	2	1	1	(LT+LS)/2
5	Dị ứng	2	1	1	(LT+TH)/2
6	Hóa sinh lâm sàng	2	1	1	(LTx2+TH)/3
7	Lý luận Y học cổ truyền (Y lý I)	3	3	0	LT
8	Lý luận Y học cổ truyền (Y lý II)	3	2	1	(LTx2+TH)/3
9	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	3	1	2	LT; LS
10	Nhi Y học hiện đại	3	1	2	LT; LS
11	Nội bệnh lý Y học hiện đại	4	2	2	LT; LS
12	Phụ sản Y học hiện đại	3	1	2	LT; LS
13	Thực tập cộng đồng 1	2	0	2	LS
14	Truyền nhiễm Y học hiện đại	2	1	1	(LTx2+LS)/3
15	Y dược học biển	2	1	1	(LT+TH)/2
	Năm 5	**42**	**21**	**21**	
1	Bào chế đông dược	2	1	1	(LT+TH)/2
2	Dưỡng sinh xoa bóp khí công	4	2	2	LS; LT
3	Lao & bệnh phổi	2	1	1	(LTx2+LS)/3
4	Mắt	2	1	1	(LTx2+LS)/3
5	Ngoại Y học cổ truyền	3	1	2	(LT+LS)/2
6	Nhi khoa Y học cổ truyền	3	1	2	(LT+LS)/2
7	Nội Y học cổ truyền - LS	2	0	2	LS
8	Nội Y học cổ truyền - LT	3	3	0	LT

TT	MÔN HỌC	TC	LT	TH	Công thức điểm
9	Phụ sản Y học cổ truyền	3	1	2	(LT+LS)/2
10	Phục hồi chức năng	2	1	1	(LT+LS)/2
11	Phương tễ	3	2	1	(LTx2+TH)/3
12	Răng hàm mặt	2	1	1	(LT+LS)/2
13	Tai mũi họng	2	1	1	(LT+LS)/2
14	Tâm thần	2	1	1	(LT+LS)/2
15	Thần kinh	2	1	1	(LT+LS)/2
16	Thuốc Y học cổ truyền - LT	3	3	0	LT
17	Thuốc Y học cổ truyền - TH	2	0	2	TH
	Năm 6	**34**	**22**	**12**	
1	Bệnh học lão khoa Y học cổ truyền	2	1	1	(LT+LS)/2
2	Bệnh học ngũ quan Y học cổ truyền	2	1	1	(LT+LS)/2
3	Kim quỹ yếu lược	3	3	0	LT
4	Nạn kinh	2	2	0	LT
5	Nội kinh	2	2	0	LT
6	Ôn bệnh	2	1	1	(LT+LS)/2
7	Thực tế tại bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương	2	0	2	LS
8	Thương hàn luận	3	3	0	LT
9	Ung thư	2	1	1	(LT+LS)/2
10	Y học gia đình	2	1	1	LT
11	Y học quân sự	2	2	0	LT
12	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	10	5	5	LT/KL;LS/TH

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản - Y học cơ sở - Y tế công cộng - Y học lâm sàng

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Nhà trường, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

- Phương pháp dạy học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy : Thuyết giảng, thảo luận nhóm, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, thực hành, cemina.... tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong qua trình dạy và học.

- Thực tập

+ Thực hành các môn khoa học cơ bản, y học cơ sở : tại các phòng thực hành chức năng tại các bộ môn, labo Trung tâm .

+ Thực tập tiền lâm sàng : Tại trung tâm Skillab của trường

+ Thực hành tại bệnh viện : Tại các cơ sở thực hành chính như : BV hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng ; BV Đại học Y Hải Phòng ; BVĐK Kiến An ; BV Phụ sản Hải Phòng ; BV Trẻ em Hải Phòng ; BV Tâm thần Hải Phòng ; BV Lao và bệnh phổi Hải Phòng ; BV Y học cổ truyền Hải Phòng ; BV Việt Nam - Thuỵ Điển Uông Bí ; BVĐK quốc tế Hải Phòng ; BV quốc tế Green ; Viện Y học biển.
+ Thực tế tại cộng đồng
Sinh viên đi thực tế cộng đồng vào thời gian:
+ Đợt I: vào năm thứ năm sau khi sinh viên đã học xong các môn học y học cơ sở, y học tiền lâm sàng, cơ sở chuyên ngành.
Các cơ sở thực tế cộng đồng: BV và trung tâm y tế các huyện ở TP. Hải Phòng: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Thuỷ Nguyên, Kiến Thuỵ; Hải Dương: Nam Sách, Kim Thành.
+ Đợt II: vào cuối năm thứ sáu tại bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương.

- Kiểm tra, thi

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do giảng viên đánh giá. Mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra phong phú nhằm đánh giá năng lực người học.

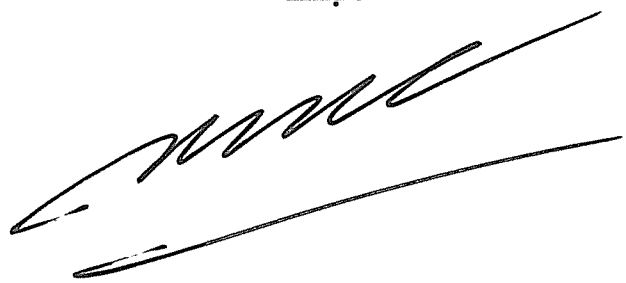
- Thi tốt nghiệp:

Thời gian ôn thi và khóa luận: theo Quyết định số: 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Thời gian thi: theo Quy định thực tế của nhà trường.
Hình thức thi: có 2 hình thức: Khoá luận tốt nghiệp, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị; Thi lý thuyết, thi lâm sàng.

- Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ các học phần trong chương trình đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng - An ninh, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà trường, thì được xét công nhận tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0
- Số giờ tự học: 90 tiết Lý thuyết: 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: **RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT**
- Học phần tiên quyết. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giáo viên giảng dạy: Ths. Nguyễn Tiến Trường, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Nguyễn Mỹ Chinh, Ths. Nguyễn Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương 1: Sự ra đời của Đảng CSVN và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hóa; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; chương 6: Đường lối xây dựng

hệ thống chính trị; chương 7: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương 8: Đường lối đối ngoại.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: Sinh viên có hiểu biết về những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình bày được nội dung đường lối của Đảng từ khi Đảng ta ra đời, nhất là đường lối thời kỳ Đổi mới.

- Về thái độ: Xây dựng cho sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Về hành động: Sinh viên biết vận dụng kiến đã học để tiếp tục học tập, rèn luyện và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của mình.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	***Chương mở đầu:*** **ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**	3		6
	I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học			
2	***Chương I:*** **SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG**	4		8
	I. Hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng			
3	***Chương II:*** **ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH**	4		8

	CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)			
	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1936 đến năm 1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945			
4	***Chương III:* ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)**	4		8
	I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1945) II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 - 1975)			
5	***Chương IV:* ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA**	4		8
	I. Công nghiệp hóa trước thời kỳ đổi mới II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới			
6	***Chương V:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**	4		8
	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.			
7	***Chương VI:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**	4		8
	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986) II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới			
8	***Chương VII:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**	4		8
	I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và			

	phát triển nền văn hóa II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội			
9	***Chương VIII:*** **ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**	4		8
	I. Đường lối đối ngoại trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1985) II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới			
Tổng số		**45**		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia thảo luận, thuyết trình, làm bài tập theo yêu cầu của môn học.

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

- Bộ môn Lý luận Chính trị: *Tập bài giảng Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*

6.1. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia.*

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Tín chỉ; Lý thuyết: 2 tín chỉ; Thực hành: 0

Phân bổ thời gian: 30 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0

Tự học: 60 tiết Lý thuyết: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần trước đó: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị

Giảng viên: Ths Nguyễn Tiến Trưởng, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Đinh Thị Mai Hương, Cn. Đoàn Thị Nguyệt

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sau khi học tập, sinh viên cần hiểu và trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Về thái độ, sinh viên có lập trường, quan điểm trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ CHí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Về kỹ năng, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	NỘI DUNG	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	***Chương mở đầu:*** **ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**	2		4
	I. Đối tượng nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên			
2	***Chương I:*** **CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**	4		8
	I. Cở hình thành TTHCM II. Quá trình hình thành và phát triển TTHCM			
3	***Chương II:*** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC**	4		8
	I. TTHCM về vấn đề dân tộc			
	II. TTHCM về cách mạng giải phóng dân tộc			
4	***Chương III:*** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**	4		8
	I. TTHCM về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam II. TTHCM về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam			
5	***Chương IV:*** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**	4		8

	I. Quan điểm của HCM về bản chất, vai trò của ĐCSVN II. TTHCM về xây dựng ĐCSVN trong sạch, vững mạnh			
6	***Chương V:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ**	4		8
	I. TTHCM về đại đoàn kết dân tộc II. TTCHM về đoàn kết quốc tế			
7	***Chương VI:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN**	4		8
	I. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước II. Quan điểm của HCM về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ IV. Xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả			
8	***Chương VII:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI**	4		8
	I. Những quan điểm cơ bản của HCM về văn hóa II. TTHCM về đạo đức III. TTHCM về xây dựng con người mới			
Tổng số		**30**		**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

***5.1. Phương pháp dạy*:** thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận, trình chiếu

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận, làm bài tập theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu dạy

- Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia

- Tập bài giảng: *Tư tưởng Hồ Chí Minh* do Bộ môn biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.* Hội đồng Lý luận Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh -Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội (2000)

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- Đánh giá quá trình: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- Đánh giá cuối kỳ: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	**BỘ MÔN**
HIỆU TRƯỞNG	Người Trần Trưởng
GS.TS. Phạm Văn Thức	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 1)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN 3, 2, 3,2

- Mã số học phần:
- Tên học phần: **Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1.**
- Tổng số tín chỉ: 2 (2/0) Lý thuyết: 2
- Phân bố thời gian Lý thuyết: 30
- Tự học: Lý thuyết: 60
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YHCT, YHDP
- Học phần tiên quyết:
- Học phần trước:
- Học phần song hành:
- Bộ môn phụ trách: Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hường, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 1, bao gồm các chương:

- Chương mở đầu: Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương II: Phép biện chứng duy vật
- Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- ***Về kiến thức:*** Sau khi học xong, sinh viên cần nắm và trình bày được những nội dung cơ bản về Triết học Mác - Lênin; làm cơ sở để xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng.

- ***Về kỹ năng***: Vận dụng được những nguyên lý của Triết học Mác - Lênin vào nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- ***Về thái độ:*** Giúp cho sinh viên nâng cao niềm tin vào quá trình đổi mới ở nước ta, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	NỘI DUNG		SỐ TIẾT	
		LT	TH	Tự học
1	**Chương mở đầu: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN**	2		4
	I. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học "Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin"			
2	**Chương I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG**	3		6
	I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng II. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức			
3	**Chương II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT**	12		24
	I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng			
4	**Chương III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**	13		26

	I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. IV. Hình thái kinh tế xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội. V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp. VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.				

5. Phương pháp dạy - học

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Bộ môn Lý luận chính trị: *Tập bài giảng Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU	**BỘ MÔN**
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Nguyễn Tiến Trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 2)

1. Thông tin chung về học phần

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 Tiết Lý thuyết: 45 tiết; Thực hành: 0
- Số tiết tự học: 90 tiết Lý thuyết 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT
- Học phần tiên quyết: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1**
- Học phần học trước:
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hường, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. Mô tả học phần:

Phần 1: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

Chương IV: Học thuyết giá trị.

Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư.

Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Phần 2: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội:

Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3. Mục tiêu của học phần:

* ***Về kiến thức:*** Sau khi học, sinh viên cần hiểu và trình bày được những nội dung cơ bản về học thuyết kinh tế- chính trị và lý luận về chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin.

* ***Về kỹ năng:*** Vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao nhận thức và hoạt động thực tiễn.

* ***Về thái độ:*** Xây dựng ý thức và bản lĩnh chính trị đúng đắn cho sinh viên, củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn..

4. Nội dung chi tiết học phần:

NỘI DUNG		SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
Học phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa		**25**		**50**
Chương 4: Học thuyết giá trị		**7**		**14**
4.1	Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá			
4.2	Hàng hoá			
4.3	Tiền tệ			
4.4	Quy luật giá trị			
Chương 5 : Học thuyết giá trị thặng dư		**8**		***16***
5.1	Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản			
5.2	Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản			
5.3	Tiền công trong chủ nghĩa tư bản			
5.4	Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích luỹ tư bản			

5.5	Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư				
5.6	Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.				
Chương 6: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước		**5**		***10***	
6.1	Chủ nghĩa tư bản độc quyền				
6.2	Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước				
6.3	Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại				
6.4	Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB				
Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội		**20**		***40***	
Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa		**8**		**16**	
7.1	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân				
7.2	Cách mạng xã hội chủ nghĩa				
7.3	Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa				
Chương 8: Những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.		7		14	
8.1	Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa				
8.2	Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa				
8.3	Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo				
Chương 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng		**5**		***10***	
9.1	Chủ nghĩa xã hội hiện thực				
9.2	Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội				

xô viết và nguyên nhân của nó					
9.3 Triển vọng của chủ nghĩa xã hội					
Tổng cộng		**45**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

***5.1 Phương pháp dạy*:** Phương pháp thuyết trình, Phương pháp vấn đáp, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Tập bài giảng: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Bộ môn Lý luận chính trị biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình các môn học: Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Hội đồng lý luận trung ương; Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Hội đồng lý luận trung ương: *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 2015.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp.

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

BỘ MÔN

Nguyễn Thế Trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GDTC - GDQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Tổng số tín chỉ: 3 Thực hành: 3
- Số tiết học: 135 Thực hành: 135
- Số lần thi: 3 (Lý thuyết: 0, Thực hành: 3)
- Đối tượng: Sinh viên Đại học hệ chính quy.
- Giảng viên giảng dạy:
  + TS. Nguyễn Đức Nhâm
  + Ths. Nguyễn Khánh Hưng
  + Ths. Phạm Văn Thưởng
  + Ths. Hoàng Thị Bích Thủy
  + Ths. Nhữ Văn Thuấn
  + CN. Nguyễn Trần Quý
  + CN. Nguyễn Cẩm Vân

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần môn GDTC học 2 năm đầu, được thiết kế chủ yếu học thực hành dựa trên chương trình quy định của bộ GD& ĐT cũng như điều kiện cơ sở vật chất và mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là tạo ra đội ngũ cán bộ y tế có sức khỏe, có trình độ chuyên môn Y học cao.

Học môn GDTC giúp sinh viên nắm được các phương pháp tập luyện từ đó giúp sinh viên tập luyện thể thao thường xuyên liên tục để có sức khỏe tốt phục vụ học tập và công tác.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Giúp sinh viên hiểu rõ được vị trí, ý nghĩa và tác dụng của giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng nói riêng.

- Trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện các tố chất thể lực và trang bị kỹ thuật một số môn thể thao để giúp sinh viên lựa chọn cho mình môn thể thao phù hợp và yêu thích từ đó sinh viên tập luyện thường xuyên để có sức khỏe tốt phục vụ học tập và công tác.

- Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật và có thái độ học tập tự giác, tích cực trong học tập và tập luyện thể dục thể thao.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC:

STT	Tên Bài	Số tiết LT	Số tiết TH
	Tín chỉ 1. Điền Kinh		
	*** Chạy cự ly ngắn 100m:**		
1	- Bài tập khởi động và bài tập bổ trợ .		4
2	- Kỹ thuật xuất phát, kỹ thuật chạy lao sau xuất phát		4
3	- Kỹ thuật chạy giữa quãng, kỹ thuật về đích.		4
4	- Các bài tập phát triển sức nhanh		4
5	- Hoàn thiện kỹ thuật		6
	*** Chạy cự ly trung bình:**		
6	- Kỹ thuật xuất phát cao và kỹ thuật chạy giữa quãng.		4
7	- bước chạy và hít thở trong chạy cự ly trung bình.		4
8	- Kỹ thuật chạy đường thẳng, đường vòng và kỹ thuật về đích.		4
9	- Các bài tập phát triển sức bền tốc độ.		4
10	- Hoàn thiện cự ly		7
	Tín chỉ 2: Bóng chuyền		
11	- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.		12
12	- Kỹ thuật đệm bóng.		12
13	- Kỹ thuật phát bóng.		12
14	- Thi đấu bóng chuyền		9

Tín chỉ 3: Bóng rổ			
15	- Kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật bắt bóng và kỹ thuật chuyền bóng.		12
16	- Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên vai		12
17	- Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai		12
18	- Thi đấu bóng rổ		9

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC:

+ Phương pháp trực quan.

+ Phương pháp nguyên vẹn.

+ Phương pháp phân chia hợp nhất.

+ Phương pháp chia nhóm

+ Phương pháp trò chơi, thi đấu.

6. LƯỢNG GIÁ:

Nội dung thi tín chỉ:

- Tín chỉ 1: Thi chạy ngắn 100m(tính giây) và chạy cự ly trung bình 800m với nữ và 1500m với nam(tính phút).

- Tín chỉ 2 : Thi chuyền bóng, đệm bóng, và phát bóng (mỗi nội dung thực hiện 5 quả. Chấm thành tích và kỹ thuật động tác)

- Tín chỉ 3: Thi tại chỗ ném rổ một tay trên vai và tại chỗ ném rổ một tay trên cao(mỗi nội dung thực hiện 5 quả. Chấm hiệu quả và kỹ thuật động tác)

- Cách tính điểm: Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên = 30%

Điểm thi kết thúc = 70%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

7.1. Tài liệu dạy học:

- Giáo trình giảng dạy lý thuyết (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).

- Giáo trình giảng dạy thực hành (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).

7.2: Tài liệu tham khảo

- Giáo trình giảng dạy Điền kinh cho khối các Trường ĐH&CĐ không chuyên.

- Giáo trình Bóng chuyền. Nhà XBTDTT năm 2004

- Giáo trình bóng rổ: Dùng cho sinh viên trường Đại học TDTTBắc Ninh năm 2006

- Giáo trình Y học TDTT của trường Đại học TDTT Bắc Ninh Năm 2004

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Lý thuyết: Giảng dạy tại giảng đường có trang bị máy chiếu.

- Thực hành:

+ Sân bãi: Sân Điền kinh, sân bóng chuyền, sân bóng rổ.

+ Dụng cụ: Còi, đồng hồ bấm giờ, số đeo, bóng chuyền, bóng rổ(Bóng chuyền, bóng rổ đảm bảo tối thiểu 2 sinh viên có một quả bóng.)

+ Địa điểm: Tại Trường Đại học Y Hải Phòng, Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam và Trường Cao Đẳng Hàng Hải,

Hải phòng, ngày 5 tháng 8 năm 2015

Ban giám hiệu	**Phó trưởng bộ môn**
	Nguyễn Khánh Hưng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2018

NGOẠI NGỮ 1 – NGÀNH YHCT

TIẾNG TRUNG QUỐC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: TQ1

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ nhất

Học phần tiên quyết:không có

Học phần học trước: không có

Học phần song hành: không có

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần TQ1 là học phần mở đầu của môn học ngoại ngữ, nhằm trang bịkiến thức cơ bản về tiếng Trung Quốc, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc ở cấp độ sơ cấp (tương đương trình độ HSK1) và phương pháp học tập.

Điều kiện tham gia học phần TQ1: Sinh viên phải nắm vững cách đọc phiên âm tiếng Trung Quốc, biết viết chữ Hán theo đúng quy tắc Bút thuận.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản, 600 từ vựng cơ bản thường dùng và 400 chữ Hán cơ bản.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các nhóm chủ đề: giới thiệu cá nhân, thời gian và phương vị, nhu cầu thường ngày, lập kế hoạch, tìm kiếm sự giúp đỡ.

- Về thái độ: sinh viên nhận biết được vai trò của Tiếng Trung và chữ Hán trong chương trình học và trong chuyên ngành Y học cổ truyền.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	第一单元：确认介绍	3		6
2		3		6
3		3		6
4	第二单元：时间方位	3		6
5		3		6
6		3		6
7	第三单元：日常需要	3		6
8		3		6
9		3		6
10	单元四：生活安排	3		6
11		3		6
12	第五单元：寻求帮助	3		6
13		3		6
14		3		6
15	口试	45		90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình “成功之路——起步篇”,Yang Nan, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2008.

6.2. Tài liệu tham khảo

6.2.1. Giáo trình “HSK 标准教程 1”(Standard Course HSK 1), Wang Fang, Jiang Liping, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2014

6.2.2. Giáo trình "HSK 标准教程 2"(Standard Course HSK 2),Jiang Liping, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2014

6.2.3. Giáo trình "汉语教程——第一册", Yang Jizhou, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2016

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Điều kiện dự thi hết học phần

- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- ***Sinh viên phải có kết quả điểm thi Nói từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi Viết hết học phần.***

7.2. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=(Thi Viết x2 + Thi Nói)/3

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

TKHP lần 2 = (Thi Viết lần 2 x 2 + Thi Nói)/3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2018

NGOẠI NGỮ 2 – NGÀNH YHCT

TIẾNG TRUNG QUỐC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: TQ2

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: TQ1

Học phần học trước: TQ1

Học phần song hành: không có

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần TQ2 là học phần tiếp theo của học phần TQ1. Học phần TQ2 nhằm tiếp tục trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Trung Quốc, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc ở cấp độ sơ cấp (tương đương với trình độ HSK2).

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản, 1200 từ vựng cơ bản thường dùng và 400 chữ Hán cơ bản.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các nhóm chủ đề: so sánh, miêu tả, giao thông, du lịch, thể thao, khám chữa bệnh, giao tiếp trong đời sống thường ngày và trong trường học.
- Về thái độ: sinh viên củng cố, nâng cao nhận thức về vai trò của Tiếng Trung Quốc trong chương trình học và trong chuyên ngành Y học cổ truyền.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	第六单元：说明描述	3		6
2		3		6
3	第七单元：比较时态	3		6
4		3		6
5	第一单元：日常生活	3		6
6		3		6
7	第二单元：校园生活	3		6
8		3		6
9	第三单元：交通旅游	3		6
10		3		6
11	第四单元：社会交往	3		6
12		3		6
13	第五单元：运动健康	3		6
14		3		6
15	口试	3		6
		45		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình “成功之路——顺利篇”; Qiu Jun, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2008.

6.2. Tài liệu tham khảo

6.2.1. Giáo trình “HSK 标准教程 2”(Standard Course HSK 2),Jiang Liping, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2014

6.2.2. Giáo trình “HSK 标准教程 3”(Standard Course HSK 3),Jiang Liping, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2014

6.2.3. Giáo trình "汉语教程——第二册", Yang Jizhou, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2016

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Điều kiện dự thi hết học phần

- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- ***Sinh viên phải có kết quả điểm thi Nói từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi Viết hết học phần.***

7.2. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=(Thi Viết x2 + Thi Nói)/3

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

TKHP lần 2 = (Thi Viết lần 2 x 2 + Thi Nói)/3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2018

NGOẠI NGỮ 3 – NGÀNH YHCT
TIẾNG TRUNG QUỐC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: TQ3

Tổng số tín chỉ: 2 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: **30 tiết** (lý thuyết)

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: TQ1, TQ2

Học phần học trước: TQ2

Học phần song hành: không có

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần TQ3 là học phần cuối cùng trong chương trình học Ngoại ngữ, nhằm trang bịvốn từ vựng chuyên ngànhvà kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc thuộc chuyên ngành Y học cổ truyền.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được vốn từ vựng chuyên ngành trong lĩnh vực khám, chữa bệnh theo Y học cổ truyền.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng đọc, viết với các chủ đề thuộc Y học cổ truyền, như: chẩn đoán, châm cứu, dưỡng sinh, thuốc, …
- Về thái độ: sinh viên củng cố, nâng cao nhận thức về vai trò của Tiếng Trung trong chương trình học và trong chuyên ngành Y học cổ truyền.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	第一篇：中医基础理论知识	3		6

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
2		3		6
3	第二篇：中医诊断学基础知识	3		6
4		3		6
5	第三篇：中药基础知识	3		6
6		3		6
7	第四篇：针灸基础知识	3		6
8		3		6
9	第五篇：中医养生基础知识	3		6
10		3		6
		30		**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình "中医汉语综合教程"; Xu Jing, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013.

6.2. Tài liệu tham khảo

6.2.1. Giáo trình "实用中医汉语.精度(基础篇)"(Practical Chinese of Traditional Chinese Medicine – Intensive Reading Elementary),Wang Yulin, Nhà xuất bản Dạy học và Nghiên cứu Ngoại ngữ, Bắc Kinh. 2009

6.2.2. Giáo trình "实用中医汉语.听力(基础篇)"(Practical Chinese of Traditional Chinese Medicine –Listening Elementary), Wang Yulin, Nhà xuất bản Dạy học và Nghiên cứu Ngoại ngữ, Bắc Kinh. 2009

6.2.3. Giáo trình "实用中医汉语.口语(基础篇)"(Practical Chinese of Traditional Chinese Medicine –Speaking Elementary), Wang Yulin, Nhà xuất bản Dạy học và Nghiên cứu Ngoại ngữ, Bắc Kinh. 2009

6.2.4. "中医基础字词一点通"Xu Jing, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Điều kiện dự thi hết học phần

- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- ***Sinh viên phải có kết quả bài kiểm tra điều kiện Mini-test từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi Viết hết học phần.***

7.2. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=Thi Viết

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

TKHP lần 2 =Thi Viết lần 2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Th.S. Nguyễn Chí Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ MÔN TIN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

(2016 – 2017)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ	: 02	Lý thuyết: 01	Thực hành: 01
Phân bổ thời gian (tiết)	: 45	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết)	: 60		

Đối tượng sinh viên: Năm thứ nhất

- Cử nhân Điều dưỡng
- Xét nghiệm y học
- Y đa khoa
- Y học dự phòng
- Y học cổ truyền
- Răng hàm mặt

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Giáo viên giảng dạy: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Trịnh Anh Tuấn, Lương Thanh Nhạn, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Văn Trọng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành, đồng thời cung cấp các kỹ năng thực hành soạn thảo văn bản Word và bảng tính Excel.

Học phần tin học đại cương gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Trong đó:

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận và bài tập được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết các bài tập thực hành trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài tập thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,...).

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành; Các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word; lập, tính toán, phân tích và xử lý số liệu bằng Microsoft Excel.

- Kỹ năng:

Sử dụng thành thạo máy tính, vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các bài tập thực hành; Hình thành và rèn luyện đồng thời các kỹ năng: làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, ...

- Thái độ:

Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận; sáng tạo trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành,... nghiêm túc chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ		SỐ TIẾT		
			LT	TH	TỰ HỌC
1	**Phần 1. Đại cương về tin học** - Thông tin, mã hóa thông tin, đơn vị đo thông tin - Cấu trúc máy tính: cấu tạo và chức năng từng thành phần máy tính.		1	2	4
	- Quản lý thông tin trên máy tính - Hệ điều hành Windows		2	4	8
2	**Phần 2. Microsoft Word** 1. Tổng quan về Microsoft Word 2. Các thao các cơ bản trên Word 3. Định dạng văn bản		2	4	8
	4. Chèn các đối tượng vào văn bản 5. Thao tác với bảng biểu 6. In tài liệu Word 7. Một số thao tác nâng cao		4	8	16
3	**Phần 3. Microsoft Excel** 1. Tổng quan về Microsoft Excel 2. Định dạng dữ liệu trong bảng tính		2	4	8
	3. Các thao tác với ô, hàng, cột và khối dữ liệu				
	4. Giới thiệu và sử dụng hàm trong Excel 5. Cơ sở dữ liệu trong Excel		2	4	8
	6. Biểu đồ/đồ thị trong Excel 7. In bảng tính		2	4	8
Tổng cộng			**15**	**30**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: Giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, ... trên cơ sở lấy người học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên là người nêu vấn đề và tổng kết.

- Thực hành: Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nêu tình huống, thảo luận cách giải quyết, sinh viên thực hiện trên máy tính dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, kỹ thuật viên.

5.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên học: lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra và thực hành tại phòng máy tính.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Giáo trình chính:

[1] Bộ môn Tin học, *Giáo trình tin học*, 2016.

6.2 Tài liệu tham khảo:

[1]. Microsoft, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2010, 2010.

[2]. Microsoft, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Excel 2010, 2010.

[3]. Microsoft, Microsoft Word 2010 Step by Step, 2010.

[4]. Microsoft, Microsoft Excel 2010 Step by Step, 2010.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu:

Vấn đáp sinh viên về kiến thức đã được học.

Kiểm tra – đánh giá quá trình:

Đánh giá nhận xét sinh viên sau các bài thực hành (mức độ hoàn thành, chất lượng, ý thức học tập…)

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Điều kiện dự thi hết học phần:

+ Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.

+ Điểm thi thực hành từ 5.0 trở lên.

- Thi kết thúc học phần: thi viết hoặc vấn đáp.

- Điểm tổng kết phọc phần được tính theo công thức: **TKHP = (THI × 2 + TH)/3**

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- 02 phòng thực hành: mỗi phòng có 30 máy tính được nối mạng Internet.

- Máy chiếu, máy in.

Hải Phòng, ngày..... tháng ..... năm 20....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	P. TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Trần Thanh Vân
GS.TS. Phạm Văn Thức	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN DI TRUYỀN Y HỌC

1. **Mã số môn học:** Di truyền y học
2. **Đối tượng:** Y học cổ truyền hệ chính quy
3. **Số tín chỉ:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
4. **Số tiết học: 45** Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
5. **Số lần thi:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
6. **Số giờ tự học:** 30
7. **Học phần tiên quyết:** Sinh học đại cương, mô học, sinh lý, sinh hóa, miễn dịch, sinh lý bệnh.
8. **Mục tiêu:**
   1) Trình bày được các phương pháp nghiên cứu DT y học và ứng dụng.
   2) Nêu được đặc điểm bộ gen người, bộ NST người và một số kĩ thuật di truyền ứng dụng trong y học.
   3) Trình bày được các nguyên lý di truyền cơ bản chi phối các tính trạng, bệnh di truyền của người.
   4) Giải thích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh một số bệnh tật di truyền ở người và nhận biết được dấu hiệu lâm sàng của một số bệnh tật di truyền ở người.
   5) Chỉ định được một số xét nghiệm di truyền cần thiết.
   6) Nêu được một số phương hướng điều trị, phòng bệnh di truyền ở người và tư vấn di truyền.
9. **Nội dung chi tiết**

LÝ THUYẾT

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết	
		LT	Tự học
1	**Phần 1: Các phương pháp nghiên cứu di truyền y học** phả hệ, nếp vân da, tế bào học, sinh đôi, di truyền học quần thể người...	1	2
2	**Phần 2: Bộ gen - bộ NST người và một số kỹ thuật DT y học** - Khái quát về bộ gen người. - Tiêu chuẩn xếp loại NST người. - Các phương pháp nhuộm tiêu bản NST người - Kĩ thuật di truyền ứng dụng trong y học	2	4
3	**Phần 3: Nhiễm sắc thể giới tính và vật thể giới tính ở người** - NST giới tính và chức năng. - Vật thể giới tính Barr, Drumstic, vật thể Y và ứng dụng.	1	2

4	**Phần 4: Các tính trạng và bệnh di truyền đơn gen ở người** - Phân loại bệnh rối loạn vật chất DT ở người - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên nhiễm sắc thể thường & đặc điểm. - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên nhiễm sắc thể giới tính & đặc điểm.	2	4
5	**Phần 5: Các tính trạng và bệnh di truyền đa gen và đa nhân tố ở người**	1	2
6	**Phần 6. Di truyền nhóm máu ở người** - Di truyền nhóm máu ABO. - Di truyền nhóm máu Rh. - Di truyền nhóm máu MN... - Di truyền hệ kháng nguyên HLA.	1	2
7	**Phần 7: Bất thường bẩm sinh** Khái niệm; nguyên nhân, cơ chế gây BTBS, các giai đoạn tác động gây BTBS	1	2
8	**Phần 8: Di truyền ung thư** Đặc điểm sinh học của tế bào ung thư; nguyên nhân, cơ chế và cơ sở sinh học gây ung thư.	1	2
9	**Phần 9: Bệnh học NST ở người** - Các bệnh lệch bội NST:Down, Patau, Turner, Klinerfelter... - Các bệnh đột biến cấu trúc NST: hội chứng "mèu kêu", Down chuyển đoạn, NST Philadelphia, Fragyl X... - Hiện tượng lưỡng giới: giả, thật ở người.	2	4
10	**Phần 10: Đột biến gen và Di truyền bệnh phân tử ở người** - Phân loại bệnh đột biến gen - Các bệnh rối loạn phân tử Protein không là men : bệnh về hemoglobin; Bệnh về các yếu tố đông máu. - Các bệnh rối loạn phân tử Protein là men: rối loạn chuyển hoá đường; chuyển hoá a. amin; chuyển hoá Lipit.	2	4
11	**Phần 11: Phương pháp phòng và điều trị bệnh di truyền** - Phương hướng điều trị bệnh DT. - Phương hướng phòng bệnh DT. - Các phương pháp sàng lọc bệnh tật di truyền và chẩn đoán trước sinh. - Tư vấn di truyền: đối tượng, các nguyên tắc thực hiện, lời khuyên di truyền.	**1**	2
	Tổng	**15**	**30**

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Phân tích nếp vân da bàn tay	4
2	Vật thể giới – cách làm tiêu bản tế bào niêm mạc miệng để xét nghiệm vật thể Barr	4
3	Nghiên cứu di truyền đơn gen bằng phương pháp lập và phân tích gia hệ	4
4	Khảo sát con sinh đôi, di truyền quần thể, kỹ thuật di truyền phân tử	4
5	Kỹ thuật làm tiêu bản phân tích bộ NST người	4
6	Phương pháp lập và phân tích bộ NST người	4
7	Quan sát và kết luận hình ảnh lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh di truyền người.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng	30

10. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

11. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
  - o Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
  - o Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời trắc nghiệm
    Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.
- ✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

12. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

13. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

14. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Di truyền Y học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Thài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2006), Thực tập Di truyền Y học, Nhà xuất bản Y học.
2. Neil A. Campbell và cs. (2008), Sinh học, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), Sinh học phân tử, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Thị Hồng Nhung và cs. (2017), Sinh học tế bào và Di truyền học, Nhà xuất bản Y học.
5. Đái Duy Ban (1998), Công nghệ DNA trong điều trị gen các bệnh hiểm nghèo, Nhà xuất bản Y học.
6. Đái Duy Ban (2003), Sinh học phân tử của ung thư vòm họng, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
7. Lê Văn Trực (2002), Trắc nghiệm Di truyền học đại cương, Nhà xuất bản Thanh niên.
8. Nguyên nhân và phân loại tật bẩm sinh ở người (2011), Nhà xuất bản Y học.
9. Chu Văn Mẫn và cs (2002), Di truyền người, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
10. Nguyễn Viết Nhân, Hà Thị Minh Thi (2005), Di truyền Y học, Đại học Huế.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 201

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

TRƯỜNG ĐH Y HP
KHOA Y TẾ CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DÂN SỐ HỌC
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA; BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT; BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số:
- Số học phần: 1
- Số chứng chỉ: 1
- Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số tiết học: (30/0)
- Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ đa khoa năm 1; Răng hàm mặt năm 1; bác sĩ y học cổ truyền năm 1
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y Tế Công Cộng

1. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Dân số học là môn khoa học về dân số. Nghiên cứu DSH giúp cho người học nắm được một hệ thống kiến thức về dân số, những quá trình DSH, những lý thuyết về dân số và những lãnh vực ứng dụng.

Học phần này giới thiệu những khái niệm căn bản nhằm giúp người học có thể phân tích được các xu hướng biến động của các thành phần chính của dân số là sinh, chết, di dân và cơ cấu dân số.

2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về dân số (quy mô, cơ cấu, mức sinh, mức chết) và các yếu tố ảnh hưởng.
2. Phân tích được sự tác động qua lại giữa dân số và kinh tế, giáo dục, môi trường.
3. Trình bày được các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

3. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	TH	
1.	Nhập môn Dân số học-Quy mô cơ cấu dân số	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
2.	Nguồn số liệu dân số	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
3.	Mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà

4.	Mức chết và các yếu tố ảnh hưởng	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
5.	Di dân và đô thị hóa	3	0	6	BSCKII. Nguyễn Bá Dụng
6.	Dân số và phát triển kinh tế	3	0	6	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Dân số và giáo dục	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
8.	Dân số và môi trường	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
9.	Chính sách dân số	4	0	8	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng
10.	Dự báo dân số	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
	TỔNG SỐ	**30**	**0**	**60**	

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

5. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

Trần Chí Liêm, *Dân số học,* Hà nội, Nhà xuất bản Y học, 2009.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

7. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa học
- Mã môn học: .....
- Số tín chỉ: 3 (2LT/1TH)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học – BS Y học cổ truyền
- Loại môn học:
  - Bắt buộc: ☑
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này):không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
  - Làm bài tập trên lớp : 5 tiết
  - Thảo luận : 5 tiết
  - Thực hành, thực tập : 30 tiết
  - Tự học : 60giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt, Bác sĩ Y học dự phòng, Bác sỹ Y học cổ truyền có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kĩ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản làm nền tảng cho y học dự phòng;
- Trình bày được nội dung cơ bản của các nguyên lí cơ bản của nhiệt động hóa học để giải thích các quá trình hóa học, định luật Hess và các hệ quả, các khái niệm nội năng, enthalpy, entropy, thế đẳng nhiệt đẳng áp, các loại hằng số cân bằng và nguyên lý chuyển dịch cân bằng, tốc độ phản ứng.
- Phân biệt được các loại dung dịch, biết cách pha chế dung dịch, xác định được độ pH.
- Trình bày được các tính chất hóa học cơ bản của hợp chất vô cơ, ứng dụng của một số chất vô cơ trong ngành y.

- Trình bày được tên gọi, phương pháp điều chế, tính chất hóa học chính, ứng dụng của các chất hữu cơ. Viết được qui trình điều chế một số hợp chất có nhóm chức, viết được tên và công thức các chất được sử dụng trong ngành y.

Về kĩ năng

- Biết cách sử dụng các dụng cụ đơn giản để tiến hành thí nghiệm chứng minh các chất vô cơ và hữu cơ.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Phần Lý thuyết Hóa học: gồm 3 phần và 1 bài thi kết thúc phần lý thuyết

+ Phần Hóa đại cương bao gồm cả lí thuyết, bài tập về Nguyên lý I của NĐLH, hiệu ứng nhiệt, định luật Hess, nhiệt sinh, nhiệt cháy, nhiệt biến đổi trạng thái tập hợp, nguyên lý II, entropy, thế đẳng nhiệt đẳng áp. Xác chiều hướng diễn biến của quá trình hóa học, cân bằng hoá học và tốc độ phản ứng, tính chất chung của dung dịch, tính độ pH.

+ Phần Hóa vô cơ gồm các tính chất cơ bản của kim loại và phi kim, các hợp chất vô cơ.

+ Phần Hóa hữu cơ gồm tên gọi, điều chế, tính chất chính của các chất hữu cơ.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Bộ môn Hóa học, Giáo trình Hoá học, (Lưu hành nội bộ).

2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).

3/ Hóa Đại cương , ĐH Y Hà Nội

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết
1	Cấu tạo nguyên tử. Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	3
2	Nhiệt động học	3
3	Động hóa học	3
4	Đại cương về dung dịch	5
5	Các chất vô cơ	3
6	Đại cương về hóa hữu cơ	3
7	Hydrocacbon	4
8	Hợp chất chứa oxy	3
9	Hợp chất chứa nitơ và tạp chức	3
	Tổng	30

5.2. Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong PTN.	4
2	Bài 2: Phương phân phân tích trung hòa	4
3	Bài 3: Phương pháp Complexon	4
4	Bài 4: Phương phân Pemanganat	4
5	Bài 5: Dung dịch đệm	4
6	Bài 6: Dung dịch keo	5
7	Bài 7: Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học	5
	Tổng	30

5.3. Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1: Từ:…. Đến…	Cấu tạo nguyên tử. Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học (5)	2	1			5h	*Đọc quyển ..., trang... Chuẩn bị câu hỏi ...*	
Tuần 2: Từ:…. Đến…	Nhiệt động học (3) + Động hóa học (2)	3	1		2	5h		
Tuần 3: Từ:…. Đến…	Động hóa học (1) + Đại cương về dung dịch (4)	3	2	1	4	10h		
Tuần 4: Từ:…. Đến…	Đại cương về dung dịch (5)	3	2	1	4	10h		
Tuần 5: Từ:…. Đến…	Đại cương về dung dịch (1) + Các chất vô cơ (4)	3	2	1	4	10h		
Tuần 6: Từ:…. Đến…	Đại cương về hóa hữu cơ (5)	4	1	1	8	5h		
Tuần 7: Từ:…. Đến…	Hydrocacbon (5)	4	1		8	5h		
Tuần 8: Từ:…. Đến…	Hợp chất chứa oxy (5)	4	1	1		5h		
Tuần 9: Từ:…. Đến…	Hợp chất chứa nito và tạp chức	4	1	1		5h		

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- PGS.TS Vũ Thị Kim Loan
- TS Bùi Ngọc Tân
- TS Nguyễn Văn Dưỡng
- Th.S Nguyễn Thị Hương
- Th.S Ngô Thanh Hường
- Th.S Nguyễn Thị Cúc

11. Cơ sở vật chất:

Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu	**Trưởng Bộ môn**
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	**Vũ Thị Kim Loan**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ SINH Y HỌC

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Mã học phần:
2. Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
3. Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 15 Thực hành : 30
4. Số giờ tự học (tiết): 45
5. Đối tượng sinh viên : Y học cổ truyền
6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y Vật Lý

II. MÔ TẢ VỀ HỌC PHẦN

Học phần Y Vật lý – Lý sinh bao gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường với hình thức thuyết trình có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết kiến thức trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài thực hành thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,…).

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Phân tích được một số hiện tượng vật lý và hóa lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống.
- Vận dụng các định luật vật lý và hóa lý để giải thích các quá trình hóa lý xảy ra trong cơ thể sống
- Trình bày được cơ chế tác dụng và hậu quả của các tác nhân vật lý lên cơ thể sống
- Trình bày được một số kiến thức y vật lý cơ bản và những ứng dụng của nó trong chẩn đoán, thăm dò chức năng và điều trị.
- Thực hiện được một số phương pháp đo lường trong vật lý – lý sinh tại phòng thực tập.
- Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác và khoa học trong học tập.

IV. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

- Th.S Nguyễn Phú Nghĩa
- Th.S Phạm Thị Vân
- Th.S Nguyễn Thị Hiền
- Th.S Hà Minh Tâm
- Th.S Mai Thị Là
- Th.S Đào Việt Phương

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Nhiệt độ và nhiệt lượng	1		1
2	Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học	1		3
3	Nguyên lý thứ hai nhiệt động học	1		2
4	Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sống	0		2
5	Sự vận chuyển máu trong cơ thể	1		2
6	Sự vận chuyển khí trong cơ thể	1		2
7	Các loại điện thế sinh vật	0		2
8	Ghi điện sinh học	1		2
9	Tác dụng sinh vật của dòng điện và ứng dụng trong điều trị	1		1
10	Bản chất vật lý của âm và siêu âm	1		1
11	Ứng dụng của âm và siêu âm trong y học	1		1
12	Các định luật cơ bản về ánh sáng. Mắt và dụng cụ bổ trợ	1		2
13	Bản chất của ánh sáng.Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống	1		3
14	Ứng dụng của Laser trong y hoc	1		1
15	Cấu tạo nguyên tử và hạt nhân nguyên tử. Các loại tia phóng xạ	0		2
16	Tương tác của bức xạ ion hóa với vật chất	1		1
17	Tác dụng sinh vật của bức xạ ion hóa	1		1
18	Ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt nhân vào y sinh	1		1

	học				
19	Tính thấm màng tế bào da ếch			4	2
20	Ảnh hưởng của các ion K, Zn lên hoạt động của bó xoang			4	2
21	Đo nhiệt dung riêng của chất lỏng			2	1
22	Kỹ thuật ghi đo điện tâm đồ			4	2
23	Tác dụng của dòng điện một chiều và phương pháp điện châm .			2	1
24	Xác định thị trường của mắt			4	2
25	Đo ngưỡng nghe			4	2
26	Chẩn đoán hình ảnh bằng siêu âm			2	1
27	Đo gia tốc trọng trường bằng con lắc vật lý			4	2
	Tổng số		15	30	45

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học:

Truyết trình, trình chiếu, hoạt động nhóm.

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài giảng.

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng lý sinh do bộ môn soạn

Bài thực hành do bộ môn biên soạn

2. Tài liệu tham khảo

Lý sinh Y học – Trường đại học Y Hà Nội 1998, 2005, 2015

Vật lý đại cương - Trường đại học Dược Hà Nội 2008

Lý sinh cử nhân điều dưỡng - Phan Sỹ An, 2012

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1 Kiểm tra, đánh giá ban đầu: Giảng viên thăm hỏi sinh viên bằng những câu hỏi nhỏ.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình:

- *Chuyên cần:* sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bộ môn đầy đủ, tích cực.
- *Kiểm tra thường xuyên:* sinh viên hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên đã giao.

(ĐG ban đầu và ĐG quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần)

3 Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần:

-Dựa trên kết quả thi kết thúc học phần: tự luận

Công thức điểm = (LT X 2 +TH)/3

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. *Học phần lý thuyết:* giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên
2. *Học phần thực hành:* phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. **Mã số môn học:** Sinh học đại cương
2. **Đối tượng:** Y học cổ truyền hệ chính quy
3. **Số tín chỉ:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
4. **Số tiết học:** 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
5. **Số lần thi: 2** Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
6. **Số giờ tự học:** 30
7. **Mục tiêu:**
   1) Trình bày được cấu trúc, chức năng của tế bào và các hoạt động sống cơ bản của cơ thể sống.
   2) Trình bày được cơ sở di truyền trong tế bào và các qui luật di truyền cơ bản ở sinh vật.
   3) Trình bày được quá trình phát triển cá thể ở động vật.
   4) Trình bày được phân loại đột biến và cơ chế phát sinh đột biến.
8. **Nội dung chi tiết**

LÝ THUYẾT

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Tự học
1	**Sinh học tế bào** - Các phương pháp nghiên cứu tế bào. - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào. - Sự vận chuyển vất chất qua màng tế bào. - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người. - Sự vận động của tế bào.	04	08
2	**Di truyền học** **I. Cơ sở vật chất di truyền:** ADN, ARN, tổng hợp Protein và cơ chế điều hoà hoạt động của gen. **II. Các có chế di truyền cơ bản ở sinh vật:** di truyền đơn gen, đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính.	03	06
3	**Sinh học phát triển các thể:** - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể. - Sự tái sinh ở sinh vật.	04	08

4	**Đột biến:** - Phân loại đột biến. - Cơ chế đột biến đa bội , lệch bội. - Cơ chế đột biến cấu trúc NST. - Đột biến gen.		**04**	08
	Tổng số giờ:		**15**	**30**

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Sử dụng kính hiển vi quang học	4
2	Hình dạng tế bào, nhân tế bào.	4
3	Trao đổi chất qua màng tế bào, sự vận động của tế bào	4
4	Cấu trúc hiển vi và siêu hiển vi của màng, bào quan và nhân của tế bào	4
5	Nhiễm sắc thể của một số loài	4
6	Phân bào nguyên nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
7	Phân bào giảm nhiễm– các tế bào sinh dục - sự phát triển phôi.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng số	**30**

9. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
  - o Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
  - o Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời câu hỏi trắc nghiệm
    Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.
- ✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

11. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

12. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

13. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Sinh học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Tài liệu tham khảo:

1. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. Ngô Giang Liên (1993), *Thực tập Tế bào học,* Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
6. Trịnh Văn Bảo và cs. (2005), *Thực tập Sinh học*, Nhà xuất bản Y học.
7. Đỗ Kính (2008), *Phôi thai học: thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 201

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 02 tín chỉ
Phân bố thời gian: 30 tiết Lý thuyết: 30 tiết
Số giờ tự học: 60 giờ
Đối tượng sinh viên: **Y HỌC CỔ TRUYỀN**
Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tâm lý – Đạo đức y học

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Phần tâm lý y học: Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý học y học: tâm lý học đại cương, tâm lý người bệnh và tâm lý người thầy thuốc, giao tiếp trong y học và một số liệu pháp tâm lý được sử dụng trong y học.

Phần đạo đức y học: Nội dung bao gồm một số vấn đề cơ bản của đạo đức y học, các nguyên tắc y đức cơ bản, các mối quan hệ về mặt y đức giữa nhân viên y tế với nhau, với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Phần Tâm lý:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa của tâm lý học y học là môn học cần thiết cho mối quan hệ giữa nhân viên y tế với người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Trình bày được một số đặc điểm cơ bản về tâm lý người bệnh, tâm lý người thầy thuốc.
3. Nêu được diễn biến tâm lý của người bệnh khi đến khám và nằm viện.
4. Bước đầu hiểu tâm lý người bệnh, biết cách tác động đến tâm lý người bệnh, người nhà bệnh nhân.
5. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc học tập, thực hành và nghiên cứu y dược học.

Phần Đạo đức

1. Trình bày được một số vấn đề cơ bản của Đạo đức y học
2. Trình bày được các nguyên tắc đạo đức y học

3. Vận dụng được các nguyên tắc đạo đức trong các mối quan hệ đồng nghiệp, cộng đồng, bệnh nhân và sinh viên và trong nghiên cứu y sinh học

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Phần Tâm lý

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Tâm lý học y học	01	02	Ths. Thiện
2	Tâm lý học nhân cách	01	02	Ths. Thành
3	Gia đình – Xã hội – Stress tâm lý	02	04	Ths. Thành
4	Giao tiếp, giao tiếp trong y học	03	06	Ths. Thiện
5	Stress tâm lý – Tâm lý lứa tuổi	02	04	Ths. Mai Anh
6	Liệu pháp tâm lý	02	04	Ths. Mai Anh
7	Tâm lý bệnh nhân đến khám bệnh	02	04	Ths. Duyên
8	Tâm lý bệnh nhân nằm trong bệnh viện	02	04	Ths. Duyên
	Tổng	**15**	**30**	

Phần Đạo đức

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Lịch sử phát triển và các tấm gương đạo đức y học thế giới và Việt Nam	02	04	Gs Thức
2	Một số vấn đề cơ bản về đạo đức học	04	08	Ths. Thiện
3	Các nguyên tắc đạo đức y học	02	04	Gs Thức
4	Quan hệ giữa bệnh nhân và thầy thuốc	03	06	Ths. Hiếu
5	Quan hệ giữa thầy thuốc với đồng nghiệp và với cộng đồng	02	04	Ths. Hiếu
6	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	02	04	BS. Linh
	Tổng	**15**	**30**	

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Giảng lý thuyết trên lớp, Xermina, DH dự án

5.2. Phương pháp học:

- Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: tự học theo giáo trình và sách tham khảo mà bộ môn giới thiệu. Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.
- Tham gia nhóm học tập, diễn đàn

VI. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

- Bài giảng Đạo đức y học – ĐH Y Dược Hải Phòng, NXB Y học, 2014
- Bài giảng Tâm lý đạo đức y học do bộ môn biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Tâm lý y học, Nguyễn Văn Nhận – NXB Y học 2006
- Những bậc thầy nổi danh về y đức – NXB Y học, 2013
- Những chỉ dẫn quốc tế về đạo đức cho các nghiên cứu y sinh có đối tượng nghiên cứu liên quan đến con người – NXB thống kê 2010

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên
- Kiểm tra – đánh giá trong quá trình: Theo dõi sĩ số, thái độ học tập
- Kiểm tra - đánh giá kết thúc học phần : Thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Công thức tính điểm tổng kết học phần: TKHP = LT

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TM.BỘ MÔN

Phùng Chí Thiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ MÔN TIN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ỨNG DỤNG

(2016 – 2017)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bổ thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên: (năm thứ nhất)

- Y đa khoa
- Y học dự phòng
- Y học cổ truyền
- Răng hàm mặt

Học phần tiên quyết: Tin học đại cương, Toán xác suất thống kê.

Học phần học trước: Tin học đại cương

Học phần song hành: không

Giáo viên giảng dạy: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Trịnh Anh Tuấn, Lương Thanh Nhạn, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Văn Trọng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần tin học ứng dụng bao gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có máy chiếu (projector). Các buổi thảo luận và bài tập được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy, sinh viên thực hiện các thao tác trên máy tính dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Kiến thức:

+ Có kiến thức tin học cơ bản làm nền tảng cho việc áp dụng các kiến thức về công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng tin học trong y học.

+ Nắm được các thao tác, biết phân tích số liệu cơ bản của phần mềm thống kê.

- Kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức lý thuyết đã được trang bị để thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành:

+ Thiết kế cấu trúc bảng số liệu, nhập, mã hóa, phân tích và thống kê số liệu.

+ Phiên giải các kết quả thống kê, lập các báo cáo số liệu.

- Thái độ:

Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận; sáng tạo trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành,… nghiêm túc chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	TỰ HỌC
1	Thiết kế và nhập dữ liệu: - Giới thiệu về phần mềm thống kê - Các thao tác cơ bản - Cơ sở dữ liệu trên - Khái niệm biến và các thuộc tính của biến - Tạo file dữ liệu - Một số thao tác với dữ liệu	3	6	12
2	Các thao tác với biến: - Tính giá trị cho biến - Đếm số lần xuất hiện của các giá trị trong từng trường hợp - Mã hóa dữ liệu - Sắp xếp, lọc và tìm kiếm thông tin - Chia dữ liệu trong tệp thành các nhóm - Nối tệp tin dữ liệu	2	4	8
3	Trình bày dữ liệu: - Lập bảng tần số các giá trị của biến - Tính các đại lượng trong thống kê mô tả - Lập các bảng tổng hợp nhiều biến - Vẽ biểu đồ	2	4	8
4	So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập: - Cơ sở lý thuyết của Kiểm định Khi bình phương - So sánh tỷ lệ - Kiểm định tính độc lập - Nguy cơ tương đối (Relative Rick) và Tỷ suất chênh lệch (Odds Ratio)	3	6	12
5	Kiểm định phân phối chuẩn và kiểm định trung bình: - Kiểm định phân phối chuẩn - Kiểm định trung bình	3	6	12
6	Tương quan và hồi quy tuyến tính: - Tương quan tuyến tính - Hồi quy tuyến tính	2	4	8
Cộng		15	30	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: Giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, … trên cơ sở lấy người học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên là người nêu vấn đề và tổng kết.

- Thực hành: Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nêu tình huống, thảo luận cách giải quyết, sinh viên thực hiện trên máy tính dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, kỹ thuật viên.

5.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên học: lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra và thực hành tại phòng máy tính.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Giáo trình chính

[1]. Bộ môn Tin học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, *Giáo trình Tin học ứng dụng*, 2016.

6.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Cự Linh, Thống kê y tế công cộng – Phần thống kê cơ bản, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[2]. Phạm Việt Cường, Thống kê y tế công cộng – Phần phân tích số liệu, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[3]. Nguyễn Ngọc Rạng, Thiết kế nghiên cứu và thống kê y học, Nhà xuất bản Y học TP Hồ Chí Minh, 2012.

[4]. Nguyễn Văn Tuấn, *Lâm sàng thống kê -Ý nghĩa của odds ratio và relative risk*, Chương trình huấn luyện y khoa - YKHOA.NET Training, www.ykhoa.net/baigiang/lamsangthongke/lstk14_oddratio.pdf

[5]. Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Đình Nguyên, *Nguy cơ tương đối (RR)và Odds ratio (OR)*, https://tqhien.files.wordpress.com/2011/10/phan-biet-rr-va-or.ppt

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu:

Vấn đáp sinh viên về kiến thức đã được học.

Kiểm tra – đánh giá quá trình:

Đánh giá nhận xét sinh viên sau các bài thực hành (mức độ hoàn thành, chất lượng, ý thức học tập…)

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Điều kiện dự thi hết học phần:
  + Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.
  + Điểm thi thực hành từ 5.0 trở lên.
- Thi kết thúc học phần: thi viết hoặc vấn đáp.
- Điểm tổng kết phọc phần được tính theo công thức: **TKHP = (THI × 2 + TH)/3**

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- 02 phòng thực hành: mỗi phòng có 30 máy tính được nối mạng Internet.
- Máy chiếu, máy in.

Hải Phòng, ngày..... tháng ..... năm 20....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

Trần Thanh Vân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TOÁN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

Năm học: 2015 – 2016

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
- Số tiết: 48 Lý thuyết: 18 Thực hành: 30
- Số tiết tự học: 45
- Đối tượng: **Bác sĩ đa khoa K37, Bác sĩ răng hàm mặt K7, Bác sĩ y học cổ truyền K1.**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán, Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Đào Thu Hằng
- ThS. Nguyễn Ngọc Tú
- ThS. Nguyễn Thị Hương Thảo
- ThS. Nguyễn Thị Huệ

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Học phần Xác suất thống kê y học dành cho đối tượng Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ răng hàm mặt, Bác sĩ y học cổ truyền gồm 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành). Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: SV tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm.
- Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

+ Định nghĩa xác suất và các công thức tính xác suất.

+ Đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất và các số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên. Một số quy luật phân phối xác suất thường gặp.

+ Mẫu và các đặc trưng mẫu.

	phân phối xác suất thông dụng.				
3	Mẫu và các đặc trưng mẫu.	2	2	3	
4	Ước lượng tham số: ước lượng điểm, ước lượng khoảng (ước lượng khoảng cho kỳ vọng, xác suất; độ chính xác của ước lượng và cỡ mẫu cần thiết).	2	5	5	
5	Kiểm định giả thiết thống kê: nguyên lý chung, kiểm định giả thiết về giá trị trung bình, kiểm định giả thiết về tỷ lệ, so sánh hai trung bình, so sánh hai phương sai, so sánh hai tỷ lệ, so sánh nhiều tỷ lệ và kiểm định giả thiết về tính độc lập. Các chỉ số: nguy cơ tương đối, tỷ suất chênh.	4	12	20	
6	Tương quan và hồi quy tuyến tính giữa hai biến: hệ số tương quan mẫu, kiểm định sự tương quan, phương trình hồi quy tuyến tính.	2	2	4	
TỔNG		**18**	**30**	**45**	

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Lý thuyết:

Phối hợp các phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, SV tự nghiên cứu tài liệu, động não, dạy học dựa trên vấn đề.

- Thực hành: SV tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm, thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu học tập:

1. Giáo trình thống kê Y học, Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
2. Bài tập Xác suất thống kê Y Dược, Bộ môn Toán học – Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.

7.2. Tài liệu tham khảo:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

A. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ Y học cổ truyền
Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Giải phẫu bệnh
Học phần học trước: Triệu học học Nội Khoa, Triệu chứng học Ngoại khoa.
Học phần song hành: Bệnh học Nội, Bệnh học Ngoại
Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Chẩn đoán hình ảnh
Cán bộ giảng dạy:

1. ThS. Bùi Hoàng Tú - Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn
2. ThS. Phạm Quốc Thành - Giảng viên
3. TS. Hoàng Đức Hạ - Giảng viên kiêm chức

B. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Vai trò

- Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các biểu hiện hình ảnh trong bệnh lý các cơ quan, bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng đến các phương pháp hiện đại.

2. Vị trí học phần

- Học phần thuộc khối kiến thức y học lâm sàng, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên bác sỹ đa khoa sau khi đã hoàn thành khối kiến thức cơ bản.

3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thứ về:
- Triệu chứng học về hình ảnh của các cơ quan như phổi, tim mạch, xương, tiêu hóa, tiết niệu…
- Những hình ảnh của các cơ quan, hệ thống của cơ thể trong một số bệnh thường gặp.
- Kỹ năng phân tích và đọc được một số phim thông thường như viêm phổi, u phổi, sỏi tiết niệu.

4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành y học lâm sàng nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và dạy đồng thời với các môn y học lâm sàng khác.

5. Nội dung - phương pháp tự học của sinh viên

- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận....
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

C. NỘI DUNG

TT	Tên bài giảng/ Chủ đề	Thời gian		
		TS	LT	TH
1	Chẩn đoán hình ảnh tim phổi	9	3	6
2	Chẩn đoán hình ảnh gan mật tụy	9	3	6
3	Chẩn đoán hình ảnh ống tiêu hóa - cấp cứu bụng	9	3	6
4	Chẩn đoán hình ảnh hệ tiết niệu	9	3	6
5	Chẩn đoán hình ảnh hệ vận động	9	3	6
	Tổng số	45	15	30

D. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001. - 174tr. ; 27cm
- Chẩn đoán hình ảnh: dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa / Ch.b. Nguyễn Duy Huề. - H. : Y học, 2010. - 384 tr. ; 27 cm

2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang siêu âm. - H. : Y học, 2004. - 368 tr. ; 21 cm.
- Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiết niệu / Lange, S. - H. : Y học, 1999. - 191tr. ; 27 cm.
- Chẩn đoán X quang trẻ em xương chi và tuổi xương / Trần Văn Tiến. - H. : Y học, 1999. - 252 tr. ; 19 cm.
- Hướng dẫn thực hành siêu âm ổ bụng / Taboury. - H. : Y học, 2001. - 282tr. ; 19 cm
- Siêu âm bụng tổng quát / Nguyễn Phước Bảo Quân. - H. : Y học, 2002-. 553 tr. ; 27 cm.
- Thực hành X - quang ngực / Nguyễn Văn Thành. - Tái bản lần thứ 3 có sửa chữa bổ sung. - H. : Y học, 2015. - 170tr. : Hình minh hoạ ; 24cm

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự sưu tầm, tìm hiểu...

- Thi thực hành:

+ Lượng giá sau khi kết thúc chương trình thực hành bằng cách cho đọc phim, xem trên Powerpoint và cho điểm. Thời gian kiểm tra 15 phút

+ Đây là điều kiện để thi lý thuyết

- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm thời gian 60 phút

Điểm thi thực hành: Điểm kiểm tra đọc phim trên máy chiếu cuối học phần.
Điểm thi lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần.
Điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐTLT} \times 2 + \text{ĐTTH}) / 3$$

G. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Lý thuyết: Giảng đường, bảng, máy chiếu, micro, loa đài.
2. Thực hành: Phòng thực tập, đèn đọc phim, bộ phim tài liệu

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DỊCH TỄ HỌC

Đối tượng: Y học cổ truyền		**Mã số:**
Số tín chỉ: 3	**Lý thuyết: 2**	**Thực hành: 1**
Số tiết học: 60	**Lý thuyết: 30**	**Thực hành: 30**
Số giờ tự học: 75	**Lý thuyết: 60**	**Thực hành: 15**
Số lần kiểm tra: 2		

1. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Dịch tễ học gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

2. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng

Mục tiêu kiến thức:

1. Nêu được đặc điểm và ứng dụng của dịch tễ học
2. Trình bày được cách tiếp cận dịch tễ học để định nghĩa, đo lường sự xuất hiện những tình trạng liên quan đến sức khỏe trong quần thể
3. Phân tích được những điểm mạnh và hạn chế của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học
4. Nêu được những đóng góp của dịch tễ học để phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và xây dựng chính sách y tế, thực hành lâm sàng.
5. Nêu được vai trò của dịch tễ học trong đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình can thiệp

Mục tiêu thái độ:

1. Nhìn nhận được vai trò quan trọng và cần thiết của DT trong y học.
2. Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật của DTH để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.

Mục tiêu kỹ năng:

1. Tính toán được các số đo mắc bệnh và tử vong
2. Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát bệnh

3. NỘI DUNG MÔN HỌC

Số TT	CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC	LT	TH	Tự học
1	Cách đề cập và chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	1	0	4
2	Số đo mắc bệnh và tử vong	2	4	4
3	Phương pháp nghiên cứu mô tả	2	0	4
4	Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	2	4	4
5	Phương pháp nghiên cứu thuần tập	2	4	4
6	Phương pháp nghiên cứu can thiệp	2	0	4
7	Sàng tuyển phát hiện bệnh sớm	2	4	4
8	Chẩn đoán cộng đồng	1	4	4
9	Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	2	2	4
10	Các sai số trong nghiên cứu dịch tễ học	2	0	4
11	Xử lý, phân tích số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu	2	4	7
12	Dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng	2	0	8
13	Dịch tễ học các nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, máu, da, niêm mạc	2	0	8
14	Giám sát dịch tễ học	2	0	4
15	Dịch tễ học và dự phòng nhiễm HIV/AIDS	2	0	4
16	Các nguyễn lý về miễn dịch và vaccine, chương trình tiêm chủng mở rộng	2	4	4
	Tổng:	**30**	**30**	**75**

4. Phương pháp dạy học:

- Giảng dạy tích cực
- Thảo luận nhóm
- Làm bài tập mẫu
- Tham quan thực địa

5. Lượng giá

- Thi viết cải tiến
- Thi trắc nghiệm.
- Làm bài tập chuyên đề
- Đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi lý thuyết x 2+ điểm thi thực hành)/3

6. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu phát tay Khoa Y tế Công Cộng, trường Đại học Y Hải phòng (2012)
- Trường Đại học Y Hải phòng. Dịch tễ học, NXB Y học (2012)
- Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2006

- PGS.TS. Dương Đình Thiện, Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, NXB Y học, 2001.
- Trường Đại học Y Hà Nội, Thực hành dịch tễ học, NXB Y học, 1996

7. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dịch tễ học. Khoa Y tế Công cộng-Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

8. Chuẩn bị cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Phòng thực hành tại khoa Y tế công cộng

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
Phạm Văn Hoàn	Nguyễn Thị Thanh Bình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Khoa Điều dưỡng
Bộ môn Điều dưỡng cơ bản

Đối tượng: RHM, YHDP, YHCT
Hệ chính quy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Môn học: Điều dưỡng cơ bản

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 75

Đối tượng sinh viên (dự kiến): **Y học cổ truyền , Y học dự phòng, Răng hàm mặt năm thứ 2**

Học phần tiên quyết: Giải phẫu

Học phần học trước: Sinh lý

Học phần song hành: Kỹ năng giao tiếp

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Điều dưỡng cơ bản

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Là môn học kỹ năng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong thực hành chăm sóc người bệnh.

- Môn học bao gồm 2 phần chính. Nội dung bao gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm, mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, các xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Là môn học kỹ năng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong thực hành chăm sóc người bệnh.

- Môn học bao gồm 2 phần chính. Nội dung bao gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm, mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ

bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, các xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI HỌC	TIẾT GIẢNG		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Giới thiệu về điều dưỡng	1	0	2
2	Tâm lý người bệnh và hoạt động chăm sóc của điều dưỡng viên.	1	0	4
3	Vệ sinh khoa phòng bệnh viện.	1	0	4
4	Một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh	1	2	3
5	Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.	1	0	2
6	Chăm sóc người bệnh trước và sau mổ.	1	0	6
7	Theo dõi người bệnh nằm điều trị tại bệnh viện.	1	2	6
8	Vận chuyển người bệnh.	1	2	4
9	Tiêm thuốc.	1	10	10
10	Truyền dịch, truyền máu.	1	2	8
11	Rửa dạ dày, hút dịch dạ dày, cho ăn bằng ống sonde, hút dịch tá tràng, thụt đại tràng.	1	4	10
12	Thông tiểu.	1	2	4
13	Băng vết thương, thay băng, cắt chỉ.	1	2	4
14	Các biện pháp hồi sức đơn giản ban đầu.	1	2	4
15	Liệu pháp Oxy	1	2	4

	Tổng số tiết giảng	**15**	**30**	**75**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm, động não, hoạt động hỏi đáp, bài tập tình huống
- Thực hành: mô phỏng, thảo luận nhóm, đóng vai.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học…
- Tại phòng thực hành: giảng viên làm mẫu, sinh viên quan sát sau đó tự thực hành dưới sự giám sát và chỉnh sửa của giảng viên và các trợ giảng…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề…, tự học trên mô hình, tranh ảnh, tự học kỹ năng, làm bài tập tình huống.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình Điều dưỡng cơ cở do Bộ môn biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2002), Điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản – Tập 1,2. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 2 tập. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Y tế (2010), Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập 1,2. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
5. Fundamental Nursing: Concepts, process and practice /Kathleen G.Hoover. - 3rd - USA: Mosby,1993. 309p.; 24cm.

6. Fundamentals of Nursing: human health and function. - Second edition. - Philadenphia: Lippincott,1996. - 1580 p; 29cm.
7. Fundamental Nursing: concepts and skills / Cole, Grace. - 2ed. - USA: Mosby, 1996. - 679 p.:24 cm

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

*** Lý thuyết :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Câu hỏi ngắn, tình huống
- Đánh giá trong quá trình:
  + Điểm danh
  + Cho câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm
- Kết thúc học phần
  + Hình thức thi : Thi viết
  + Phương pháp : Câu hỏi ngắn
  + Thời gian : 60 phút

*** Thực hành :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: câu hỏi ngắn
- Đánh giá trong quá trình:
  + Điểm danh
  + Quan sát, lượng giá bằng bảng kiểm
- Kết thúc học phần
  + Hình thức thi : Thi chạy trạm
  + Phương pháp : Sử dụng bảng kiểm (thang điểm 2 – 1 – 0)

*** Điều kiện dự thi hết học phần:**

- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết thực giảng của học phần.
- Sinh viên tham dự học từ 70-90% số tiết thực giảng của học phần thì *bị nhận điểm 0 và* phải thi lại học phần đó.
- Sinh viên tham dự học ít hơn 70% số tiết thực giảng của học phần thì phải học lại học phần đó.

  + Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.

+ Điểm kiểm tra thực hành từ 5.0 trở lên

- Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: TKHP = (LTx2 +TH)/3

8. Cơ sở vật chất

*** Lý thuyết:** Giảng đường, máy chiếu, mic, máy tính xách tay, phấn , bảng.

*** Thực hành:** Phòng thực hành, mô hình, trang thiết bị, vật liệu dạy học.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

STT	Họ và tên GV	Tên học phần được phân công giảng dạy	Ghi chú
1	ThS.Lê Thị Nhung	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
2	ThS.Nguyễn Thị Anh Thư	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
3	ThS. Đỗ Thị Tuyết Mai	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
4	CN. Hoàng Tuấn Anh	Điều dưỡng cơ bản	Dạy thực hành
5	ThS. Đỗ Thị Ninh	Điều dưỡng cơ bản	Dạy thực hành
6	Đỗ Như Quỳnh	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
7	Đỗ Thị Phượng	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
8	Đỗ Thị Hà Mi	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
9	Bùi Thị Thanh Mai	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành

Ban Giám hiệu	Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn
	TS. Thái Lan Anh	ThS. Lê Thị Nhung

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN DƯỢC LÝ VÀ ĐỘC CHẤT

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số TC: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

Tự học: 75

Đối tượng sinh viên: Bác sỹ y học dự phòng + y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: sinh học, giải phẫu, mô học, sinh lý, sinh hoá, ký sinh trùng, vi sinh

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: sinh lý bệnh, miễn dịch, giải phẫu bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	ThS. BS Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Dược lý
3	BS Nguyễn Thị Thu Phương	Bộ môn Dược lý
4	Ths. BS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý
5	Ths Đỗ Thị Hà Phương	Bộ môn Dược lý
6	BS Nguyễn Thị Minh Thảo	Bộ môn Dược lý
7	DS Đỗ Thị Bích Diệp	Bộ môn Dược lý

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược lý và độc chất. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý đại cương, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của thuốc. Ngoài ra, các kiến thức cơ bản về một số chất độc khí, chất độc vô cơ và hữu cơ….. Chương trình thực hành đề cập đến một số thực nghiệm trên động vật, kê đơn và phân tích đơn thuốc. Qua đó sinh viên hiểu được cơ chế tác dụng của thuốc để sử dụng thuốc trong điều trị, phòng bệnh đạt hiệu quả cao đồng thời giảm các tác dụng không mong muốn của thuốc. Giúp cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc trong cộng đồng được an toàn và hợp lý.

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong phần này sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

3.1. Kiến thức

- Trình bày và giải thích được dược động học , cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của các thuốc đại diện trong từng nhóm

- Trình bày khái niệm cơ bản, cách xử trí một số chất độc…
- Phân tích được tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí

3.2. Kỹ năng:

- Sử dụng thuốc trong điều trị, dự phòng bệnh đạt hiệu quả cao.

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của người thầy thuốc trong việc phòng bệnh.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	Dược lý đại cương	04	04
2	Thuốc tác dụng trên TKTV	04	03
3	Dược lý tâm thần	04	04
4	- Thuốc an thần và thuốc ngủ -Thuốc chữa động kinh và parkinson	04	04
5	- Thuốc tê -Thuốc giảm đau loại morphin - Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm phi steroid	04	04
	- Thuốc tẩy giun sán, amip, thuốc chữa sốt rét -Thuốc chữa thiếu máu	01	04
6	-Thuốc kháng sinh -Thuốc chống lao -Thuốc sát khuẩn	04	03
7	-Thuốc kháng Histamin H1, H2		
	-Thuốc điều chỉnh rối loạn tiêu hoá, rối loạn hô hấp	04	03
8	-Thuốc tác dụng trên tim mạch: điều trị THA, suy tim, thuốc lợi tiểu…	04	04
9	-Thuốc điều trị một số rối loạn chuyển hóa: gout, đái tháo đường.. -Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu	04	04
10	- Một số thuốc có nguồn gốc hormon: corticoid… - Thuốc chữa ung thư	04	04
11	-Nguyên tắc điều trị ngộ độc thuốc cấp tính - Vitamin	04	04
	Tổng	**45**	**45**

4.2. Thực hành

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	*Tự học*
1	- Phổ biến quy chế , nội quy phòng thực tập, quy chế thi thực tập - Quy chế kê đơn thuốc và quy định về nhãn thuốc -Thực nghiệm: +Định khu tác dụng của Strychnin +Tác dụng của rượu trên thân nhiệt	05	05
2	- Dạng bào chế chính: thuốc uống dạng lỏng -Thực nghiệm: +Tác dụng đối lập của Ether và Strychnin +Tác dụng của Morphin và Cafein trên hô hấp	04	04
3	-Dạng bào chế chính: thuốc dạng rắn -Thực nghiệm: Tác dụng của Acetylcholin, Atropin, Adrenalin trên huyết áp chó - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04	04
4	- Dạng bào chế chính: thuốc tiêm và dịch truyền - Thực nghiệm: Tác dụng của Nicotin và Spartein trên huyết áp chó - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04	04
5	- Dạng bào chế chính: các dạng bào chế còn lại. - Thực nghiệm: Tác dụng của Digital trên tim ếch tại chỗ Tác dụng của Cloralhydrat và Cafein trên thần kinh trung ương	04	04
	- Hướng dẫn kê đơn thuốc		
6	-Thực nghiệm: +Tác dụng của Magiesulfat trên nhu động ruột +Tác dụng của Magiesulfat và Canxiclorua trên trương lực cơ - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04	04
7	- Ôn tập: nội dung đã học và các dạng bào chế - Giải đáp thắc mắc	05	05
Tổng		**30**	**30**

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1.Phương pháp dạy:

- lý thuyết : thuyết trình, thảo luận nhóm
- thực hành : thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành thực nghiệm.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên được làm hoặc quan sát thực nghiêm, giải thích kết quả và rút ra kết luận, ứng dụng lâm sàng.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Dược lý học cơ bản – Trường Đại học Y Hải Phòng
- Bài giảng thực tập Dược lý – Trường Đại học Y Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược lý-Đại học Y Hà Nội, ***Dược lý học lâm sàng***, NXB Y học, 2012
- Bộ Y tế (2012), ***Dược lý học tập1, 2***, NXB Y học.
- Bertram G. Katzung and el (2009), ***Basic and Clinical Pharmacology 12th Edn***, the McGraw - Hill Companies.
- Laurence Bruton and el, ***Goodman & Gilman's Manual of Pharmacology and Therapeutics***, 11th edition the McGraw-Hill Companies.
- Martindale: the complete drug, 36th edition – pharmaceutical press

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- giáo trình, overhead, powerpoin.
- phấn, bút dạ.
- thuôc, hoá chất, bơm tiêm, bông, cồn .....

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.
- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy thực nghiệm

8.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
+ Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

*Điều kiện dự thi hết học phần:

- Học phần thực tập: tham dự đầy đủ các buổi thực hành.
- Thi kết thúc học phần thực tập: vấn đáp
- Học phần lý thuyết: tham dự ≥ 90% số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2≥ 5 điểm
- Thi kết thúc học phần: tự luận

*Điểm tổng kết học phần:= (LTx2 + TH)/3

- nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
	PGS.TS Nguyễn Văn Hùng	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU I
(Năm học 2017-2018)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
Số giờ tự học: 75
Đối tượng sinh viên: **Bác sĩ đa khoa, Răng-Hàm-Mặt, Y học cổ truyền, Y học dự phòng**
Học phần song hành: Sinh lý
Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân
ThS Phạm Thành Nguyên
BS Hoàng Sơn Lâm
BS Trần Xuân Bách
BS Trần Thị Xen
BS Lê Thị Yến
BS Lê Phi Đại

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần của chi trên và chi dưới, đầu mặt cổ trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe

2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở chi trên, chi dưới và đầu – mặt – cổ.

3. Nêu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng và lâm sàng phù hợp.

4. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

5.NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Mục tiêu, đối tượng ngành GP – Đại cương cơ, xương, khớp	1	2
2	Xương khớp chi trên	2	4
3	Cơ chi trên	2	4
4	Mạch, thần kinh chi trên	4	8
5	Xương khớp chi dưới	2	4
6	Cơ chi dưới	2	4
7	Mạch, thần kinh chi dưới	4	8
8	Cân cơ đầu mặt cổ	2	4
9	Các động mạch cảnh	2	4
10	ĐM dưới đòn. Đám rối thần kinh cổ. Tĩnh mạch. Bạch mạch	2	4
11	Miệng răng lưỡi tuyến nước bọt mũi hầu	2	4
12	Thanh quản, khí quản, tuyến giáp	2	4
13	Cơ quan nghe, thăng bằng, Cơ quan thị giác	3	6
Tổng		**30**	**60**

5.2. Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học
1	Xương khớp chi trên - chi dưới	4	2
2	Vai, nách, cánh tay, khuỷu	4	2
3	Cẳng tay - Bàn tay	4	2
4	Mông, đùi sau, khoeo- Cẳng chân sau, ống gót, gan chân	4	2
5	Vùng đùi trước trong, cẳng chân trước, mu chân	4	2
6	Thị giáo xương sọ mặt, khớp thái dương-hàm, cơ nhai ĐM cảnh - dưới đòn, cân cơ vùng cổ	4	2
7	Đường hô hấp trên, Miệng-Răng-Lưỡi-Tuyến nước bọt. Hầu - Thanh quản - Khí quản - Tuyến giáp - Tai - Mắt	4	2
8	Ôn tập	2	1
Tổng		**30**	**15**

6.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu hệ thống chi - Nguyễn Hữu Chỉnh - NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 1 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc (bản mềm)

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc (bản mềm)

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi Sinh viên, phỏng vấn....

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn

Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm

Trọng số (%) các điểm:

Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TM.BỘ MÔN

Nguyễn Bảo Trân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU II
(Năm học 2016-2017)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 75

Đối tượng sinh viên: **Bác sĩ đa khoa, Răng-Hàm-Mặt, Y học cổ truyền, Y học dự phòng**

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Trần Thị Xen

BS Lê Thị Yến

BS Lê Phi Đại

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở ngực bụng và hệ thần kinh trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe

2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở ngực, bụng, hố chậu và hệ thần kinh.
3. Nêu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng và lâm sàng phù hợp.
4. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Cơ thành bụng trước bên, ống bẹn	1	2
2	Đại cương tuần hoàn - Tim, mạch máu lớn ngực bụng	3	6
3	Phổi, màng phổi - trung thất	2	4
4	Phúc mạc, dạ dày, tỳ	2	4
5	Tá tràng, tuỵ, gan,cuống gan, tĩnh mạch cửa	4	8
6	Ruột non – Ruột già	2	4
7	Thận - Niệu quản – Bàng quang - Niệu đạo	3	6
8	Phôi thai sinh dục – Cơ quan sinh dục nam, nữ	2	4
9	Đại cương thần kinh	1	2
10	Tuỷ sống. Hành não. Cầu não. Tiểu não. Trung não	3	6
11	Gian não - Đoan não	2	4
12	Đường dẫn truyền thần kinh - Các dây thần kinh sọ	3	6
13	TK thực vật - Mạch não tuỷ - Màng não - Hệ não thất	2	4
	Tổng	**30**	**60**

5.2. Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học

1	Thị giáo: Xương cơ thân mình, ống bẹn.	4	2
2	Tim phổi trung thất	4	2
3	Phúc mạc, dạ dày, gan, lách,	4	2
4	Tá tuỵ, ruột non, ruột già	4	2
5	Tiết niệu, sinh dục	4	2
6	Thị giáo đáy chậu, mổ chó	2	1
7	Hình thể ngoài, trong: Tủy sống, thân não, đại não	4	2
8	Hệ thống não thất, gian não, nền sọ Đường dẫn truyền thần kinh, các dây thần kinh sọ Thần kinh thực vật, mạch máu não, màng não	4	2
Tổng		**30**	**15**

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu thần kinh - Nguyễn Hữu Chỉnh - NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 2,3 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc (bản mềm)

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc (bản mềm)

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi Sinh viên, phỏng vấn....

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn

Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm

Trọng số (%) các điểm:

Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Nguyễn Bảo Trân

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Bộ môn Giải phẫu bệnh - Y pháp

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC GIẢI PHẪU BỆNH

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã số:
Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
Số giờ tự học: 15
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ YHCT
Học phần tiên quyết: Mô học
Học phần học trước: Giải phẫu
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giải phẫu bệnh - Y pháp
Giảng viên tham gia giảng dạy: Ngô Quang Dương, Phạm Văn Tuy.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh là môn khoa học hình thái và cơ chế gây bệnh, nên còn có thể gọi là môn bệnh học. Những biến đổi do bệnh tật gây nên gọi là tổn thương, hình thái tổn thương là các đặc điểm có thể quan sát phát hiện qua nhìn bằng mắt (đại thể), hoặc/và trợ giúp của kính hiển vi (vi thể), kính hiển vi điện tử (siêu vi) hoặc sinh học phân tử (bệnh học phân tử). Xét nghiệm giải phẫu bệnh phục vụ chẩn đoán và gián tiếp tham gia điều trị, phòng bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được vai trò của giải phẫu bệnh trong ngành y nói chung, chuyên ngành ung thư nói riêng; nắm được các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái tế bào và mô trong quá trình bệnh lý.
- Kỹ năng: Có kỹ năng tư duy tổng hợp, sử dụng được kết quả sinh thiết và tế bào bệnh học để xác định chẩn đoán các bệnh thường gặp ở Việt Nam, đóng góp cho điều trị, phòng bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh kinh điển được chia thành 2 phần: Giải phẫu bệnh đại cương (Viêm, u và ung thư, rối loạn chuyển hoá, rối loạn tuần hoàn, bệnh lý bẩm sinh và di truyền,...) và giải phẫu bệnh bộ phận (bệnh học các cơ quan tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, tiết niệu,...)

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Bài mở đầu, tổn thương cơ bản của tế bào và mô, rối loạn tuần hoàn	3	4	3
2	Bệnh học viêm, viêm đặc hiệu	4	4	3
3	Bệnh học u, ung thư	4	4	3
4	Bệnh học tim mạch	2	2	1
5	Bệnh học hô hấp	4	4	2
6	Bệnh học SD nữ	2	2	
7	Bệnh học hệ bạch huyết. Bệnh tuyến nước bọt	3	2	
8	Bệnh học hệ tiêu hoá	6	4	3
9	Bệnh học cơ xương khớp	2	4	
Tổng		**30**	**30**	**15**

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập, soi tiêu bản mô bệnh học và chẩn đoán bệnh.

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi kiến thức

- Khi thực tập: Sinh viên quan sát kính hiển vi tiêu bản mô bệnh học, nhận định, trao đổi và tự chẩn đoán.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng; tự học trên sách báo, video…

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Giải phẫu bệnh lý, nhà xuất bản y học 2004

- Giáo trình giải phẫu bệnh của bộ môn biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Giải phẫu bệnh, Học viện Quân Y năm 2010.

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Kiểm tra - đánh giá ban đầu:

+ Bộ môn hỏi thăm sinh viên về các môn học trước (Giải phẫu, mô phôi học), về nội dung môn học, phần nào khó, phần nào dễ học.

+ Hỏi những câu hỏi ngắn liên quan đến những bài học trước đó để đánh giá mức độ học - hiểu của sinh viên.

- Kiểm tra - đánh giá trong quá trình:

Theo dõi sỹ số, theo dõi thái độ học tập của sinh viên.

Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và kết quả đánh giá quá trình làm điều kiện kiểm tra - đánh giá kết thúc.

- Kiểm tra - đánh giá kết thúc:

+ Thi thực hành:

Sinh viên tham gia đủ các buổi thực hành sẽ được thi thực hành.

Hình thức kiểm tra: Vấn đáp.

+ Thi lý thuyết: Sinh viên thi đạt thực hành sẽ được thi lý thuyết

Hình thức thi: Tự luận

Thời lượng: 90 phút

Điểm tổng kết tính theo công thức: **TKHP = (LTx2 + TH)/3**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: Phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, kính hiển vi đủ với số lượng sinh viên, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH
ĐỐI TƯỢNG: YHCT

1. Mã số môn học: HS
2. Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2; Thực hành: 2
3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 60 tiết
4. Số lần thi: 4 Lý thuyết: 2, thực hành: 2
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:
    1. Trình bày được cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
    2. Trình bày đực các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
    3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết		Thực hành	
		Số giờ	GV	Số giờ	GV
HỌC PHẦN I: CẤU TẠO VÀ CHUYỂN HOÁ					
1	Hóa học Protid, Enzyme	2	GS Lý	4	ThS Mai ThS Thảo BS Giang
2	Năng lượng sinh học, CH aa	2	Ths Mai	8	
3	Hóa học, CH Glucid	2	Ths Thảo	4	

4	Hóa học, CH Lipid	1	BS Giang	4	KTV Thương KTV Bình KTV Hạnh
5	Liên quan 3 chuyển hoá	Tự đọc		0	
6	Hoá sinh màng	Tự đọc		0	
	Cộng	**15**		**30**	
HỌC PHẦN II: HOÁ SINH MÔ VÀ CƠ QUAN					
1	Hormon, CHMN	4	PGS Lý	4	ThS Mai ThS Thảo BS Giang KTV Bình
2	HS thận- NT, AB	4	ThS Mai	8	
3	Hb, HS gan	4	ThS Thảo	4	
4	HS máu	3	ThS Mai	14	
	Cộng	**15**		**30**	

*** Mục tiêu chi tiết cho học phần 1**

- Lý thuyết

Bài 1: Bài mở đầu và hoá học protid

* Bài mở đầu: yêu cầu sinh viên phải trình bày được:

1. Khái niệm, mục tiêu học môn hoá sinh
2. Đơn vị dùng trong hoá sinh
3. Một số danh pháp sử dụng trong hóa sinh

* **Hoá học protid**: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được khái niệm protid
2. Định nghĩa acid amin, công thức tổng quát
3. Phân loại acid amin theo cấu tạo mạch, nhu cầu cơ thể
4. Mô tả tính chất của acid amin, ứng dụng
5. Trình bày vai trò của acid amin

6. Trình bày khái niệm peptid, một số peptid sinh học

7. Trình bày khái niệm protein, cấu trúc bậc, phân loại protein, ví dụ minh hoạ;

8. Mô tả tính chất của protein, ứng dụng

9. Mô tả vai trò của protein

Bài 2: Enzym: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày khái niệm enzyme, vai trò sinh học của enzyme
2. Phân loại enzyme theo qui ước quốc tế, cho ví dụ minh hoạ
3. Mô tả thành phần cấu tạo của enzyme; động học enzyme
4. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzyme
5. Phân loại coenzyme. Mối liên quan giữa vitamin và coenzyme

Bài 3: Năng lượng sinh học: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày được khái niệm sự hô hấp tế bào
2. Mô tả được các thành phần tham gia CHHTB
3. Vẽ được sơ đồ vận chuyển điện tử (tạo H_2O), kết quả
4. Trình bày được sự phosphoryl-oxy hoá, cho vi dụ minh hoạ
5. Kể tên các lien kết giàu năng lượng, cho ví dụ minh hoạ
6. Trình bày các giai đoạn của chu trình Krebs.
7. Trình bày được vị trí, bản chất, kết quả, ý nghĩa chu trình Krebs.

Bài 5: Chuyển hoá acid amin, a nucleic: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được sự tiêu hoá protein, peptid
2. Mô tả sự thoái hoá nhóm amin theo con đường trao đổi amin: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa.
3. Mô tả thoái hoá nhóm amin theo con đường khử amin oxy hoá: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa
4. Trình bày số phận NH_3, chu trình ure: nguyên liệu, các phản ứng, kết quả
5. Mô tả thoái hoá nhóm carboxyl, kết quả, ý nghĩa
6. Mô tả thoái hoá khung carbon
7. Trình bày được thành phần cấu tạo của mononucleotide
8. Mô tả vai trò của mononucleotide
9. Vẽ được sơ đồ thoái hoá base nitơ nhân purin

Bài 4: hoá học glucid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày khái niệm, vai trò, phân loại glucid
2. Định nghĩa monosaccarid, cách gọi tên, cấu tạo mạch
3. Mô tả tính chất của monosaccarid, ứng dụng
4. Trình bày tên, công thức cấu tạo, tính chất, vai trò của một số disaccarid thường gặp
5. Phân loại, cấu tạo, và vai trò của polysaccarid

Bài 6: Chuyển hoá glucid: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được quá trình tiêu hoá glucid
2. Trình bày được sự phân ly glycogen (phosphoryl phân)
3. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexodiphosphat (con đường đường phân) trong điều kiện hiếu khí và yếm khí: vị trí, các giai đoạn, phản ứng, kết quả, ý nghĩa
4. Mô tả thoái hoá glucose theo con đườmg hexomonophosphate (chu trình pentose phosphate): vị trí, sơ đồ tổng quát, kết quả, ý nghĩa
5. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường uronic
6. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glucose
7. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glycogen
8. Trình bày một số rối loạn chuyển hoá glucid

Bài 7: hoá học lipid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa, vai trò của lipid
2. Phân loại acid béo, alcol
3. Phân loại lipid thuần, cho ví dụ, vai trò từng loại
4. Mô tả tính chất của triglycerid, ứng dụng
5. Phân loại lipid tạp, cho ví dụ, vai trò từng loại
6. Trình bày thành phần cấu tạo, cấu trúc, vai trò của lipoprotein

Bài 8: Chuyển hoá lipid: sau 2 tiết học, sinh viên phải

1. Trình bày được sự tiêu hoá lipid
2. Trình bày được sự thoái hoá glycerol
3. Trình bày được sự thoái hoá acid béo: vị trí, các bước, các giai đoạn của quá trình beta oxy hoá, kết quả
4. Mô tả sự hình thành thể cetonic và thoái hoá

5. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở bào tương: các enzyme, nguyên liệu, sơ đồ tổng hợp, kết quả
6. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở ty thể: nguyên liệu, các phản ứng.
7. Trình bày quá trình tổng hợp glycerol, leucithin, cephalin
8. Điều hoà tổng hợp cholesterol

Bài 10: Mối liên quan giữa 3 chuyển hoá (tự đọc):

1. Vẽ được sơ đồ về sự liên quan giữa 3 chuyển hoá G, L, P
2. Mô tả được các yếu tố điều hoà chuyển hoá

Bài 11: Hoá sinh màng: (tự học):

1. Mô tả cấu tạo màng tế bào
2. Trình bày các cơ chế vận chuyển các chất qua màng
3. Trình bày một số bệnh liên quan đến màng tế bào

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được ***nguyên tắc, tiến hành đúng phản ừng*** và ***giải thích được kết quả*** và ***ứng dụng*** từng phản ứng cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Hoá học glucid:

1. Phản ưng xác định tính khử của monosaccarid (Phản ứng Fehling)
2. Phản ứng đóng vòng của các cetose (Selivanoff)
3. Phản ừng xác định tính khử của disaccarid

Bài 2: Hóa học glucid (tiếp)

4. Phản ừng thuỷ phân disaccarid
5. Phản ứng thuỷ phân tinh bột
6. Xác định acid lactic trong cơ

Bài 3: Hoá học lipid

1. Nhũ tương hoá dầu lạc
2. Chiết xuất leucithin
3. Xà phòng hoá dầu lạc

Bài 4+5: Hoá học protid

1. Phản ứng Ninhydrin

2. Phản ứng biure
3. Tủa protein bằng nhiệt độ
4. Tủa protein bằng acid hữu cơ
5. Tủa protein bàng acid vô cơ
6. Tủa protein bằng dung môi hữu cơ
7. Tủa protein bằng muối kim loại nặng
8. Xác định điểm đẳng điện của albumin trứng
9. Phân đoạn albumin bằng phương pháp diêm tich

Bài 6+7: Enzym

1. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới hoạt động của enzyme
2. Ảnh hưởng của pH đến hoạt động của enzyme
3. Ảnh hưởng của chất ức chế, chất hoạt hoá tới hoạt động của enzyme
4. Xác định hoạt động của enzyme amylase
5. Xác định hoạt động của enzyme transaminase
6. Xác định hoạt động của enzyme lipase
7. Xác định hoạt động của enzyme catalase

*** Mục tiêu chi tiết cho học phần 2:**

- Lý thuyết

Bài 1: Chuyển hoá muối nước: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của nước và một số chất điện giải trong cơ thể
2. Mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sự vận chuyển nước giữa gian bào và lòng mạch
3. Vẽ sơ đồ trao đổi nước giữa gian bào và lòng mạch.
4. Vẽ sơ đồ trao đổi muối giữa tế bào và gian bào
5. Mô tả các loại rối loạn chuyển hoá muối nước

Bài 2: Hormon: sau 2 tiết, sinh viên phải

1. Định nghĩa, phân loại hormone, mỗi loại cho một ví dụ
2. Trình bày được nguyên tắc tác dụng của hormone.
3. Trình bày được cơ chế tác dụng của hormone tan trong nước (adrenalin), hormone steroid.

4. Trình bày các chất truyền tin thứ 2 (truyền tin nội bào)
5. Trình bày các phản ứng tổng hợp, thoái hoá của catecholamine

Bài 3: Hoá sinh thận- nước tiểu: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng lọc và bài tiêt nước tiểu
2. Trình bày được chức năng nội tiết của thận, bệnh lý liên quan
3. Trình bày được chức năng thăng bằng acid- base của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng thăng bằng acid, base
4. Mô tả tính chất lý, hoá học, thành phần của nước tiểu bình thường
5. Kể tên các chất bất thường trong nước tiểu và một số bệnh lý liên quan
6. Mô tả cơ chế xuất hiện glucose, protein, cetonic, sắc tố mật trong nước tiểu

Bài 4: Thăng bằng acid-base: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa hệ đệm, các hệ đệm trong huyết tương và huyết cầu
2. Trình bày cơ chế đệm của hệ đệm bicarbonate, Hb
3. Trình bày vai trò điều hoà thăng bằng acid - base bởi phổi và thận
4. Mô tả các xét nghiệm đánh giá thăng bằng acid base
5. Mô tả các loại rối loạn thăng bằng acid-base

Bài 5: Hb: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của Hb
2. Mô tả cấu tạo của Hb, các loại Hb ở người trưởng thành
3. Mô tả được tính chất của Hb, ứng dụng
4. Trình bày được nguyên liệu, vị trí, các rối loạn tổng hợp Hb
5. Vẽ sơ đồ thoái hoá Hb tạo sắc tố mật
6. Trình bày rối loạn thoái hoá Hb

Bài 6: Hoá sinh gan: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày chức năng chuyển hoá của gan, các xét nghiệm hoá sinh đánh giá suy chức năng chuyển hoá
2. Trình bày chức năng tạo và bài tiết mật của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng tạo mật
3. Trình bày chức năng khử độc của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng khử độc

4. Trình bày một số xét ngiệm hoá sinh đánh giá tổn thương gan.

Bài 7: Hoá sinh máu: sau 3 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được nồng độ bình thường, bất thường của một số chất điện giải và các bệnh lý liên quan
2. Trình bày được: nguồn gốc, nồng độ bình thường, bất thường của một số chất hữu cơ không enzyme trong máu, các bệnh lý thường gặp
3. Trình bày được: nguồn gốc, hoạt độ bình thường, bất thường của một sô enzyme huyết thanh, các bệnh lý liên quan
4. Trình bày được nồng độ một số hormone thường gặp, bệnh lý liên quan
5. Trình bày một số chỉ dấu khối u, giá trị bình thường, bệnh lý liên quan

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được ***nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng*** và ***nhận đinh được kết quả*** từng xét nghiệm cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Sau khi học xong, sinh viên phải

1. Trình bày được định luật Lambert-Beer, ứng dụng
2. Mô tả một số tham số cần cài đặt cho máy hóa sinh
3. Cách lấy bệnh phẩm

Bài 2: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng protein, albumin, calci huyết thanh, phản ứng rivalta và tìm protein niệu

Bài 3: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng glucose, cholesterol, triglyceride, HDL-C huyết thanh, và tìm glucose, cetone niệu

Bài 4: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng ure, creatinin huyết thanh, và tổng phân tích nước tiểu

Bài 5: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên tắc, tiến hành được phản ứng và nhận định được kết quả định lượng bilirubin trong huyết thanh và tìm sắc tố mật, muối mật trong nước tiểu

Bài 6: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ AST, ALT, GGT và amylase huyết thanh

Bài 7: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ CK, CK-MB, LDH, ALP huyết thanh

Bài 8: Phân tich phiếu xét nghiệm. Sau khi học xong, sinh viên phải:

1. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý gan điển hình
2. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý tim-mạch điển hình
3. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý thận điển hình
4. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý chuyển hoá điển hình

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ, làm bài tập nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: Phỏng vấn nhanh

- Trong khi học: kiểm tra bài cũ

- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - Không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi kết thúc học phần I:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành, nhận định kết quả và ứng dụng y học của 1 thí nghiệm

- Thi kết thúc học phần II:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: thi vấn đáp: chỉ định xét nghiệm cần thiết cho 1 tình huống lâm sàng, trình bày nguyên tắc, tiến hành một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được.

- Điểm học phần 1 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

- Điểm học phần 2 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

9. Tài liệu học tập:

Bài giảng hoá sinh, ĐHYHN dành cho BSĐK, 2001

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYDHP

10. Tài liệu tham khảo

Hoá sinh: Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Nghiêm Xuân Luật, 2007

Thực tập hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005

Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

Hóa sinh, Nxb Y học, 2007

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

12. Kế hoạch giảng dạy

Học phần I: học kỳ I năm 2.

Môn học tiên quyết: hoá học, sinh học, giải phẫu học

Môn học song hành: mô phôi, sinh lý

Học phần II: học kỳ I năm 2

Môn học tiên quyết: hoá sinh I

Giảng viên hỗ trợ học tập: Phụ trách bộ môn ThS Nguyễn Thị Phương Mai

Sđt: 0983731209

E-mail: ntpmai@hpmu.edu.vn

XÁC NHẬN CỦA BGH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Phó trưởng phụ trách bộ môn

ThS Nguyễn Thị Phương Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Bộ môn Ký sinh trùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------***---------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 10

Đối tượng sinh viên: **Bác sỹ y học cổ truyền**

Học phần tiên quyết: Sinh học, Sinh lý

Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Ký sinh trùng**

Giảng viên giảng dạy:

- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- TS. Vũ Văn Thái
- ThS. Võ Thị Thanh Hiền
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh
- CN. Trịnh Văn Khương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần ký sinh trùng cho phép sinh viên hiểu rõ đặc điểm sinh học, chu kỳ, đường lây, đặc điểm dịch tễ học, bệnh học, hiểu được các biểu hiện bệnh lý lâm sàng, các phương pháp và kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng thường gặp và ít gặp trên người Việt Nam để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày những kiến thức cơ bản về chu kỳ, dịch tễ, cách phòng chống bệnh ký sinh trùng.

- Trình bày đặc điểm hình thái, chu kỳ phát triển, đường lây nhiễm và tác hại của một số loài ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.
- Trình bày được các biểu hiện bệnh lý do giun sán gây ra, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.
- Trình bày được các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương ký sinh trùng y học	3		1
2.	- Đại cương giun ký sinh - Giun đũa - Giun tóc - Giun kim - Giun móc/giun mỏ	4		1
3.	- Giun chỉ bạch huyết - Đại cương sán lá ký sinh - Sán lá ký sinh (Sán lá gan nhỏ - Sán lá ruột - Sán lá phổi) - Đại cương sán dây ký sinh - Sán dây ký sinh (Sán dây lợn - Sán dây bò)	5		1
4.	- Đại cương đơn bào			
	- Amip gây bệnh (*Entamoeba histolytica*) - Trùng roi - Trùng lông - Trùng hình cung	3		1
5.	- Ký sinh trùng sốt rét (Đặc điểm sinh học) - Ký sinh trùng sốt rét (Bệnh học - Dịch tễ học)	4		1
6.	- Ký sinh trùng sốt rét (Dịch tễ học - Phòng chống sốt rét)	3		1
7.	- Đại cương tiết túc ký sinh - Lớp nhện - Lớp côn trùng	3		1
8.	- Giun sán hiếm gặp	2		1

	- Các bệnh nhiễm trùng cơ hội			
9.	- Nấm ký sinh - Tổng kết	3		1
11.	Hình thể trứng và ấu trùng giun sán thường gặp		4	
12.	- Hình thể giun sán trưởng thành - Phương pháp lấy máu và làm tiêu bản		2 2	
13.	- Hình thể đơn bào - Phương pháp nhuộm tiêu bản máu		2 2	
14.	Phương pháp xét nghiệm phân		4	
15.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết – xem tiêu bản mẫu)		4	
16.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4	
17.	- Hình thể tiết túc - Mổ muỗi		2 2	
18.	- Hình thể và phương pháp xét nghiệm nấm trực tiếp		2	
19.	Thi thực hành			

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống và công cụ hỗ trợ (máy chiếu).
- Thực hành: + Thảo luận nhóm.

+ Thực tập tại phòng xét nghiệm của bộ môn, hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với nhận định và phân tích tình huống, soi kính hiển vi.

6. Tài liệu dạy và học

6.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)
- Thực hành ký sinh trùng (Đại học Y Dược Hải Phòng), năm 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.

- Kỹ thuật ký sinh trùng y học.
- Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán.
- Cẩm nang phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, năm 2010.

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...
- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...
- Đánh giá kết thúc học phần: 100%
  + Kiểm tra thực hành: soi tiêu bản và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.
  + Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy.

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

- Chuyên cần: tham gia học tập đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành.
- Kiểm tra thường xuyên: phát vấn sau mỗi buổi thực hành.

8. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: phòng học, máy chiếu.
- Thực hành: 2 phòng thực hành, kính hiển vi, hóa chất...

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Ban giám hiệu	**Trưởng bộ môn**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Đinh Thị Thanh Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Bộ môn: Mô – Phôi thai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Mã số: Mô học - Phôi thai học

2. Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

3. Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 1, Thực hành: 1)

5. Đối tượng: Bác sỹ Y học cổ truyền

6. Giảng viên giảng dạy:

- TS Vũ Sỹ Khảng
- ThS. Phạm Thị Thu Thủy
- BS. Khổng Thị Vân Anh: *đi học cao học*
- BS. Phạm Thùy Linh
- BS. Phạm Hồng Minh
- BS. Trần Thị Thanh Bình: *về trường từ tháng 11/2015*
- Bs Đỗ Đình Tiệp
- KTV Hoàng Văn Chính
- KTV Phạm Thị Thái
- KTV Nguyễn Tuyết Nhung

7. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các tế bào và mô đại cương trong cơ thể người bình thường.

2. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các mô cơ quan của cơ thể người bình thường. Liên hệ được với hoạt động chức năng của chúng.

3. Mô tả được sự hình thành và phát triển của phôi người từ khi thụ tinh đến giai đoạn thành mầm các cơ quan.

4. Mô tả được sự hình thành và phát triển cấu tạo, chức năng các bộ phận phụ của phôi người.

5. Mô tả được sự hình thành và phát triển của một số cơ quan và hệ cơ quan.

6. Giải thích được sự hình thành một số dị tật bẩm sinh thường gặp

8. Nội dung:

8.1. Lý thuyết

STT	Nội dung giảng	Số tiết	Tự học
1	Nhập môn – Biểu mô – Mô liên kết chính thức	03	
2	Mô sụn – Mô xương – Mô cơ	03	
3	Mô thần kinh – Hệ bạch huyết	03	

4	Hệ tiêu hóa	03	
5	Hệ tiết niệu – Hệ sinh dục nữ	03	
6	Thị giác – Thính giác	03	
7	Phôi đại cương	04	
8	Phôi tiêu hóa – Tiết niệu – Sinh dục	04	
9	Phôi sinh dục – Phôi hệ tim mạch	04	
Tổng		**30**	**60**

8.2. Thực hành

STT	Nội dung bài học	Số tiết
1	Biểu mô	04
2	Mô liên kết	04
3	Mô cơ – Mô thần kinh	04
4	Hệ tuần hoàn – Hệ bạch huyết	04
5	Ống tiêu hóa chính thức	04
6	Tuyến tiêu hóa – Phổi – Da & phụ thuộc da	04
7	Thận – Sinh dục – Nội tiết – Mắt – Rau	04
8	Ôn tập	02
Tổng		**30**

9. Phương pháp dạy - học:

9.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, nghiên cứu trước tài liệu, thảo luận nhóm
- Thực hành: + Thảo luận nhóm
  + Mô tả, minh hoạ bằng tranh ảnh, video, tiêu bản
  + Hướng dẫn xem tiêu bản trên kính hiển vi

9.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu của môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

10. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi cử. Sinh viên cần học trước các học phần: sinh học, giải phẫu để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.
- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: 02 bài kiểm tra về các nội dung được học và tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn

- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết : thi trắc nghiệm MCQ

+ Thực hành: thi chạy trạm

Tỷ trọng điểm: (LTx2+TH)/3

11. Tài liệu học tập:

11.1. Tài liệu giảng dạy

1. Mô - phôi : Phần mô học: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế: Y học, 2007. - 299tr. ; 27cm.
2. Phôi thai học : Thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng / Đỗ Kính. - Tái bản lần thứ hai, có chỉnh sửa và bổ sung: Y học, 2015. - 858 tr. : minh hoạ ; 27 cm
3. Thực hành mô học (Đại học Y Hải Phòng), năm 2011.

11.2. Tài liệu tham khảo:

1. Mô học/ Phan Chiến Thắng - Nhà xuất bản Y học, 2005- 326tr.
2. Mô học tạng và hệ thống/ Nguyễn Trí Dũng - Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 2010. - 305tr; 26cm.
3. Bài giảng phôi thai học/ Nguyễn Dũng Tuấn- Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyên nhân và phân loại tật bẩm sinh ở người: Y học, 2011.- 202tr. ;21cm.

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành: giảng dạy tại phòng thực hành của Bộ môn tầng 5 khu nhà A

Hải Phòng, ngày 15 tháng 9 năm 2016

Ban giám hiệu	**Trưởng bộ môn**
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	**PGS.TS. Vũ Sỹ Khảng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ
SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý 1*

3. Số tín chỉ: 2 . Lý thuyết: 1. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 15. Thực hành 30.
Số giờ tự học: 45

4. Chuyên ngành đào tạo: Bác sỹ Đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sĩ răng hàm mặt, Bác sỹ Y học cổ truyền hệ chính qui (6 năm).

5. Năm học: năm thứ 2.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi.

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. ThS. Phạm Thị Nguyên
5. ThS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

**** Về kiến thức:***

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về kỹ năng:***

- Thao tác đúng các bước tiến hành và phân tích, diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học cơ bản (Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu).
- Có kĩ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về thái độ:***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kĩ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp, thực hành những kĩ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

Sinh lý học là môn học gồm:

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các các nội dung về Đặc điểm cơ thể sống và nội môi; Sinh lý tế bào; Sinh lý máu và dịch thể; Chuyển hóa năng lượng; Quá trình điều nhiệt trong cơ thể, Sinh lý thần kinh).

- Phần thực hành gồm: một số các kĩ thuật xét nghiệm máu, một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 12 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

**** Điều kiện:***

- Môn học tiên quyết: các môn học cơ bản (Sinh học, Di truyền...), môn y học cơ sở (Giải phẫu, Mô học).
- Môn học song hành: các môn y học Cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

**** Yêu cầu:***

- Thao tác được một số kĩ thuật: Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu.
- Nhận định, phân tích được kết quả xét nghiệm công thức máu. Nhận định, giải thích được kết quả thực nghiệm đánh giá chức năng hệ thần kinh.
- Thực hiện được kĩ năng ra quyết định: đưa ra được chỉ định làm xét nghiệm cho một số tình trạng bệnh và giải thích.
- Giải thích được các thực nghiệm đã học.

**** Chỉ tiêu:***

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Chỉ tiêu bài kiểm tra:
  + Một bài thi thực hành x 33%
  + Một bài thi hết học phần lý thuyết x 67%.

12. Nội dung học phần

**** Lý thuyết:***

Bài 1. Đại cương cơ thể sống và hằng tính nội môi

1. Đặc điểm của sự sống

2. Nội môi và hằng tính nội môi

2.1. Nội môi

2.2. Hằng tính nội môi và hệ thống ổn định hằng tính nội môi

3. Điều hòa chức năng

3.1. Điều hòa bằng đường thần kinh

3.2. Điều hòa bằng đường thể dịch

3.3. Cơ chế điều hòa ngược

Bài 2: Sinh lý học tế bào

1. Đặc điểm cấu trúc chức năng của màng tế bào

2. Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.1. Quá trình khuếch tán

2.2. Quá trình vận chuyển tích cực

Bài 3: Điện thế màng và điện thế hoạt động

1. Cơ sở vật lý của điện thế màng

2. Điện thế nghỉ

3. Điện thế hoạt động

Bài 4: Sinh lý máu

1. Những tính chất và chức năng chung của máu

1.1. Tính chất của máu

1.2. Chức năng chung của máu

2. Hồng cầu

2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu

2.2. Chức năng của hồng cầu

2.3. Điều hòa số lượng hồng cầu

2.4. Rối loạn lâm sàng dòng hồng cầu

3. Nhóm máu và truyền máu

3.1. Hệ thống nhóm máu ABO

3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

4. Bạch cầu

4.1. Chức năng của các loại bạch cầu

4.2. Số lượng và công thức bạch cầu

5. Tiểu cầu

5.1. Cấu trúc, đặc tính của tiểu cầu

5.2. Chức năng của tiểu cầu

6. Quá trình cầm máu

6.1. Giai đoạn thành mạch

6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu

6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông

6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông

6.5. Những chất gây đông và chất chống đông sử dụng trong lâm sàng

Bài 5: Chuyển hóa năng lượng

1. Các dạng năng lượng trong cơ thể

2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng

2.1. Tiêu hao năng lượng cho tồn tại và duy trì sự sống

2.2. Tiêu hao năng lượng cho phát triển cơ thể

2.3. Tiêu hao năng lượng cho sinh sản

3. Nguyên tắc của các phương pháp đo tiêu hao năng lượng

4. Điều hòa chuyển hóa năng lượng

4.1. Ở mức tế bào

4.2. Ở mức cơ thể

Bài 6: Điều hòa thân nhiệt

1. Thân nhiệt và các yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt

2. Quá trình sinh nhiệt

3. Quá trình tỏa nhiệt

4. Cơ chế điều nhiệt

4.1. Cơ chế chống nóng

4.2. Cơ chế chống lạnh

4.3. Các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người

5. Sốt, tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt

Bài 7: Sinh lý hệ thần kinh

1. Sinh lý hệ thần kinh trung ương

1.1. Vai trò của hệ thần kinh trung ương

1.2. Cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương

2. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương

2.1. Chức năng của neuron

2.2. Các synap thần kinh

3. Chức năng các cấu trúc thuộc hệ thần kinh trung ương

3.1. Tủy sống

3.2. Hành não

3.3. Não giữa

3.4. Thể lưới

3.5. Tiểu não

3.6. Não trước và vỏ não

4. Hệ thần kinh thực vật

4.1. Thần kinh giao cảm

4.2. Thần kinh phó giao cảm

5. Thần kinh cấp cao

**** Thực hành:***

Bài 1.Đếm số lượng hồng cầu, Đếm số lượng bạch cầu máu ngoại vi.

Bài 2. Định lượng Hemoglobin. Đo tốc độ máu lắng.

Bài 3. Định công thức bạch cầu phổ thông và công thức Arthnet.

Bài 4. Định thời gian đông máu, định thời gian chảy máu.

Bài 5. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu.

Bài 6. Thí nghiệm Phân tích cung phản xạ tủy, Duỗi cứng mất não trên thỏ.

Bài 7. Thí nghiệm Phá một bên tiểu não ếch và tiểu não bồ câu.

13. Phương pháp giảng

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm hoặc phân tích mẫu kết quả xét nghiệm.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bảng.
- Kính hiển vi, buồng đếm tế bào máu, ống potain, máu, lam kính, bông cồn, kim chích, hóa chất, động vật thực nghiệm ếch, bồ câu, thỏ, bàn mổ, panh, kéo, …

15. Đánh giá

15.1. Đánh giá ban đầu

- Pháp vấn

15.2. Đánh giá quá trình

- Pháp vấn

- Kiểm tra viết ngắn 10'

15.2. Đánh giá kết thúc học phần

- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần
- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: (*điểm thực hành x hệ số 1 + điểm lý thuyết x hệ số 2)/3 = điểm học phần*

16. Tài liệu học tập, tham khảo

**** Tài liệu học tập***

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.
2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

**** Tài liệu tham khảo***

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

**** Phần lý thuyết***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	Đại cương cơ thể sống, hằng tính nội môi	1	PGS. Mùi	[2-5]	Thuyết trình, Pháp vấn, Thảo luận
2	Sinh lý tế bào	2	PGS. Mùi		
3	Sinh lý máu	4	ThS Hồng		
4	Sinh lý chuyển hóa năng lượng	2	ThS. Trang		
5	Sinh lý điều nhiệt	2	ThS. Trang		
6	Sinh lý thần kinh	4	PGS. Mùi		
Tổng		**15**			

**** Thực hành***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/ TLTK	Hình thức học
1	Bài 1: Đếm số lượng hồng cầu, Đếm số lượng bạch cầu máu ngoại vi.	5	ThS Hồng	[1]	- GV: *giới thiệu bài học* - KTV: *thao tác mẫu hướng dẫn*
2	Bài 2: Định lượng Hemoglobin. Đo tốc độ máu lắng.	4	ThS Nguyên		

3	Bài 3: Định công thức bạch cầu phổ thông và công thức Arthnet.	5	ThS Nguyên		*kỹ thuật.* - SV: *+ Quan sát, Thực hiện kĩ thuật.* *+ Viết báo cáo thực hành*
4	Bài 4: Định thời gian đông máu, định thời gian chảy máu.	4	ThS Đông		
5	Bài 5: Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu.	4	ThS. Trang		
6	Bài 6. Bài Thí nghiệm Phân tích cung phản xạ tủy, Duỗi cứng mất não trên thỏ.	4	PGS Mùi		
7	Bài 7. Thí nghiệm Phá một bên tiểu não ếch và tiểu não bồ câu.	4	PGS Mùi		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ
SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý 2*

3. Số tín chỉ: 3 . Lý thuyết: 2. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 30. Thực hành 30.
Số giờ tự học: 60

4. Chuyên ngành đào tạo: Bác sỹ Đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sĩ răng hàm mặt, Bác sỹ Y học cổ truyền hệ chính qui (6 năm).

5. Năm học: năm thứ 2.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi.

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. ThS. Phạm Thị Nguyên
5. ThS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

**** Về kiến thức:***

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về kỹ năng:***

- Thao tác đúng một số kỹ thuật thăm dò chức năng (Bắt mạch, Đo huyết áp, Nghe tiếng tim, Đo chức năng thông khí phổi, Điện tâm đồ, chẩn đoán thai sớm).
- Nhận định, diễn giải được các kết quả thăm dò chức năng.
- Thao tác, giải thích được các kết quả thực nghiệm đánh giá chức năng một số cơ quan tuần hoàn, nội tiết, sinh sản.

**** Về thái độ:***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kĩ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp thực hành những kĩ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý các hệ cơ quan Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Nội tiết, Sinh sản.
- Phần thực hành gồm: phương pháp thăm dò chức năng một số cơ quan, và một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 16 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

** Điều kiện:*

- Môn học tiên quyết: môn Y học cơ sở (Sinh lý 1, Giải phẫu 2).
- Môn học song hành: các môn Y học cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

** Yêu cầu:*

- Đọc được các thông số đo chức năng hô hấp, điện tâm đồ, điện não đồ bình thường.
- Thực hiện được kỹ thuật chẩn đoán thai sớm, bắt mạch, đo huyết áp, nghe tiếng tim và nhận định đúng kết quả.
- Quan sát và giải thích được cơ chế của các biểu hiện bình thường cũng như các rối loạn bất thường trên thực nghiệm.

** Chỉ tiêu:*

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Chỉ tiêu bài kiểm tra:
  + Một bài thi thực hành
  + Một bài thi kết thúc học phần lý thuyết.

12. Nội dung học phần

**** Lý thuyết:***

Bài 1: Sinh lý tuần hoàn

1. Sinh lý tim

1.1. Các đặc tính sinh lý cơ tim

1.2. Chu kỳ tim

1.3. Điều hòa hoạt động tim

2. Sinh lý tuần hoàn động mạch

2.1. Các loại huyết áp động mạch

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp động mạch

2.3. Điều hòa tuần hoàn động mạch

3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 2: Sinh lý hô hấp

1. Chức năng thông khí

2. Chức năng vận chuyển khí

2.1. Máu vận chuyển oxy

2.2. Máu vận chuyển CO_2

3. Quá trình trao đổi khí

4. Điều hòa hô hấp

4.1. Vai trò của các trung tâm hô hấp

4.2. Vai trò của một số yếu tố và cấu trúc thần kinh khác

4.3. Vai trò của một số yếu tố thể dịch

Bài 3: Sinh lý tiêu hóa

1. Tiêu hóa ở miệng

1.1. Hoạt động cơ học

1.2. Hoạt động bài tiết nước bọt

2. Tiêu hóa ở dạ dày

2.1. Hoạt động cơ học

2.2. Hoạt động bài tiết dịch vị

3. Tiêu hóa ở ruột non

3.1. Hoạt động cơ học

3.2. Hoạt động bài tiết dịch tụy

3.3. Hoạt động bài tiết dịch mật

3.4. Hoạt động bài tiết dịch ruột non

4. Tiêu hóa ở ruột già

5. Chức năng chủ yếu của gan

Bài 4: Sinh lý tiết niệu

1. Quá trình lọc ở cầu thận

2. Quá trình tái hấp thu ở ống lượng gần, quai Henle

3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống lượn xa và ống góp

4. Nguyên lý của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.

5. Thận nhân tạo

Bài 5: Sinh lý nội tiết

1. Đại cương về các tuyến nội tiết và hormon

2. Chức năng nội tiết vùng dưới đồi

3. Chức năng nội tiết tuyến yên

4. Chức năng nội tiết tuyến giáp, tuyến cận giáp

5. Chức năng nội tiết tuyến thượng thận

6. Chức năng nội tiết tuyến tụy

Bài 6: Sinh lý sinh sản

1. Sinh lý sinh sản nam

1.1. Chức năng ngoại tiết của tinh hoàn

1.2. Chức năng nội tiết của tinh hoàn

1.3. Dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam

1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam

2. Sinh lý sinh sản nữ

2.1. Chức năng ngoại tiết của buồng trứng

2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng

2.3. Chu kỳ kinh nguyệt

2.4. Dậy thì và mãn kinh

2.5. Thụ thai, mang thai, sổ thai

2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai

2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm

3. Cơ sở sinh lý học của các biện pháp tránh thai

**** Thực hành:***

Bài 1: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim.

Bài 2. Thí nghiệm vai trò của dây X lên hoạt động tim, Nút buộc Stanius.

Bài 3. Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình Thí nghiệm). Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.

Bài 4. Đo huyết áp động mạch người. Đo HA qua Labtutor. Bắt mạch. Nghe tiếng tim. Ghi điện tim. Đo chức năng hô hấp.

Bài 5. Quan sát hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ, lưu huyết não.

Bài 6. Thí nghiệm cắt tuyến yên, Gây hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.

Bài 7. Chẩn đoán có thai bằng sinh vật học và miễn dịch học.

13. Phương pháp giảng:

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, tình huống thảo luận.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác các thực nghiệm, thao tác mẫu các kĩ thuật.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bút dạ, bảng.
- Huyết áp, ống nghe, Máy đo điện tim, kết quả điện tim. Máy đo chức năng hô hấp, máy điện não, máy siêu âm.
- Động vật thực nghiệm ếch, chó, thỏ, panh, kéo, bàn mổ, thuốc, hóa chất, máy kích thích điện, hệ thống đo chức năng sống,...

15. Đánh giá

15.1. Đánh giá ban đầu

- Pháp vấn

15.2. Đánh giá quá trình

- Pháp vấn
- Kiểm tra viết ngắn 10'

15.2. Đánh giá kết thúc học phần

- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần
- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: *(điểm thực hành x hệ số 1 + điểm lý thuyết x hệ số 2)/3 = điểm học phần*

16. Tài liệu học tập, tham khảo

**** Tài liệu học tập***

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.
2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

**** Tài liệu tham khảo***

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

**** Lý thuyết***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TL học tập/TLTK	Hình thức học
1	Sinh lý hệ tuần hoàn	5	ThS. Hồng	[2-5]	Thuyết trình, pháp vấn, thảo luận
2	Sinh lý hệ hô hấp	5	ThS. Nguyên		
3	Sinh lý hệ tiêu hóa	5	ThS. Trang		
4	Sinh lý hệ tiết niệu	5	ThS. Nguyên		
5	Sinh lý nội tiết	5	ThS. Đông		
6	Sinh lý sinh sản	5	PGS. Mùi		
	Tổng số	30			

**** Thực hành***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	**Bài 1**: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim.	4	PGS. Mùi	[1]	- **GV**: *thuyết trình* - **KTV**: *tiến hành thực hiện kĩ thuật* - **SV**: + *Quan sát, tiến hành, nhận định, phân tích kết quả.* + *Viết báo cáo thực hành*
2	**Bài 2**: Thí nghiệm vai trò của dây X lên hoạt động tim, Nút buộc Stanius.	4	ThS. Đông		
3	**Bài 3**: Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình Thí nghiệm). Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.	4	PGS. Mùi		
	Bài 4: Đo huyết áp động mạch người. Đo HA qua Labtutor.				
4	Bắt mạch. Nghe tiếng tim. Ghi điện tim. Đo chức năng hô hấp.	5	ThS. Nguyên		
5	**Bài 5.** Quan sát hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ, lưu huyết não.	5	ThS. Hồng		
6	**Bài 6:** Thí nghiệm cắt tuyến yên, Gây hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	ThS. Trang		
7	**Bài 7:** Chẩn đoán có thai sớm bằng sinh vật học và miễn dịch học.	4	ThS. Trang		

	Tổng số	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

YHCT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH - DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:
Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết): 60
Đối tượng sinh viên (dự kiến):Bác sỹ Y học cổ truyền
Học phần tiên quyết: Sinh lý học
Học phần học trước: Giải phẫu, Hóa sinh
Học phần song hành: Dược lý, Vi sinh, Giải phẫu bệnh
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch
Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng, Trần Thị Thu Hằng

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.
- Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- ***Kiến thức:*** Trình bày được những quy luật chung về bệnh lý của các cơ quan chức phận, của một số quá trình bệnh lý điển hình và của bệnh nói chung; mô tả được cấu tạo và cơ chế hoạt động chính của các cơ quan, tế bào miễn dịch, các phân tử trực thuộc của hệ miễn dịch, mối quan hệ hợp tác điều hòa giữa chúng trong đáp ứng miễn dịch nói chung và miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh như nhiễm trùng, ung thư; cũng như cơ chế khái quát của các hiện tượng bệnh lý miễn dịch (quá mẫn, tự miễn, suy giảm miễn dịch) và một số nguyên lý chung về điều trị rối loạn miễn dịch

- ***Kỹ năng:*** Có kỹ năng suy luận tổng hợp, phân tích các tình huống xét nghiệm, áp dụng các kiến thức thích hợp vào công tác chẩn đoán và điều trị bệnh

- ***Thái độ:*** có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỷ mỷ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về môn SLB-MD và các khái niệm cơ bản	2	4	4
2	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	2	2	4
3	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	2		4
4	Rối loạn chuyển hóa các chất và thăng bằng kiềm toan	2	4	4
5	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	2	2	4
6	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	2	4	4
7	Sinh lý bệnh chức năng tạo máu	2	4	4
8	Sinh lý bệnh chức năng chức năng gan	2	2	4
9	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	2	2	4
10	Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	2	4	4
11	Sinh lý bệnh thần kinh	2		4
12	Tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch, Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật	2		4
13	Hệ thống bổ thể	2		4
14	Miễn dịch dịch thể và Miễn dịch tế bào	2	2	4
15	Kháng nguyên và phức hợp hòa hợp mô(MHC)	2		4
Tổng		**30**	**30**	**60**

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			

Tuần 1:	*- Đại cương môn học* *- Sinh lý bệnh phản ứng viêm*	- Giảng viên phân tích các khái niệm cơ bản và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các hàng rào miễn dịch, phân loại hệ thống miễn dịch - Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng viêm và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các phản ứng xảy ra trong viêm				- Sinh viên tìm hiểu cụ thể các hàng rào miễn dịch và các cách phân loại hệ thống miễn dịch sau khi đã được giảng viên hướng dẫn - Sinh viên tìm hiểu bản chất các phản ứng xảy ra trong viêm sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	
	- Sinh lý bệnh cấu tạo máu *- Sinh lý bệnh hệ hô hấp*	- Giảng viên phân tích sự thay đổi bệnh lý dòng hồng cầu và một vài thay đổi của dòng bạch cầu và tiểu cầu. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh		So		- Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp	

		lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu - Giảng viên phân tích các thăm dò chức năng hô hấp và triệu chứng lâm sàng của một số rối loạn hô hấp thường gặp. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn các trọng điểm mà sinh viên cần nắm được để tìm hiểu thêm về các rối loạn hô hấp khác		sánh rối loạn thông khí hạn chế và rối loạn thông khí tắc nghẽn		- Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các rối loạn hô hấp ít phổ biến sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp	
Tuần 2:	- *Sinh lý bệnh chức năng gan* - *Hệ thống bổ thể*	- Giảng viên tóm lược qua các chức năng và cơ chế hoạt động của gan - Giảng viên phân tích rối loạn chuyển hóa glucid và protid khi gan bị bệnh. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi				- Sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa	

		gan bị bệnh - Giảng viên phân tích cơ chế hoạt hóa bổ thể, con đường hoạt hóa cổ điển, đồng thời hướng dẫn sinh viên tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể				bổ thể sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	
	- Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn *- Điều hòa miễn dịch*	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên cơ chế bệnh sinh của suy tim, tăng huyết áp và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh				- Sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn trên cơ sở giảng viên đã minh họa các bệnh lý	
		lý khác của hệ tuần hoàn - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể				điển hình - Sinh viên hệ thống lại cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể mà giảng viên đã phân tích trên lớp	
Tuần 3:	*- Sinh lý bệnh hệ*	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh				- Sau khi đã hiểu cơ chế sự thay đổi	

	tiết niệu *- Rối loạn thăng bằng acid - base*	viên sự thay đổi về số lượng và chất lượng nước tiểu, sau đó hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về sự thay đổi các thông số sinh hóa máu liên quan - Giảng viên phân tích cho sinh viên thấy rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ tìm hiểu cơ chế của rối loạn thăng bằng acid base còn lại				số lượng và chất lượng nước tiểu sinh viên tìm hiểu thêm sự thay đổi sinh hóa máu liên quan trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn chi tiết - Sinh viên tìm hiểu sự rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể trên lớp	
	- Sinh lý bệnh phản ứng sốt *- Rối loạn chuyển hóa các chất*	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng	

		biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại				dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã đượng giảng viên hướng dẫn trọng điểm	
	- Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng	
		tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				thời tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	

	- Miễn dịch dịch thể *- Miễn dịch tế bào* *- Miễn dịch bệnh lý*	- Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch tế bào - Giảng viên phân tích cho sinh viên 4 typ quá mẫn của miễn dịch bệnh lý và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn				- Sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn trên cơ sở giảng viên đã phân tích cụ thể cơ chế của quá mẫn	
Tuần 4:	*- Tế bào cơ quan miễn dịch* *- Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật*	- Giảng viên phân loại tế bào miễn dịch và phân tích minh họa cho sinh viên quá trình biệt hóa của 1 dòng tế bào. Sau đó hướng dẫn sinh				- Sau khi được giảng viên hướng dẫn chi tiết, sinh viên tự đọc hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch	

		viên tự tìm hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác - Giảng viên phân tích cho sinh viên các cơ chế chính trong đáp ứng miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc thêm các tài liệu tham khảo liên quan tới nội dung bài giảng				khác - Sau bài học sinh viên tìm hiểu thêm các kiến thức về cơ chế miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật mà giảng viên đã hướng dẫn trên lớp	
	- *Thực tập: Thực nghiệm rối loạn chuyển hóa muối nước viêm*	Minh họa lý thuyết: - Rối loạn chuyển hóa muối nước - Cơ chế bệnh sinh của phản ứng viêm ở phase cấp			- Sinh viên thực hành thí nghiệm gây thay đổi áp lực thẩm thấu ở ếch - Sinh viên kiến tập các thực nghiệm còn lại dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: áp	- Sinh viên đọc trước bài lý thuyết ở nhà - Sinh viên đọc trước các thực nghiệm cần thực hiện ở nhà	

					nóng gây viêm, garo đùi ếch, thay đổi áp lực keo		
Tuần 5:	*- Thực tập: Phân tích huyết đồ*	- Giảng viên nhắc lại các thông số của các dòng tế bào máu - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích huyết đồ (3 bước cụ thể)			Sinh viên phân tích 1 huyết đồ và giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh cấu tạo máu - Sinh viên tự phân tích các huyết đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
	- Thực tập:Thực nghiệm về chức năng chống độc khử độc của gan và rối loạn chức phận tiêu hóa	- Minh họa chức năng chống độc khử độc của gan - Minh họa rối loạn chức năng hệ tiêu hóa			Sinh viên quan sát các thí nghiệm và ghi lại kết quả dưới dự hướng dẫn của kỹ thuật viên: - Tiêm Adreanlin và nước lọc phân vào tĩnh mạch đùi và tĩnh mạch mạc treo chó - Tiêm nước muối nóng,	- Sinh viên đọc phần lý thuyết liên quan tới bài học - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm	

					AgNO3 vào ruột chó			
	- Thực tập: Thực nghiệm minh họa một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp	- Minh họa ảnh hưởng của một số yếu tố đến các giai đoạn của hô hấp - Trên cơ sở sinh viên đac quan sát thí nghiệm, giảng viên sẽ cùng sinh viên phân tích cơ chế của sự thay đổi hô hấp ở các thí nghiệm			Sinh viên kiến tập các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thỏ ngửi NH3 đậm đặc, tiêm acid – kiềm vào tĩnh mạch rìa tai thỏ - Kẹp khí quản thỏ - Tiêm AgNO3 vào tĩnh mạch đùi chó	- Sinh viên đọc lại các giai đoạn của hô hấp - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần làm		
Tuần 6:	*- Thực tập: Thực nghiệm sốc truyền máu khác loài*	- Minh họa bệnh cảnh sốc - Giảng viên phân tích cơ chế quá mẫn typ 2 trong thực nghiệm này			- Sinh viên quan sát các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thực nghiệm tiêm truyền máu gà cho chó	- Sinh viên đọc lại bài miễn dịch bệnh lý - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần tiến hành		

					- Phản ứng chéo, phản ứng xác định vai trò của bổ thể		
	- *Thực tập: Phân tích niệu đồ*	- Giảng viên nhắc lại sự thay đổi của số lượng nước tiểu, chất lượng nước tiểu và các chỉ số sinh hóa liên quan - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích niệu đồ (3 bước cụ thể)			Sinh viên phân tích 1 niệu đồ và giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh hệ tiết niệu - Sinh viên tự phân tích các niệu đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
	- *Thực tập:Một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán*	- Giảng viên giới thiệu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích một số kí thuật miễn dịch hiện nay còn sử dụng trong chẩn đoán - Giảng viên hướng dẫn sinh			- Sinh viên kiến tập kĩ thuật ngưng kết thụ động - Sinh viên thực hành đổ lam thạch tiêu chuẩn và đục giếng thạch	Sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào sau khi giảng viên hướng dẫn cụ thể trên lớp	

		viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào					

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả thực nghiệm, phân tích phiếu xét nghiệm,

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hành các thí nghiệm, tham gia trao dổi, thảo luận
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận, … tự học trên mô hình, video.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Nhà xuất bản Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học
3. Sinh lý bệnh học / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2004. - 452tr. ; 24cm
4. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần miễn dịch học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 157tr. ; 27cm.
5. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần sinh lý bệnh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 255tr. ; 27cm.
6. Miễn dịch học cơ bản. - H. : Y học, 1986. - 422 tr. ; 21 cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi thực hành: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học thực hành mới được thi hết học phần thực hành.

+ Hình thức thi: thi viết

+ Thời lượng thi: 50 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng

8.2. Thi lý thuyết:

- ***Đánh giá ban đầu.***

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Sinh lý bệnh – miễn dịch

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Sinh lý bệnh – miễn dịch

- ***Đánh giá quá trình: :*** sinh viên cần tự giác thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, ghi chép đầy đủ kết quả thí nghiệm và phân tích tất cả các huyết đồ niệu đồ trong giáo trình thực hành

- ***Đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 120 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LTx2 + TH)/3**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, súc vật phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Mai Huy Quyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN THỰC VẬT – DƯỢC LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN THỰC VẬT DƯỢC

ĐỐI TƯỢNG: Y học cổ truyền

1. **Số đơn vị tín chỉ**: 1 tín chỉ (Lý thuyết: 1; Thực hành: 1)
2. **Tổng số tiết học**: Lý thuyết 15 tiết; Thực hành: 30 tiết.
3. **Số lần thi**: 2 Số học phần: 2
4. **Mục tiêu môn học**:

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được cấu trúc, chức năng và vẽ được các loại mô thực vật.
- Trình bày được và vẽ được các đặc điểm hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.
- Nêu được các bậc phân loại chính của thực vật và viết đúng tên khoa học của cây.
- Nêu được đặc điểm của từng họ thực vật hạt kín và vị trí phân loại của chúng.
- Sử dụng được khóa phân loại thực vật để xác định họ thực vật.

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

5. **Nội dung**

STT	Tên bài học	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
Phần 1: Hình thái học thực vật		7	
1	Chương 1: Tế bào thực vật	1	
2	Chương 2: Mô thực vật	1	
3	Chương 3: Cơ quan sinh dưỡng của thực vật - Rễ cây	2	

	- Thân cây - Lá cây - Ứng dụng cơ quan sinh dưỡng của thực vật trong ngành dược.		
4	Chương 4: Cơ quan sinh sản của thực vật. - Hoa - Quả - Hạt	3	
5	**Phần 2: Phân loại học thực vật**	8	
5.1	***Đại cương về phân loại học thực vật***	1	
5.2	***Giới thực vật***		
5.2.1	Ngành Dương xỉ trần, Rêu, Lá thông, Thông đất, Cỏ Tháp bút, Dương xỉ, Thông (ngành Hạt trần)	1	
5.2.2	**Ngành Ngọc lan (ngành Hạt kín):** ***Lớp Ngọc lan*** (nhấn mạnh các họ: Ngọc Lan, Na, Long não, Tiết dê, Hoàng liên, Rau giền, Rau răm, Sổ, Bí, Bông, Đâu tằm, Thầu dầu, Hoa hồng, Sim, Đậu, Cam, Nhân sâm, Hoa tán, cà phê, Trúc đào, Hoa môi, Cúc.	3	
	Lớp Hành: nhấn mạnh các họ: Trạch tả, Loa kèn, Hành, Củ nâu, Lan, Gừng, Lúa, Cau, Ráy.	3	
Thực hành			
1.	Phương pháp làm và vẽ tiêu bản vi phẫu các cơ quan dinh dưỡng. Phương pháp vẽ tiêu bản vi phẫu		5

2.	Tế bào và Mô thực vật		5
3.	Rễ cây		5
4.	Thân cây Nhận thức các loại hình thái thân		5
5.	Lá cây Nhận thức các loại hình thái Lá		5
6.	Phân tích và vẽ đặc điểm hình thái cơ quan sinh sản của thực vật bậc cao (Hoa) Nhận thức các loại hình thái Hoa		5
7.	Phân tích và vẽ đặc điểm hình thái cơ quan sinh sản của thực vật bậc cao (quả, hạt) Nhận thức các loại hình thái quả, hạt		
	Tổng	**15**	**30**

6. Phương pháp dạy học:

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm , kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học
- Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề… tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

7. Phương pháp lượng giá:

- Lý thuyết: thi viết tự luận
- Thực hành: thi vấn đáp
- Điểm môn học = (điểm lý thuyết*2 + điểm thực hành)/3

8. Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2007), *Thực vật học (sách đào tạo Dược sỹ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.

- Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Viện Dược Liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*.
- Võ Văn Chi (1999), *Từ điển cây thuốc*, NXB Y học,Hà Nội.
- Phạm Hoàng Hộ (1999), *Cây cỏ Việt Nam*, NXB KH- KT.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Hải Phòng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC	BỘ MÔN THỰC VẬT – DƯỢC LIỆU
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức		Ths. Ngô Thị Thanh Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
ĐƠN VỊ KỸ NĂNG Y KHOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KỸ NĂNG Y KHOA CƠ BẢN
(Tiền lâm sàng- Skillslab)

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 00 Thực hành: 02
Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết:00 Thực hành:60 tiết
Số giờ tự học (tiết): 60 tiết
Đối tượng sinh viên: năm thứ 2 hệ bác sỹ y học cổ truyền.
Học phần tiên quyết: hoàn thành các môn cơ sở, cơ bản
Học phần học trước: Điều dưỡng cơ bản, tâm lý y học- đạo đức y học
Học phần song hành: Truyền thông giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe môi trường.
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Đơn vị kỹ năng y khoa (Skillslab).

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

- Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng thăm khám, kỹ năng thủ thuật. Các kỹ năng này sinh viên được chia nhóm nhỏ, học và thực hành bằng các phương pháp đóng vai, trình diễn, thực tập trên mô hình, bệnh nhân giả, video… trước khi sinh viên đi bệnh viện. Mục tiêu là để sinh viên làm quen và thuần thục các kỹ năng trước khi sinh viên thực tập trên người bệnh để hạn chế rủi ro và mang tính nhân văn đối với người bệnh.

- Trước khi sinh viên lên lớp học, sinh viên cần đọc giáo trình về nội dung bài học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình hoặc thảo luận. Ngoài ra, sinh viên đọc các tài liệu tham khảo có liên quan đến chủ đề bài học để hiểu chủ đề học sâu sắc hơn. Sinh viên tự thực hành các kỹ năng tại phòng skills-lab

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- Thực hành được các kỹ năng(giao tiếp cơ bản, thăm khám, thủ thuật) thuần thục trước khi đi thực hành lâm sàng.

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
Kỹ năng giao tiếp				
1	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	0	4	4
2	Kỹ năng khai thác bệnh sử, làm bệnh án	0	4	4
3	Kỹ năng giao tiếp với người bệnh và người nhà bệnh nhân	0	4	2
4	Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp	0	4	2
5	Kỹ năng giao tiếp với cộng đồng	0	4	2
6	Kỹ năng thảo luận nhóm	0	4	2
7	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	0	8	2
8	Kỹ năng tham vấn nuôi dưỡng trẻ	0	0	4
9	Hướng dẫn điều trị tiêu chảy ở nhà bằng đường uống Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ uống thuốc tại nhà	0	0	4
Kỹ năng thăm khám				
10	Kỹ thuật khám cơ bản và toàn thân	0	4	4
11	Kỹ thuật khám hệ tuần hoàn	0	4	4
12	Kỹ thuật khám hệ hô hấp	0	4	4
13	Kỹ thuật khám hệ tiêu hóa	0	4	4
14	Kỹ thuật khám thận- tiết niệu	0	0	2
15	Kỹ thuật khám bướu giáp	0	0	2
16	Kỹ thuật khám cơ- xương- khớp	0	4	4
17	Kỹ thuật khám vú	0	0	2
18	Khám thai trong thai kỳ	0	0	2
19	Khám phụ khoa	0	0	2
Kỹ năng thủ thuật				
20	Kỹ năng đặt nội khí quản và bóp bóng qua mặt nạ	0	4	2
Cận lâm sàng				
21	Kỹ năng đọc một phim X quang phổi thẳng bình thường	0	4	2
TỔNG SỐ		**0**	**60**	**60**

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

- Thực hành: Thực hành bằng phương pháp đóng vai, bệnh nhân giả, video, mô hình, trình diễn thực tập, thảo luận nhóm nhỏ, bài tập tình huống, dựa trên vấn đề, y học chứng cứ.

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, thảo luận nhóm, động não, làm bài tập, thuyết trình, tự thực hành và xem video trên skillslab, thu thập thông tin, kiểm tra theo yêu cầu môn học.

VI. CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

- Đơn vị huấn luyện kỹ năng y khoa.
- TS. Thái Lan Anh, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Phạm Thị Thư, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Nguyễn Thị Phương, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Bùi Thị Thanh Mai, khoa Điều dưỡng.
- BS. Trần Đức Trung, đơn vị kỹ năng y khoa.
- TS. Vũ Văn Thái, bộ môn Ký sinh trùng, phó khoa XQ.
- Các giảng viên bộ môn Nhi
- Các giảng viên bộ môn Sản

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- *Tài liệu giảng dạy kỹ năng y khoa*, đơn vị kỹ năng y khoa, trường Đại học y Hải Phòng.

2. Tài liệu tham khảo

- Nhà xuất bản y học (2009), kỹ năng y khoa cơ bản
- Nhà xuất bản y học (2007), bài giảng huấn luyện kỹ năng y khoa.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá ban đầu: Đặt câu hỏi – sinh viên trả lời

2.Đánh giá quá trình:

- *Chuyên cần:* tham gia học trên lớp và thực hành tại bệnh viện đầy đủ, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà) chiếm trọng số 1/3 điểm học phần.

3. Đánh giá hết môn:(có trọng số là 2/3 điểm học phần) chia thành 2 nhóm (kỹ thuật khám cơ bản chiếm 1/3 điểm học phần, kỹ năng giao tiếp/ kỹ năng thủ thuật/ khám nhi/ khám sản chiếm 1/3 điểm học phần)

* Công thức tính điểm học phần như sau:

A = (A1+ A2+A3)/3

Trong đó:**A**: là điểm của học phần

A1: là điểm chuyên cần

A2: là điểm kiểm tra trạm kỹ năng thăm khám

A3: Là điểm kiểm tra kỹ năng giao tiếp/ thủ thuật

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thực hành:

Vật liệu dạy học: Phòng thực hành, phấn, bảng, máy tính, mô hình, giấy A0, bút màu, máy chiếu, màn chiếu.

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

THÁI LAN ANH

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA; RĂNG HÀM MẶT; DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC; BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số:
- Số học phần: 1
- Số chứng chỉ: 1

Số tín chỉ: 2(2/0)
Số tiết học: (30/0)
Số giờ tự học: 60

- Đối tượng sinh viên: Bác sỹ đa khoa (6 năm) năm 4; Bác sỹ đa khoa (4 năm) năm 2; BS Răng hàm mặt năm 2; Dược sĩ(5 năm) năm 2; Dược sĩ (4 năm) năm 2; Bác sĩ y học cổ truyền năm 2.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về truyền thông – giáo dục sức khỏe. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Phân tích được yếu tố ảnh hưởng và các bước của quá trình thay đổi hành vi SK
2. Mô tả được mục đích, vị trí, vai trò và nguyên tắc của truyền thông giáo dục SK
3. Trình bày được các bước trong lập kế hoạch và các nguyên tắc chính để lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe.
4. Trình bày được cách tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	TH	
1.	Khái niệm, vị trí, vai trò của TT-GDSK và nâng cao sức khỏe	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi
2.	Hành vi sức khỏe & quá trình thay đổi	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi

	hành vi sức khỏe				
3.	Một số nguyên tắc trong TT-GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
4.	Nội dung TT-GDSK	4		8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
5.	Các phương pháp và phương tiện truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
6.	Kỹ năng truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Lập kế hoạch truyền thông GDSK và quản lý hoạt động GDSK	6	0	12	Ths. Trần Thị Bích Hồi
	TỔNG SỐ	**30**	**0**	**60**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2007), Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
- Đàm Khải Hoàn (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN VI SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG : SV RHM, YHCT

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 32	Thực hành: 16

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Sinh viên RHM, YHCT

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Mô học

Học phần học trước:

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Vi sinh Y học

- TS. Nguyễn Hùng Cường
- ThS. Hoàng Thị Hải Yến
- ThS. Trần Thị Vượng
- Th.S. Phạm Thị Tâm
- BS. Trịnh Thị Hằng
- CN. Nguyễn Quang Huy
- CN. Vũ Thị Nữ

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây bệnh nhiễm khuẩn (vi khuẩn và virus). Các kiến thức này là cơ sở để sinh viên tiếp cận kiến thức y học lâm sàng.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học cơ sở, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên RHM sau khi đã hoàn thành khối kiến thức cơ bản.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh, vacxin và huyết thanh, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể.

- Các đặc điểm cơ bản nhất (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng và cơ chế gây bệnh, chẩn đoán vi sinh vật, cách phòng và nguyên tắc điều trị các bệnh nhiễm trùng) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh quan trọng.

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành y học cơ sở nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và dạy đồng thời với một số môn y học cơ sở khác.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề…

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây bệnh (vi khuẩn và virus).

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh, vacxin và huyết thanh, bệnh nhiễm trùng, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể chống vi sinh vật.

- Các đặc điểm cơ bản (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng gây bệnh, chẩn đoán vi sinh vật, cách phòng và nguyên tắc điều trị bệnh) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh nguy hiểm.

Về kỹ năng

- Chỉ định và phân tích được một số xét nghiệm vi sinh chẩn đoán bệnh nhiễm trùng thường gặp.

- Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong xét nghiệm vi sinh: Lấy bệnh phẩm phục vụ chẩn đoán vi khuẩn, virus.

- Thực hiện được kỹ thuật nhuộm vi khuẩn (Nhộm đơn, Gram, Ziehl-Neelsen) và nhận biết được hình thể của vi khuẩn trên tiêu bản nhuộm.

- Thực hiện được kỹ thuật kháng sinh đồ và phân tích được kết quả.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Bài 1	Đại cương về VSV và VSV y học. Hình thể, cấu tạo và sinh lý của vi khuẩn Kháng sinh và kháng kháng sinh.	2	4
Bài 2	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của VSV. Vaccin và huyết thanh. Nhiễm trùng bệnh viện	2	4
Bài 3	Đại cương virus. *Ricketsia, Chlamydia, Mycoplasma* Nguyên tắc chẩn đoán vi sinh, phòng và điều trị các bệnh nhiễm trùng.	2	4
Bài 4	Các cầu khuẩn gây bệnh (Tụ cầu, Liên cầu, Lậu cầu). Họ vi khuẩn đường ruột (Salmonella, Shigella).	2	4
Bài 5	Mycobacterium (TK lao). Clostridium (TK uốn ván). Các xoắn khuẩn gây bệnh (Xoắn khuẩn giang mai).	2	4
Bài 6	Trực khuẩn mủ xanh, VK dịch hạch, Phảy	2	4

	khuẩn tả, TK bạch hầu		
Bài 7	Myxovirus (cúm, sởi, quai bị). Enterovirus (bại liệt, Chân tay miệng). Virus dại Arbovirus (Dengue, VNNB B).	1	4
Bài 8	Các virus gây viêm gan (VGB). Virus Herpes và thủy đậu. Virus gây hội chứng SGMD ở người.	2	4
Tổng		**15**	**32**

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Quan sát hình thể vi khuẩn	4	2
Bài 2	Làm tiêu bản nhuộm vi khuẩn- Các phương pháp nhuộm soi vi khuẩn	4	2
Bài 3	Cách lấy bệnh phẩm- Cấy phân lập vi khuẩn	4	2
Bài 4	Cấy định danh vi khuẩn	4	2
Bài 5	Kháng sinh đồ	4	2
Bài 6	Ứng dụng một số phản ứng miễn dịch vào chẩn đoán vi sinh	4	4
Bài 7	Tham quan phòng xét nghiệm vi sinh và quan sát một số xét nghiệm chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh tại lab bệnh viện	4	2
Bài 8	Thi thực hành	2	
Tổng		**30**	**16**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...

- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...

- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;
- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology

Link:
http://microbiology.sbmu.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_miceobiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

*** Đánh giá ban đầu:**

- Hỏi thăm

*** Đánh giá quá trình:**

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

*** Đánh giá kết thúc học phần:**

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.
- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Thi viết
- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết *2 + Điểm thi thực hành)/3**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ấm
  01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ấm CO2, hốt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

Ngày 4 tháng 8 năm 2016

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Hùng Cường

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Dược học (Phamarcy)
Mã ngành đào tạo: 52720401
Loại hình đào tạo: Chính qui

(Ban hành kèm theo Quyết định số 223/2015/QĐ-YDHP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sĩ trình độ đại học là đào tạo những người có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- Coi trọng việc kết hợp y - dược học hiện đại với y - dược học cổ truyền.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức

- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở.
- Có kiến thức chuyên môn cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ nhân dân.
- Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu.

Về kỹ năng

- Tổ chức được và thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia.

- Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác.

- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

Định hướng nghề nghiệp của sinh viên Dược, Trường đại học Y Hải Phòng

- Định hướng *Dược lâm sàng*: công tác tại các bệnh viện, nhà thuốc, viện nghiên cứu, trường đại học

- Định hướng *Cung ứng và quản lý thuốc*: công tác tại các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, nhà thuốc, cơ sở đào tạo dược sỹ

- Định hướng *Dược liệu, Dược cổ truyền*: công tác tại các bệnh viện, doanh nghiệp, cơ sở khám chữa bệnh y dược cổ truyền, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo.

2. Thời gian đào tạo: 5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 163 tín chỉ (chưa tính 03 tín chỉ Giáo dục thể chất và 07 tín chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ", ban hành kèm theo Quyết định số: 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: 4 (qui đổi từ thang điểm 10)

Thực hiện theo điều 21 và 22 của 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015; điều 22 và 23 "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ	Ghi chú
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu:** hông kể học phần: Giáo dục thể chất và Giáo ục quốc phòng – an ninh)	34	
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, ong đó** - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức ngành - Kiến thức bổ trợ (tự chọn): - Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc hoá luận)	 36 39 44 10	
	Tổng cộng:	**163**	

7.2. Khung chương trình giáo dục

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2; Thuốc YHCT

Học phần học trước:Phương tễ

Học phần song hành: Xoa bóp bấm huyệt khí công dưỡng sinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung, Giảng viên kiêm chức: ThS. Đoàn Hải Nam, TS. Nguyễn Văn Phúc

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bào chế đông dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các phương pháp chế biến thuốc y học cổ truyền và quy trình chế biến các vị thuốc y học cổ truyền

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày các phương pháp chế biến thuốc y học cổ truyền
- Trình bày quy trình chế biến và chế biến được các vị thuốc y học cổ truyền

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết	Số tiết tự học	Số tiết
		LT		LS
1.	Đại cương về bào chế, các phương pháp bào chế sơ bộ thuốc y học cổ truyền	2	5	5
2.	Bào chế thuốc giải biểu. Bào chế thuốc thanh nhiệt	3	5	10
3.	Bào chế thuốc bổ, bào chế thuốc hành khí, thuốc hoạt huyết	3	5	10
4.	Bào chế thuốc lợi tiểu, thuốc tả hạ, thuốc giảm ho, thuốc trừ đàm, thuốc cố sáp, thuốc chỉ huyết	2	5	7
5.	Bào chế thuốc an thần, thuốc bình can tức phong, thuốc trừ hàn, thuốc tiêu hóa, thuốc dùng ngoài	3	5	8

6.	Bào chế các dạng thuốc: thuốc thang, thuốc bột, viên hoàn, rượu thuốc, siro, cao	2	5	5
Tổng số		**15**	**30**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thảo luận nhóm

Kiến tập bào chế các dạng thuốc

Tham gia bào chế một số vị thuốc

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học, sinh viên thực tế tại cơ sở, viết báo cáo thu hoạch.....
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Phạm Xuân Sinh (2011), Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Viện YHCT Việt Nam (2004), Phương pháp bào chế và sử dụng Đông dược, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng:SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

*Thực hành:*Thi vấn đáp, đánh giá kỹ năng. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài thi

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, làm báo cáo thu hoạch

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng
- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, mẫu thuốc theo danh mục...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNGBỘ MÔN

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: BỆNH HỌC LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Lâm sàng: 01

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, thuốc YHCT, Phương tễ

Học phần học trước: Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giáo viên giảng dạy: ThS.Nguyễn Thị Thanh Hoa, BSNT.Khúc Thị Song Hương,

Giảng viên kiêm chức: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Nguyễn Trọng Nghĩa, BS.CKI. Đoàn Kim Trâm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bệnh học lão khoa YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh lão khoa theo YHHĐ và YHCT cũng như cách khám, phát hiện triệu chứng, tư vấn và điều trị các bệnh lão khoa trên LS.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày triệu chứng, biện chứng, chẩn đoán, điều trị các chứng bệnh lão khoa theo YHHĐ và YHCT
- Khám, làm được bệnh án các chứng bệnh lão khoa với các nội dung theo YHHĐ và YHCT
- Tư vấn được cho bệnh nhân cách phòng và tập luyện theo YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học	Số tiết LS
1.	Đái đường	3	5	10
2.	Thoái hóa khớp	3	5	10

3.	Di chứng tai biến mạch máu não	2	5	10
4.	Thiếu máu, tăng mỡ máu	3	5	5
5.	U xơ tiền liệt tuyến	2	5	5
6.	Giảm trí nhớ	2	5	5
Tổng số		**15**	**30**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, bảng kiểm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày ca lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Phạm Vũ Khánh (2010), Lão khoa YHCT, NXB giáo dục

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Chuyên đề nội khoa YHCT, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng:SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng
- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu, mẫu thuốc theo danh mục, máy điện châm, bông cồn...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	**Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền**
GS.TS. *Phạm Văn Thức*	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: BỆNH HỌC NGŨ QUAN Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Lâm sàng: 01

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, thuốc YHCT, Phương tễ

Học phần học trước:Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: ThS. Lê Ngọc Sơn, TS. Lương Trần Khuê, Giảng viên kiêm chức: TS. Nguyễn Thế Thịnh, TS. Thái Hoàng Oanh, ThS. Trần Thị Thơm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bệnh học ngũ quan YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh ngũ quan theo YHHĐ và YHCT cũng như cách khám, phát hiện triệu chứng, tư vấn và điều trị các bệnh ngũ quan trên LS.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các chứng bệnh ngũ quan theo YHHĐ và YHCT
- Khám, làm được bệnh án các chứng bệnh ngũ quan với các nội dung theo YHHĐ và YHCT
- Tư vấn được cho bệnh nhân phương pháp phát hiện sớm và sử dụng chế độ ăn uống tập luyện cho thích hợp.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học	Số tiết LS
1.	Đại cương về nhãn khoa	2	5	5

2.	Viêm màng tiếp hợp. chắp lẹo, quáng gà, viêm thị thần kinh	2	5	10
3.	Viêm họng, viêm amidan, viêm mũi dị ứng, viêm xoang	2	5	10
4.	Viêm tai giữa, nhọt ống tai	3	5	5
5.	Câm điếc, hội chứng Meniere	3	5	5
6.	Một số bệnh răng miệng	3	5	10
Tổng số		**15**	**30**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, bảng kiểm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày case lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

7.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng: SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng
- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu, máy điện châm, bông cồn...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	**TRƯỞNG BỘ MÔN**
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	**Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
CHÂM CỨU - LÝ THUYẾT

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 03 Thực hành: 00

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 45 Thực hành: 00

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:lý luận Y học cổ truyền

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: BSCKI. Đoàn Mỹ Hạnh, BS. Phạm Hải Dương, PGS.TS. Lê Thành Xuân (GVKC), BSCK I. Nguyễn Thị Hải (GVKC)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lâm sàng châm cứu 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vị trí, đường đi, tác dụng của các đường kinh, các huyệt và sự vận dụng các huyệt trong phòng và điều trị một số chứng bệnh thông thường

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Xác định đúng vị trí, đường đi, tác dụng của các đường kinh, các huyệt
- Xây dựng được công thức huyệt trong phòng và điều trị một số chứng bệnh thường gặp bằng châm cứu.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung giảng bài	Số tiết	
		LT	Tự học
	Kinh: Phế, Đại trường, Vị	6	15
	Kinh: Tỳ, Tâm, Tiểu trường	6	15
	Kinh: Bàng quang, Thận, Tâm bào	6	15
	Kinh tam tiêu, đởm, can	6	15
	Mạch đốc, Nhâm, huyệt ngoài kinh	6	15
	Châm cứu điều trị một số bệnh: đau đầu, đau lưng, đau vai gáy, đau thần kinh hông, viêm quanh khớp vai, liệt VII ngoại biên	15	15

Tổng số	**45**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng YHCT tập 2 – Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học 2010

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Châm cứu học, NXB Y học
3. Châm cứu tổng hợp (2008), NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

***- Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp đầy đủ

Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết thực giảng của học phần.

~~- Sinh viên tham dự học từ 70-90% số tiết thực giảng của học phần thì *bị nhận điểm 0 và* phải thi lại học phần đó.~~

- Sinh viên tham dự học ít hơn 70% số tiết thực giảng của học phần thì phải học lại học phần đó.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = điểm LT

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Lý thuyết: Giảng đường, máy tính, máy chiếu, tranh ảnh, phấn bảng

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
CHÂM CỨU - LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 00 Thực hành: 03

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 00 Thực hành: 135

Số giờ tự học (tiết): 00

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:lý luận Y học cổ truyền

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: BSCKI. Đoàn Mỹ Hạnh, BS. Phạm Hải Dương, PGS.TS. Lê Thành Xuân (GVKC), BSCK I. Nguyễn Thị Hải (GVKC)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lâm sàng châm cứu 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vị trí, đường đi, tác dụng của các đường kinh, các huyệt và sự vận dụng các huyệt trong phòng và điều trị một số chứng bệnh thông thường

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Xác định đúng vị trí, đường đi, tác dụng của các đường kinh, các huyệt
- Xây dựng được công thức huyệt trong phòng và điều trị một số chứng bệnh thường gặp bằng châm cứu.
- Làm thành thạo thủ thuật châm cứu

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung giảng bài	Số tiết	
		LS	
	Kinh: Phế, Đại trường, Vị	20	
	Kinh: Tỳ, Tâm, Tiểu trường	20	
	Kinh: Bàng quang, Thận, Tâm bào	20	
	Kinh tam tiêu, đởm, can	20	
	Mạch đốc, Nhâm, huyệt ngoài kinh	20	
	Châm cứu điều trị một số bệnh: đau đầu, đau lưng, đau vai gáy, đau thần kinh hông, viêm quanh khớp	35	

	vai, liệt VII ngoại biên ….		
Tổng số		**135**	**0**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, làm thủ thuật theo bảng kiểm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng YHCT tập 2 – Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học 2010

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Châm cứu học, NXB Y học
3. Châm cứu tổng hợp (2008), NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lâm sàng: Đi học đầy đủ, nghỉ học quá 5% số buổi là không đủ điều kiện dự thi, nghỉ học từ 5- 10% nhận 0 điểm và thi lại. Nghỉ học trên 10% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên làm bệnh án, thực hành thủ thuật

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lâm sàng: Thi vấn đáp, SV làm bệnh án, thực hành thủ thuật

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = điểm LS

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Lâm sàng: Phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu, tranh ảnh, máy điện châm, bông cồn ....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG, BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (32/0)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ YHDP năm 5, Y học cổ truyền năm 4
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Các Bộ môn thuộc Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học "Chương trình y tế quốc gia" giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản và phổ cập về các chương trình y tế quốc gia đang được thực hiện trong gia đoạn hiện nay.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được được mục tiêu, giải pháp chung của ngành y tế để thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia
2. Trình bày được mục tiêu định hướng và các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của từng chương trình mục tiêu y tế quốc gia
3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	Tự học	
1.	Giới thiệu về các chương trình YTQG	2	0	4	PGS. TS. Dương Thị Hương

2.	Chương trình phòng chống SDD	3	0	6	Ths. Nguyễn Thị Thùy Linh
3.	Chương trình đảm bảo chất lượng và VSATTP	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Thắm
4.	Chương trình phòng chống sốt xuất huyết	3	0	6	PGS. TS. Phạm Minh Khuê
5.	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	3	0	6	Ths. Trần Thị Bích Hồi
6.	Chương trình phòng chống sốt rét	2	0	4	PGS. TS. Dương Thị Hương
7.	Chương trình vệ sinh môi trường	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc
8.	Chương trình phòng chống TNTT	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc
9.	Chương trình phòng chống thảm họa	2	0	4	PGS. TS. Dương Thị Hương
10.	Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá	2	0	4	BSCKII. Nguyễn Bá Dụng
11.	Chương trình phòng chống Lao	2	0	4	PGS. TS. Phạm Minh Khuê
12.	Chương trình phòng chống bệnh tâm thần tại cộng đồng	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
13.	Chương trình phòng chống rượu, ma túy	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Thắm
14.	Chương trình phòng chống bệnh không mạn tính không lây	3	0	6	Ths. Trần Thị Thúy Hà
	TỔNG SỐ	32	0	**64**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận câu hỏi của giảng viên

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Các chương trình y tế quốc gia gia đoạn 2016-2020, chiến lược 2020, 2030

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

PHÓ HIỆU TRƯỞNG	LÃNH ĐẠO KHOA
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DA LIỄU

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian: 60 tiết Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học: 60

Đối tượng sinh viên: Y HỌC CỔ TRUYỀN

Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nội bệnh học

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Da liễu

II. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- Ths. Nguyễn Văn Hà
- Ths. Nguyễn Thị Liên
- Ths. Đào Minh Châu
- Bs. Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền
- Bs. Nguyễn Thị Lệ Thủy

III. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và một số buổi tự học và thảo luận có sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn về một số chủ đề chính về các bệnh da, hoa liễu thông thường như: bệnh da nhiễm khuẩn, bệnh da do virus, các bệnh lây truyền qua đường tình dục.... Sau đó sẽ đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Hình thức thực hành: sinh viên sẽ được tham dự các buổi giao ban, đi buồng, bình bệnh án, thăm khám bệnh nhân hàng ngày và thực hành các kỹ năng lâm sàng trên người bệnh ở các phòng điều trị khoa da liễu và phòng khám da liễu tại khoa khám bệnh.

- Kỳ vọng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học áp dụng được vào thực tế để chẩn đoán, xử trí và quản lý cũng như tư vấn giáo dục sức khoẻ phòng chống một số bệnh da, hoa liễu thường gặp.

IV. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1.Trình bày được đặc điểm dịch tễ học cơ bản của một số bệnh Da liễu thường gặp

2. Trình bày được cơ chế sinh bệnh học cơ bản của một số bệnh da liễu thường gặp

3. Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh da liễu thường gặp

4. Chẩn đoán được một số bệnh da liễu thường gặp

5. Xử trí được một số bệnh da liễu thường gặp

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		Lý thuyết	Thực hành	TỰ HỌC LT/TH
1	Giải phẫu, Sinh lý da,. Thương tổn cơ bản.	1	5	4/4

2	Bệnh eczema	2	5	3/4
3	Bệnh vảy nến	2	5	3/3
4	Nhiễm độc da dị ứng thuốc	2	5	2/2
5	Bệnh Phong	2	4	4/4
6	Bệnh Zona	2	5	4/4
7	Bệnh lậu	1	4	3/3
8	Bệnh giang mai	1	4	3/3
9	Bệnh ghẻ, bệnh chốc	1	4	2/2
10	Bệnh nấm da	1	4	2/2
	Tổng	**15**	**45**	30/30

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

6.1 Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm

- Thực hành: thực tập tại bệnh viện, dạy học bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh.

6.2 Phương pháp học và tự học

- Sinh viên nghe giảng trên lớp và trao đổi, thuyết trình theo chủ đề, thảo luận nhóm

- Khi thực hành lâm sàng, sinh viên thăm khám bệnh, làm bệnh án để trình bày ca lâm sàng, thảo luận nhóm

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Bài Giảng Bệnh Da liễu do Bộ Môn biên soạn theo chương trình của Dự án Hà Lan

7.2. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học Da liễu, tập 1 – Bộ Môn Da liễu Đại học Y Hà Nội
- Giáo trình bệnh Da và hoa liễu – Học Viện Quân Y
- Da liễu học – Nhà xuất bản giáo dục
- Hướng dẫn sử dụng kháng sinh – Bộ Y Tế
- Miễn dịch học – Nhà xuất bản Y học
- Chuyên đề dị ứng học – Nhà xuất bản Y học
- Fitzpatrick's Clinical Dermatology.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Kiểm tra – đánh giá ban đầu: Thăm hỏi, phát vấn

- Kiểm tra – đánh giá trong quá trình: Tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ tại bệnh viện, chuẩn bị bài tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp

Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá ban đầu và trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần. Nghỉ 2 buổi không được thi

- Kiểm tra – đánh giá kết thúc học phần:

-Lý thuyết: thi viết

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LT+LS)/2**

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- lí thuyết: Giảng đường , máy chiếu...

-Thực hành: Phòng thực hành: khoa Da liễu bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, khoa Da liễu bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

- Đề xuất của Bộ môn:
    - Đề nghị nhà trường đầu tư thêm cho Bộ môn các tài liệu tranh, ảnh, mô hình da và các bệnh Da liễu.
    - Đầu tư phòng học cho sinh viên giao ban và học lâm sàng tại viện.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Văn Thà

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về dị ứng học, dị nguyên, phương pháp điều trị đặc hiệu các bệnh dị ứng Thực hành test lảy da	2	6	4
2	Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu	1	3	2
3	Bệnh dị ứng nghề nghiệp	1	3	2
4	Viêm mũi dị ứng, Mày đay	1	6	2
5	Hen phế quản	2	6	4
6	Luput ban đỏ hệ thống	2	6	4
7	Bệnh tự miễn	2		4
8	Dị ứng thuốc	2	3	4
9	Sốc phản vệ	2	3	4
10	Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu		3	
11	Bệnh án dị ứng		3	
12	Viêm khớp dạng thấp		2	
Tổng		**15**	**45**	**30**

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Tuần 1:	- *Đại cương dị ứng học, dị nguyên* - *Chẩn đoán đặc hiệu* - *Viêm mũi dị ứng*	- Giảng viên phân tích cho sinh viên về nguồn gốc môn học, các khái niệm cơ bản và các phương pháp chẩn đoán đặc biệu các bệnh dị ứng - Giới thiệu các trọng điểm				Sinh viên đọc trước bài ở nhà, tự nghiên cứu bài Viêm mũi dị ứng sau khi giảng viên hướng dẫn nội dung cần chú ý	

		bài Viêm mũi dị ứng để sinh viên tự tìm hiểu					
	- *Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu* - *Bệnh dị ứng nghề nghiệp*	- Giảng viên giới thiệu các phương pháp chẩn đoán đặc hiệu các bệnh dị ứng, chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc, tiến hành - Giới thiệu một số bệnh nghề nghiệp thường gặp trong thực tế, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu chi tiết				- Sinh viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm về các bệnh dị ứng nghề nghiệp khác có thể gặp trên thực tế trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn	
	- *Hen phế quản* - *Bệnh tự miễn* - *Luput ban đỏ hệ thống*	- Giảng viên phân tích chi tiết về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, thăm dò chức năng trong bệnh cảnh Hen phế quản - Hướng dẫn sinh viên các điểm trọng tâm cần lưu ý ở bệnh nhân				- Sinh viên cần lưu ý các tiêu chuẩn chẩn đoán Luput ban đỏ hệ thống - Sinh viên tự tìm hiểu thêm về một số bệnh tự miễn sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

		mắc bệnh tự miễn và luput ban đỏ hệ thống				trọng tâm	
	Dị ứng thuốc *- Sốc phản vệ*	- Giảng viên phân tích các triệu chứng nhận biết bệnh nhân dị ứng thuốc đặc trưng và hiếm gặp - Giảng viên phân tích sự thay đổi của các hệ cơ quan tương ứng triệu chứng lâm sàng khi bệnh nhân có sốc phản vệ					
Tuần 2:	*- Thực hành lâm sàng*	- Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành test lẩy da			- Thực hành test lẩy da: sau khi được giảng viên nhắc lại phần lý thuyết, chỉ định, chống chỉ định, tiến hành thì sinh viên trực tiếp thực hành test chéo theo hình thức cặp đôi và đọc kết quả	Sinh viên tìm hiểu thêm các phác đồ điều trị số phản vệ cập nhật qua các năm theo khuyến cáo của WHO và Bộ y tế	

					dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên - Bệnh án dị ứng		
	- Thực hành lâm sàng	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị - Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu và cách đọc kết quả			- Lâm sàng hen phế quản - Lâm sàng viêm khớp dạng thấp - Lâm sàng luput ban đỏ hệ thống - Lâm sàng dị ứng thuốc - Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng	
	- Thực hành lâm sàng	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị			- Lâm sàng sốc phản vệ - Lâm sàng viêm mũi dị ứng	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng	

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: giảng lâm sàng tại bệnh viện, nghiên cứu các tình huống lâm sàng, thực hành các test chẩn đoán bệnh dị ứng

6.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: nghe giảng, xem minh họa, thảo luận
- Thực hành: sinh viên thực hành các test chẩn đoán, tham gia trao đổi, thảo luận các tình huống lâm sàng, đóng vai
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận...

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. https://emedicine.medscape.com/allergy_immunology
1. Bài giảng dị ứng - Miễn dịch lâm sàng. - H. : Y học, 2011. – 174tr.
2. Dị ứng thuốc . - H. : Y học, 2011. - 397tr. ; 27cm
3. Hen phế quản. - H. : Y học, 2011. - 392tr. ; 27cm. Tập 2 : Phần thực hành, 2011. - 392tr.
4. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 1 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 199tr. ; 27cm
5. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 2 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 498tr. ; 27cm
6. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về dị ứng - miễn dịch lâm sàng : Ban hành kèm theo Quyết định số 3942/QĐ-BYT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - H. : Y học, 2015. - 143tr. ; 27cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi thực hành lâm sàng: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng mới được thi hết học phần thực hành lâm sàng.

+ Hình thức thi: vấn đáp

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng.

8.2. Thi lý thuyết:

- *Đánh giá ban đầu.*

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Dị ứng - MDLS

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Dị ứng - MDLS

- *Đánh giá quá trình:* sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- *Đánh giá cuối kỳ:* Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LT + TH)/2**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành lâm sàng: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	Phạm Thị Thuý Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: DƯỠNG SINH XOA BÓP KHÍ CÔNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 02 Lâm sàng: 02

Phân bố thời gian (tiết): 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2

Học phần học trước:Châm cứu 1,2

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: BS.Đoàn Mỹ Hạnh, BS. Phạm Hải Dương, Giảng viên kiêm chức: PGS.TS. Lê Thành Xuân, BS.CKI. Nguyễn Thị Hải

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần xoa bóp bấm huyệt khí công dưỡng sinh cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ chế tác dụng của khí công, xoa bóp, dưỡng sinh và cách thực hiện các động tác khí công, xoa bóp, dưỡng sinhtrong phòng và chữa bệnh

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được cơ chế tác dụng của khí công, xoa bóp, dưỡng sinh
- Làm được các động tác khí công, xoa bóp, dưỡng sinh
- Áp dụng được các động tác khí công, xoa bóp dưỡng sinh trong phòng và chữa bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học	Số tiết LS
1.	Đại cương cơ chế của phương pháp xoa bóp bấm huyệt	5	5	0
2.	Các thủ thuật xoa bóp	5	10	20
3.	Xoa bóp điều trị: Đau vai gáy, VQKV, viêm	5	15	30

	khớp dạng thấp, đau đầu, đau lưng, đau thần kinh tọa, đau dạ dày, suy nhược thần kinh			
4.	Đại cương cơ chế của phương pháp tập luyện dưỡng sinh	5	10	0
5.	Nội dung của phương pháp tập luyện dưỡng sinh	5	10	20
6.	Phương pháp tập luyện dưỡng sinh điều trị: Hen phế quản, hội chứng dạ dày tá tràng, suy nhược thần kinh, cao HA	5	10	20
Tổng số		**30**	**60**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thảo luận nhóm

Thực hành xoa bóp trên BN

Thực hành tập dưỡng sinh

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh nhân, trình bày case lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Châm cứu học, NXB Y học
2. Đỗ Thị Dung, Hướng dẫn kỹ thuật xoa bóp phương đông, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng: SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Với học phần lý thuyết: **Điểm môn học= Điểm lý thuyết**

Với học phần lâm sàng: **Điểm môn học = Điểm lâm sàng**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng
- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, mô hình xoa bóp, kim châm cứu, máy điện châm, bông cồn...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	**TRƯỞNG BỘ MÔN**
	Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền
TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Khúc	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LAO VÀ BỆNH PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày .... Tháng.... Năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN LAO VÀ BỆNH PHỔI

1.THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Lâm sàng: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45

Thời gian tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: **Bác sỹ Y học cổ truyền**

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lao và bệnh phổi

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành lao và bệnh phổi. Bao gồm những kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh lý về lao: lao phổi, lao các cơ quan khác.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1 Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về bệnh lao, vi khuẩn lao

3.2 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các phương pháp phát hiện vi khuẩn lao của các thể lao.

3.3 Trình bày được cách chẩn đoán các thể bệnh lao.

3.4 Trình bày được nguyên tắc điều trị và điều trị cụ thể các thể bệnh lao, hiểu rõ các thuốc chống lao.

3.5 Trình bày được công tác phòng chống lao của chương trình chống lao quốc gia, các phương pháp phòng bệnh lao.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1 Lý thuyết

STT	Tên bài giảng lý thuyết	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Đại cương, sinh bệnh học bệnh lao	01	00	PGS.TS. Phục
2	Dịch tễ học bệnh lao	01	00	
3	Điều trị bệnh lao	01	02	
4	Lao phổi mãn tính	01	03	TS. Điện
5	Lao sơ nhiễm	01	02	
6	Phòng bệnh lao và chương trình chống lao quốc gia	01	03	
7	Vi trùng lao	01	01	ThS. Thọ
8	Chẩn đoán lao bằng Xquang	01	01	
9	Lao màng phổi	01	01	
10	Bệnh lao phối hợp	01	02	
11	Lao màng bụng	01	01	
12	Lao màng não	01	01	
13	Cấp cứu ho ra máu	01	01	
14	Lao hạch	01	01	BS. Kiên
15	Lao phổi cấp	01	01	ThS. Thọ

4.2 Thực hành

STT	Tên bài giảng thực hành	Số tiết		Giảng viên
		TH	Tự học	
~~1~~	~~Gặp gỡ Sinh viên~~	~~02~~	~~00~~	~~ThS. Thọ~~
2	Bình BA Lao phổi mạn	04	03	TS. Điện
3	Bình BA ho ra máu	04	02	ThS. Thọ
4	Bình BA lao màng phổi	04	02	
5	Bình BA lao HIV	04	02	
6	Bình BA lao màng bụng	03	02	
7	Đọc Xquang	04	04	
8	Bình BA lao sơ nhiễm	03	02	
9	Bình BA lao màng não	04	03	
10	Bình BA lao hạch	03	02	BS Kiên
11	Thực tập vi trùng lao	03	01	BS.CKII.Tuấn
12	Giao ban	02	00	BS Kiên
13	Giảng tại bệnh phòng	02	00	ThS. Thọ
14	Lao phổi cấp	03	02	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Giảng lý thuyết trên lớp, thiết kế bài giảng lấy sinh viên làm trung tâm. Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm. Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực.

- Thực hành: Hướng dẫn sinh viên học trên bệnh nhân cụ thể. Bình các thể bệnh lao trên bệnh nhân cụ thể.

5.2 Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên chuẩn bị bài và đọc các bài lý thuyết trước, nghe giảng và thảo luận trong bài giảng.

- Lâm sàng: Đi học lâm sàng đầy đủ, khám bệnh nhân kỹ càng, trao đổi với bạn cùng học, các bác sỹ điều trị, giảng viên của bộ môn khi có thắc mắc.

- Tự học: Chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu, nghiên cứu lại các bài đã học, đọc thêm các sách tham khảo cùng chuyên ngành.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy:

Bệnh học lao – Bộ môn Lao và bệnh phổi – Trường ĐH Y Hải Phòng: Tài liệu học tập do bộ môn biên soạn.

6.2 Tài liệu tham khảo:

- Bệnh học lao – GS.TS. Trần Văn Sáng, NXB Y Học – Hà Nội, 2007.
- Bệnh lao phổi / Gao Bei Li. - H. : Nxb. Hà Nội, 2004. - 163tr. ; 19 cm.
- Các phương pháp phát hiện, chẩn đoán lao phổi, lao kê, lao màng não / Hoàng Minh. - H. : Y học, 2002. - 202tr. ; 25cm
- Hướng dẫn kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao kháng đa thuốc. - H. : Y học, 2010. - 119tr. ; 27cm
- Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Lao và bệnh phổi : Ban hành kèm theo Quyết định số 1918/QĐ-BYT ngày 04 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế / Nguyễn Việt Cồ: Y học - 123tr. ; 27cm

- Hướng dẫn quy trình thực hành chuẩn xét nghiệm vi khuẩn lao. - H. : Y học, 2012. - 399tr. ; 27cm
- Lao màng não lao màng ngoài tim lao màng bụng. - H. : Y học, 2002. - 336 tr. ; 21 cm
- WHO report 2006: Global tuberculosis control: surveillance, planning, financing. - Geneva : World Health Organization, 2006. - 242p. ; 27cm

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

7.1 Đánh giá sinh viên dựa trên các tiêu chí sau:

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận trên lớp.
- Kiểm tra, đánh giá ban đầu
- Kiểm tra, đánh giá quá trình
- Kiểm tra kết thúc học phần.

7.2 Hình thức đánh giá:

- Đánh giá ban đầu: Thi test
- Đánh giá quá trình: Thi test
- Đánh giá kết thúc học phần: + Lý thuyết: thi tự luận.
  + Lâm sàng: Thi vấn đáp

7.3 Trọng số % các điểm:

+ Lý thuyết: - Chuyên cần: 5%
- Kiểm tra quá trình giữa học phần (ĐKT 1): 15%
- Thi kết thúc học phần (ĐKT 2): 80%

+ Lâm sàng: Thi kết thúc học phần: 100%

7.4 Công thức tính điểm:

+ Điểm lý thuyết = (chuyên cần x 5%) + (ĐKT 1 x 15%) + (ĐKT 2 x 80%)

+ Điểm lâm sàng = điểm thi vấn đáp kết thúc học phần

+ **Tổng điểm trung bình môn học** = (Điểm lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng) / 3

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Trang bị giảng đường với đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập: Bảng, bàn ghế, máy chiếu, màn chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh (Loa, micro, …)

- Trang bị phim Xquang phổi điển hình bệnh lao phục vụ học thực hành của sinh viên.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TM. BỘ MÔN

PGS.TS. Trần Quang Phục

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LÝ LUẬN Y HỌC CỔ TRUYỀN 1

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 03 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 45 Thực hành: 0

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh – miễn dịch, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Nguyễn Minh Thụy, BS. Nguyễn Thị Thúy, TS. Trần Quang Minh (GVKC), TS. Trần Thị Thu Vân (GVKC), TS. Nguyễn Thị Huệ (GVKC)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lý luận YHCT 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức ban đầu về YHCT, về chủ trương kết hợp YHCT và YHHĐ của Đảng và Nhà Nước ta.

Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản của YHCT cũng như chức năng của các tạng phủ và nguyên nhân gây bệnh.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được lịch sử và chủ trương kết hợp YHHĐ và YHCT
- Trình bày được thân thế và sự nghiệp của Hải Thượng Lãn Ông và Tuệ Tĩnh
- Trình bày được nội dung và ứng dụng của học thuyết âm dương, ngũ hành, thiên nhân hợp nhất trong y học
- Trình bày được chức năng sinh lý của các tạng phủ và nguyên nhân gây bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung giảng bài	Số tiết	
		LT	Tự học
	Lịch sử y học cổ truyền, chủ trương kết hợp YHHĐ – YHCT	4	10
	Cuộc đời và sự nghiệp của Hải Thượng Lãn Ông	4	15

	Cuộc đời và sự nghiệp của Tuệ Tĩnh	4	15
	Học thuyết âm dương và ứng dụng trong y học	6	10
	Học thuyết ngũ hành và ứng dụng trong y học	6	10
	Học thuyết thiên nhân hợp nhất và ứng dụng trong y học	5	10
	Học thuyết tạng phủ	10	10
	Nguyên nhân gây bệnh	6	10
Tổng số		**45**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, bảng kiểm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng YHCT tập 1 – Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học 2010

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 1, NXB Y học

2. Bành Khìu (2003), Các học thuyết cơ bản của YHCT, NXB Y học

3. Nguyễn Nhược Kim (2010), Lý luận YHCT — NXB giáo dục,

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: Đi học đầy đủ, tham dự ít nhất 90% tổng số buổi học, tham dự 70 - 90% nhận 0 điểm và thi lại học phần. Tham dự dưới 70% phải học lại học phần

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = điểm thi lý thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: giảng đường, máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng.....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LÝ LUẬN Y HỌC CỔ TRUYỀN 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh – miễn dịch, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Nguyễn Minh Thụy, BS. Nguyễn Thị Thúy, TS. Trần Quang Minh (GVKC), TS. Trần Thị Thu Vân (GVKC), TS. Nguyễn Thị Huệ (GVKC)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lý luận YHCT 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các phương pháp chẩn đoán và điều trị của YHCT

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được các phương pháp chẩn đoán của YHCT
- Trình bày được các phương pháp điều trị bằng thuốc của YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung giảng bài	Số tiết		
		LT	Tự học	TH
	Tứ chẩn	6	15	15
	Bát cương	5	10	10
	Hội chứng bệnh lý của tạng phủ	8	10	10
	Các nguyên tắc chữa bệnh của YHCT	2	10	
	Bát pháp	5	10	5

	Các phương pháp dùng thuốc bên ngoài	4	5	5
Tổng số		**30**	**60**	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, bảng kiểm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng YHCT tập 1 – Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học 2010

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 1, NXB Y học
2. Bành Khìu (2003), Các học thuyết cơ bản của YHCT, NXB Y học
3. Nguyễn Nhược Kim (2010), Lý luận YHCT — NXB giáo dục,

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần***: Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: Đi học đầy đủ, tham dự ít nhất 90% tổng số buổi học, tham dự 70 - 90% nhận 0 điểm và thi lại học phần. Tham dự dưới 70% phải học lại học phần

Lâm sàng: Đi học đầy đủ, nghỉ học quá 5% số buổi là không đủ điều kiện dự thi, nghỉ học từ 5- 10% nhận 0 điểm và thi lại. Nghỉ học trên 10% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên làm bệnh án

Lý thuyết: Thi viết cải tiến,

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lâm sàng: SV làm bệnh án

Lý thuyết: Thi viết cải tiến,

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (LTx2+LS)/3

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: giảng đường, máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng ....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC MẮT
Đào tạo theo tín chỉ cho YHCT

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng học viên: YHCT

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước: Giải phẫu

Học phần song hành: Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Thần kinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mắt

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Ths. Nguyễn Văn Được: Phó trưởng phụ trách Bộ môn-Giáo vụ
- Ths. Nguyễn Thị Thu Trang: Phó trưởng Bộ môn-Giáo vụ
- PGS.TS. Khúc Thị Nhụn: Nguyên trưởng Bộ môn
- Bs. Bùi Thị Dịu: Giảng viên
- Bs. Vũ Khánh Toàn: Giảng viên
- Ths. Hoàng Tùng Sơn: Trưởng khoa Mắt Việt Tiệp
- Ths. Nguyễn Thị Thanh Thu: Phó trưởng khoa Mắt Việt Tiệp

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu mắt, đường dẫn truyền thần kinh thị giác, các triệu chứng cơ bản và một số bệnh lý thường gặp tại mắt. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng chẩn đoán và lập phác đồ điều trị mắt, tư vấn, hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về tình trạng, bệnh lý phần trước nhãn cầu, phần sau nhãn cầu, đường dẫn truyền thần kinh thị giác và bệnh thuộc các bộ phận phụ của mắt.

2. Chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị của tất cả các bệnh thông thường về mắt.

3. Xử trí được các cấp cứu, chấn thương mắt thường gặp, đặc biệt glôcôm cơn cấp, bỏng mắt, tắc động mạch trung tâm võng mạc, rách da mi, vỡ nhãn cầu.

4. Kiến tập các thủ thuật cơ bản của mắt như đo nhãn áp, thông lệ đạo, siêu âm, chích chắp lẹo, lấy dị vật kết giác mạc.

5. Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.

6. Tư vấn, hướng dẫn được vệ sinh phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp như tật khúc xạ, bệnh mắt hột, viêm kết mạc cấp thành dịch, chấn thương mắt, bỏng mắt.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài học	Số tiết LT	Số tiết TH	Tự học
1	Giải phẫu và sinh lý mắt	02	06	04
2	Thị lực và tật khúc xạ	02	06	04
3	Chẩn đoán nguyên nhân mờ mắt	02	06	04
4	Bệnh Glôcôm	01	03	02
5	Chẩn đoán nguyên nhân đỏ mắt	01	03	02
6	Bệnh viêm loét giác mạc	01	03	02
7	Bệnh viêm mống mắt thể mi cấp	01	03	02
8	Viêm kết mạc	01	03	02
9	Đục thể thủy tinh	01	03	02
10	Chấn thương-bỏng mắt	02	06	04
11	Biểu hiện ở mắt trong một số bệnh toàn than	01	03	02
Tổng		15	45	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa mắt bệnh viện Đại học Y.
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phấn viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Mắt Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

- Khoa Mắt Bệnh viện Việt Tiệp

- Phương pháp: Ca lâm sàng, bình và làm bệnh án.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng mắt - TMH – RHM: Bộ môn Mắt Đại học Y Hà Nội.

2. Các hội chứng nhãn khoa với bệnh lý toàn thân. Tái bản lần 3. NXB Y học 2000.

3. Giải phẫu Mắt ứng dụng trong lâm sàng và sinh lý thị giác. Nguyễn Xuân Nguyên. NXB Y học 1993.

4. Giáo trình nhãn khoa. Bộ môn Mắt Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. Nhãn khoa giản yếu tập I, II.

6. Tài liệu giảng thực hành mắt. Bộ môn Mắt Đại học Y Dược Hải Phòng. Dự án Hà Lan

7. Thực hành nhãn khoa tập I, II. Đại học Y Hà Nội.

8. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.

9. Ophthalmologie: a pocket textbook atlas. Gerhard KL. NewYork 2000.

10. Textbook of Ophthalmology. Kenneth WR. 1er Edition. London 1997.

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Lượng giá trước học phần: GV đặt các câu hỏi nhỏ

- Lượng giá trong quá trình học: câu hỏi, tình huống lâm sàng

- Kiểm tra lí thuyết: 01 bài tự luận 90 phút.

- Công thức điểm: (LTx2+TH)/3.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. Thực hành: Khoa Mắt bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Mắt bệnh viện Việt Tiệp với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng.

PHÓ TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BỘ MÔN	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Văn Đức	GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI & PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI

5. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 1 Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết): 105 Lý thuyết: 15 Thực hành: 90

Số giờ tự học (tiết): 75

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: không

Học phần trước: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh

Học phần song hành: Không

7. B MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về bệnh lý các bệnh ngoại khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh ngoại khoa và các hội chứng thường gặp. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt các bệnh Ngoại khoa thường gặp. Trình bày được các nguyên tắc sơ cứu và chỉ định điều trị Ngoại khoa

8. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Chẩn đoán được một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp
- Sơ cứu được một số cấp cứu ngoại khoa
- Đề xuất chuyển sớm và đúng tuyến điều trị
- Thực hiện được một số thủ thuật và tiểu phẫu đơn giản.
- Thực hiện được một số vấn đề về truyền thông gióa dục phòng bệnh Ngoại khoa.

9. TỔ CHỨC DẠY HỌC (Chương trình chi tiết kèm theo)

STT	Tên bài giảng	Giờ LT	Giờ TH	Tự học	Giảng viên
1	Viêm ruột thừa cấp	2	8	7	BS Tiến
2	Thủng dạ dày	2	8	7	BS Tiến
3	Bỏng	1	8	7	BS Tiến
4	Tắc ruột	1	8	7	BS Thương
5	Chấn thương và vết thương bụng	2	8	7	BS Thương
6	Chấn thương và vết thương sọ não	2	8	7	BS Hùng B
7	Xử trí CT sọ não trong 48 giờ đầu	1	10	7	BS Hùng B
8	Chấn thương- vết thương ngực	1	8	7	BS Hùng B
9	Sỏi tiết niệu	1	8	7	BS Cường
10	Gãy xương chi dưới	1	8	6	BS Chuyện
11	Gãy xương chi trên	1	8	6	BS Chuyện
	Tổng số	15	90	75	

NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

a. **Phương pháp dạy**

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm, hướng dẫn ở phòng tiền lâm sàng….

b. **Phương pháp học và tự học**

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,…

11. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

a. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học ngoại khoa – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

b. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Bệnh học Ngoại khoa - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2006, Tập 1,2

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 5 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu sẽ không được thi lý thuyết và phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.
- Công thức điểm = TH

Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

  + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

  + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần

- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 60 phút
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Công thức điểm = TH

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bênh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Văn Duyệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI & PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 6 Lý thuyết: 3 Thực hành: 3

Phân bố thời gian (tiết): 180 Lý thuyết: 45 Thực hành: 135

Số giờ tự học (tiết): 135

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: không

Học phần trước: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng các bệnh ngoại khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh ngoại khoa và các hội chứng thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Làm được bệnh án Ngoại khoa
- Mô tả được các triệu chứng, hội chứng thường gặp.
- Nêu được một số kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô trùng và tiệt trùng Ngoại khoa
- Đề xuất được các xét nghiệm bổ trợ và nhận định kết quả của các hội chứng ngoại khoa.

STT	Tên bài giảng	SỐ TIẾT		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Khám bụng ngoại khoa	2	6	6

2	H/c VPM	2	6	6
3	Bệnh án ngoại khoa	2	6	6
4	Vô trùng, tiệt trùng nhà mổ	2	4	4
5	Truyền máu và các chất thay thế	2	4	4
6	Đại cương gây mê, gây tê	2	6	6
7	Choáng giảm thể tích	1	4	4
8	H/c tắc ruột	2	5	5
9	H/c vàng da tắc mật	2	4	4
10	H/c chảy máu trong	2	6	6
11	Chuẩn bị BN trước mổ	1	4	4
12	Bí đái	1	6	6
13	Đái máu	1	6	6
14	Hội chứng TALNS	2	6	6
15	Hội chứng chèn ép tủy	2	4	4
16	Khám cột sống, đầu mặt cổ	2	6	6
17	Khám CTSN	2	6	6
18	Khám mạch máu TK ngoại vi	1	6	6
19	Khám chấn thương VT ngực	1	4	4
20	NK ngoại khoa	1	4	4
21	Khám bẹn bìu, TSM, hậu môn	2	6	6
22	Khám hệ tiết niệu nam, SD nam, bẹn bìu	2	6	6
23	T/c nhọt, hậu bối, áp xe, chín mé	2	4	4
24	Các loại bột	2	6	6
25	Khám chi, T/c học gãy xương, sai khớp	2	6	6
26	Đại cương bỏng	2	4	4
	Tổng	45	135	135

NỘI DUNG HỌC PHẦN

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

a. **Phương pháp dạy**

+ Truyền thống

+ Thảo luận nhóm

b. **Phương pháp lượng giá:**

+ Thi trắc nghiệm

+ Bài thi viết truyền thống

5. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

a. **Tài liệu giảng dạy**

- Triệu chứng học ngoại khoa – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

b. **Tài liệu tham khảo**

- Ngoại khoa cơ sở - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 1999.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 5 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên lấy thang điểm 10, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.
- Công thức điểm = TH

Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 90 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm vượt qua môn thực hành sẽ không được thi lý thuyết.
- Công thức điểm = LT

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bênh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 90 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm vượt qua môn thực hành sẽ không được thi lý thuyết.
- Công thức điểm = LT

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bênh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 01 Lâm sàng: 02

Phân bố thời gian (tiết): 105 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 90

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, thuốc YHCT

Học phần học trước:Phương tễ, Dưỡng sinh xoa bóp khí công

Học phần song hành: Nội YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: ThS. Lê Ngọc Sơn, TS. Lương Trần Khuê, Giảng viên kiêm chức: TS. Nguyễn Thế Thịnh, TS. Thái Hoàng Oanh, ThS. Trần Thị Thơm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần ngoại bệnh lý YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT cũng như cách khám, phát hiện triệu chứng, và điều trị các bệnh ngoại khoa trên LS.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT
- Khám, làm bệnh án các chứng bệnh ngoại khoa với các nội dung theo YHHĐ và YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học	Số tiết LS
1.	Đại cương về bệnh ngoại khoa YHCT	2	0	0
2.	Viêm tắc động mạch	2	4	16
3.	Sỏi đường tiết niệu	2	5	16
4.	Trĩ	2	5	16
5.	Bỏng	1	4	8

6.	Sai khớp và bong gân	2	4	8
7.	Gãy xương, vết thương phần mềm	2	4	10
8.	Phì đại lành tính tuyến tiền liệt	2	4	16
Tổng số		**15**	**30**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, bảng kiểm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Lâm sàng: SV tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày case lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Ngoại khoa YHCT, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng: SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng
- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu, mẫu thuốc theo danh mục, máy điện châm, bông cồn...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 01 Lâm sàng: 02

Phân bố thời gian (tiết): 105 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 90

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, thuốc YHCT

Học phần học trước:Phương tễ, Dưỡng sinh xoa bóp khí công

Học phần song hành: Nội YHCT, Ngoại bệnh lý YHCT,Phụ sản YHCT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS.Nguyễn Thị Thu Hiền, BSNT.Khúc Thị Song Hương.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần nhi khoa YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh nhi khoa theo YHHĐ và YHCT cũng như cách khám, phát hiện triệu chứng, và điều trị các bệnh nhi khoa trên LS.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh nhi khoa theo YHHĐ và YHCT
- Khám, làm bệnh án các chứng bệnh nhi khoa với các nội dung theo YHHĐ và YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học	Số tiết LS
1.	Đại cương về nhi khoa YHCT	3	6	0
2.	Viêm phổi ở trẻ em	3	6	20

3.	Suy dinh dưỡng trẻ em	3	6	30
4.	Ỉa chảy trẻ em	3	6	20
5.	Co giật trẻ em	3	6	20
Tổng số		**15**	**30**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thảo luận nhóm

Dạy học trên bên giường bệnh, case study

Bình bệnh án

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày case lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Nam (2003), chuyên đề nhi khoa YHCT, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+**Đánh giá ban đầu:** hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ **Đánh giá trong quá trình**

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng: SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lâm sàng: Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: giảng đường, máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng ….
- Lâm sàng: bệnh viện thực hành, phòng thực hành, bông cồn, kim châm cứu, tranh tượng châm cứu, các mẫu thuốc, máy điện châm….

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT NHI KHOA

Dành cho: Sinh viên Y4 y học cổ truyền chính quy

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 01 Thực hành: 02
Phân bố thời gian: 105 Lý thuyết: 15 Thực hành: 90
Số tiết tự học: 60 tiết
Đối tượng sinh viên: năm thứ 4
Học phần tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, vi sinh, ký sinh trùng
Học phần học trước: Nội cơ sở
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nhi

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thức
3. PGS.TS. Đặng Văn Chức
4. TS. Vũ Văn Quang
5. ThS. Trần Thị Thắm
6. ThS. Nguyễn Bùi Bình
7. BSNT. Trần Thị Hải Yến
8. ThS. Chu Thị Hà
9. ThS. Phạm Thị Ngọc

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhi khoa, giúp cho sinh viên chẩn đoán và xử trí được những bệnh thường gặp ở trẻ em như tiêu chảy cấp, nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và một số bệnh khác: viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, viêm màng não mủ, thấp tim...Bên cạnh đó học phần cũng giúp cho sinh viên có kiến thức, kĩ năng trong việc tiếp cận và phân loại trẻ bệnh theo chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (chương trình IMCI). Đồng thời, cung cấp các kiến thức về dinh dưỡng trẻ em, hướng dẫn bà mẹ thực hành về nuôi dưỡng trẻ.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kiến thức:

1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của những bệnh thông thường ở trẻ em
2. Trình bày được phác đồ điều trị của những bệnh trên

Thực hành:

1. Khám đúng và phát hiện được những triệu chứng của một số bệnh thông thường ở trẻ em.
2. Đề xuất các xét nghiệm để chẩn đoán những bệnh thông thường ở trẻ em và đọc kết quả những xét nghiệm đó.
3. Chẩn đoán được những bệnh thông thường ở trẻ em.
4. Chỉ định điều trị được những bệnh thông thường ở trẻ em.
5. Thực hành được một số kỹ năng cơ bản

*Thái độ:*Xác định được bệnh lý trẻ em là cấp tính, diễn biến nhanh chóng và khó tiên lượng. Khám cho trẻ em là khó khăn

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên chủ đề / Bài học	Số tiết
1	**Đặc điểm phát triển thể chất trẻ em** 1. Đại cương 2. Sự phát triển chiều cao 2.1. Sự phát triển chiều dài của thai nhi 2.2. Trẻ dưới 1 tuổi. 2.3. Trẻ trên 1 tuổi 3. Sự phát triển cân nặng 3.1. Sự phát triển cân nặng của thai nhi 3.2. Sự phát triển cân nặng của trẻ dưới 1 tuổi 3.3. Sự phát triển cân nặng của trẻ trên 1 tuổi 3.4. Biểu đồ phát triển (Growth chart) 4. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay 5. Tỷ lệ giữa các phần trong cơ thể 6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em.	Tự học: 2
2	**Đặc điểm phát triển tinh thần vận động TE** 1. Những nguyên tắc chung của quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em. 2. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em. 3. Những biểu hiện của sự phát triển tâm thần và vận động của trẻ em qua từng lứa tuổi 3.1. Đánh giá sự phát triển tâm thần vận động 3.2. Sự phát triển tâm thần và vận động qua từng lứa tuổi	Tự học: 2
3	**Đặc điểm và chăm sóc trẻ sơ sinh đủ, thiếu tháng** 1. Một số khái niệm 2.Đặc điểm giải phẫu, sinh lý một số cơ quan của trẻ sơ sinh 3.Tiêu chuẩn đánh giá trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng (hình thể ngoài) 4. Những hiện tượng sinh lý của trẻ sơ sinh đủ tháng khoẻ mạnh 4.1. Vàng da sinh lý 4.2. Sụt cân sinh lý 4.3. Biến động sinh dục 5. Theo dõi, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh 5.1. Theo dõi 5.2. Chăm sóc 5.3. Nuôi dưỡng 5.4. Thuốc	Tự học: 2
4	**Viêm cầu thận cấp** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân và dịch tễ học của VCTC 3.Bệnh sinh 4. Lâm sàng và xét nghiệm 4.1. Lâm sàng 4.2. Xét nghiệm 4.2.1. Nước tiểu 4.2.2. Máu 5. Thể lâm sàng 5.1. Thể tiềm tàng 5.2.Thể thông thường 5.3. Thể tăng HA	Lý thuyết: 1 Thực hành:6

	5.4. Thể đái máu 5.5. Thể vô niệu 6. Tiến triển và tiên lượng 6.1. Tiến triển 6.2. Tiên lượng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1. Nguyên tắc 8.2. Điều trị cụ thể 8.2.1. Nghỉ ngơi 8.2.2. Chế độ ăn uống 8.2.3. Kháng sinh 8.2.4. Thuốc lợi tiểu 8.2.5. Điều trị biến chứng 9. Phòng bệnh * Phòng tiên phát * Thứ phát	
5	**Hội chứng thận hư** 1. Khái niệm HCTH 2. Dịch tễ 3. Sinh lý bệnh 3.1. Protein niệu 3.2. Phù 3.3. Giảm protid máu nhất là Albumin máu 3.4. Tăng Lipid và Cholesterol 3.5. Sơ đồ sinh lý bệnh của HCTH (Thomson & CharlersWorth 1994) 4. Lâm sàng và xét nghiệm của HCTH tiên phát đơn thuần 4.1. Phù 4.2.Không có dấu hiệu của VCTC 4.3. Dấu hiệu toàn thân khác 4.4. Xét nghiệm nước tiểu 4.5. Xét nghiệm máu 5. HCTH tiên phát kết hợp 6. Biến chứng 6.1. Nhiễm khuẩn 6.2. Chậm lớn, thiếu dinh dưỡng, thiếu máu, bướu cổ… 6.3. Co giật do hạ Canxi máu 6.4. Rối loạn điện giải 6.5. Suy thận cấp 6.6. Tắc mạch 6.7. Cơn đau bụng 6.8. Biến chứng do điều trị Steroid 7. Tiến triển và tiên lượng 7.1. Tiến triển 7.2. Tiên lượng 8. Điều trị 8.1. Chế độ ăn uống 8.2. Liệu pháp Steroid 8.3. Điều trị triệu chứng	Lý thuyết: 1 Thực hành:6

	8.4. Điều trị biến chứng 9.Phòng bệnh	
6	**Tiêu chảy cấp** 1. Định nghĩa và phân loại 2. Dịch tễ học 2.1. Tỉ lệ mắc và tỉ lệ tử vong 2.2. Đường lây truyền 2.3. Yếu tố nguy cơ mắc bệnh TCC 2.3.1. Yếu tố vật chủ làm tăng tính cảm thụ đối với bệnh TCC 2.3.2. Tính chất mùa: có sự khác biệt theo mùa và địa dư 2.3.3. Những tập quán làm tăng nguy cơ tiêu chảy 2.3.4. Bệnh tiêu chảy có thể lan rộng gây các vụ dịch: tả, lị… 2.4. Tác nhân gây bệnh 2.4. 1. Rotavirus 2.4. 2. Vi khuẩn 2.4. 3. Kí sinh trùng 3. Sinh lý bệnh của TCC 3.1. Sinh lý hấp thu nước và điện giải 3.2.Bệnh sinh tiêu chảy 3.2.1. Virus 3.2.2. Vi khuẩn 3.2.3. Đơn bào 4 . Hậu quả của tiêu chảy phân nước 4.1. Mất nước , mất Natri 4.2. Nhiễm toan chuyển hoá 4.3. Thiếu Kali 5. Triệu chứng lâm sàng của TCC 5.1. Triệu chứng tiêu hoá 5.2. Triệu chứng mất nước 5.3. Dấu hiệu toàn thân 5.4. Một số triệu chứng theo nguyên nhân hay gặp 6. Xét nghiệm 7. Chẩn đoán 7.1.Phân loại mức độ mất nước 7.2. Phân loại mất nước và xử trí theo tuyến 8. Điều trị: 8.1.Bồi phụ nước và điện giải 8.1.1. Phác đồ A 8.1.2. Phác đồ B 8.1.3. Phác đồ C 8.2. Dinh dưỡng khi tiêu chảy 8.3. Điều trị nhiễm khuẩn 8.4. Không dùng thuốc chống nôn, cầm ỉa 8.5. Điều trị triệu chứng 9. Phòng bệnh	Lý thuyết: 1 Thực hành:6
7	**Đặc điểm hệ hô hấp trẻ em** 1. Đặc điểm giải phẫu 1.1. Mũi 1.2 Họng - hầu	Tự học: 2

	1.3. Thanh- khí- phế quản 1.4. Phổi 1.5. Màng phổi và trung thất 1.6. Lồng ngực 2. Đặc điểm sinh lý 2.1. Đường thở 2.2. Nhịp thở 2.3. Kiểu thở 2.4. Quá trình trao đổi khí ở phổi 2.5. Điều hoà hô hấp	
8	**Nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI)** 1. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân 3. Các yếu tố nguy cơ 4. Lâm sàng và cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 5.1. Phân loại theo IMCI 5.2 Chẩn đoán xác định 6. Điều trị 6.1. Tại tuyến y tế cơ sở 6.2. Điều trị tại bệnh viện 7. Phòng bệnh 7.1. Phòng mắc bệnh 7.2. Phòng biến chứng	Tự học: 4
9	**Viêm phổi** 1. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân của bệnh viêm phổi 3. Các yếu tố nguy cơ 4. Lâm sàng và cận lâm sàng 4.1 Giai đoạn khởi phát 4.2 Giai đoạn toàn phát 4.3 Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 5.1. Phân loại theo IMCI 5.2 Chẩn đoán xác định 6. Điều trị 6.1. Tại tuyến y tế cơ sở 6.2. Điều trị tại bệnh viện 7. Phòng bệnh 7.1. Phòng mắc bệnh 7.2. Phòng biến chứng	Lý thuyết: 1 Thực hành:6
10	**Đặc điểm hệ tim mạch trẻ em** 1. Đặc điểm vòng tuần hoàn rau thai và vòng tuần hoàn sau đẻ 1.1.Đặc điểm vòng tuần hoàn rau thai 1.2 Đặc điểm vòng tuần hoàn sau đẻ 2. Đặc điểm giải phẫu 2.1 Đặc điểm của tim 2.2 Đặc điểm mạch máu 3. Một số chỉ số huyết động 3.1. Tiếng tim 3.2 Mạch 3.3 Huyết áp	Tự học: 2

	3.4. Khối lượng máu tuần hoàn 3.5 Tốc độ tuần hoàn	
11	**Đặc điểm hệ thần kinh trẻ em** 1. Đặc điểm cấu tạo hệ thần kinh trẻ em 1.1 . Não bộ 1.1.1 Đặc điểm giải phẫu, tổ chức học 1.1.2 Thành phần hoá học 1.2. Tiểu não 1.3. Tuỷ sống 1.4. Hệ thần kinh thực vật 2. Đặc điểm sinh lý, bệnh lý 2.1. Đặc điểm sinh lý 2.2. Đặc điểm bệnh lý	Tự học: 2
12	**Xuất huyết não màng não** 1. Đại cương 1.1. Dịch tễ học 1.2. Vị trí xuất huyết 2. Nguyên nhân gây XHNMN trẻ em 2.1. Nguyên nhân gây XHNMN ở trẻ em dưới 3 tháng tuổi * Xuất huyết não màng não sớm * Xuất huyết não màng não muộn: 2.2. Nguyên nhân gây XHNMN ở trẻ trên 3 tháng 3. Lâm sàng 3.1. Xuất huyết não màng não ở trẻ dưới 3 tháng 3.1.1. Xuất huyết não màng não sớm 3.1.2. Xuất huyết não màng não muộn * Trường hợp nặng điển hình * Trường hợp nhẹ không điển hình 3. 2 . Xuất huyết não màng não ở trẻ trên 3 tháng 3.3. Cận lâm sàng * Xét nghiệm máu * Chọc dịch não tuỷ thấy * Các xét nghiệm khác	Lý thuyết: 1 Thực hành:6
	4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt * Với viêm màng não mủ * Động kinh trẻ em * Tetani trẻ nhỏ * Phế quản phế viêm sơ sinh 5. Điều trị * Chăm sóc * Chống chảy máu và chống thiếu máu * Điều trị triệu chứng khác * Phẫu thuật 6. Tiến triển và di chứng * Tiến triển * Di chứng 7 . Phòng bệnh	
13	**Viêm màng não mủ** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh	Lý thuyết: 1 Thực hành:6

	2.1 Vi khuẩn gây bệnh 2.2. Đường xâm nhập 3. Triệu chứng lâm sàng. 3.1. Thời kỳ khởi phát 3.2. Thời kỳ toàn phát 3.2.1. Nhiễm trùng nhiễm độc 3.2.2. Hội chứng não màng não * Cơ năng * Khám thực thể * Các triệu chứng khác 4. Cận lâm sàng * Chọc dịch não tuỷ(DNT) * Xét nghiệm máu và một số xét nghiệm khác 5 . Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định * Dựa vào lâm sàng có * Cận lâm sàng xác định qua kết quả dịch não tuỷ 5.2 Chẩn đoán phân biệt * Lao màng não * Viêm màng não do vi rút * Xuất huyết não màng não * Khi dịch não tuỷ có máu do chạm phải mạch máu 6. Tiến triển biến chứng di chứng * Tiến triển * Biến chứng * Di chứng 7. Điều trị 7.1. Liệu pháp kháng sinh 7.1.1. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị VMNM trẻ em 7.1.2. Điều trị cụ thể * Khi chưa biết vi khuẩn * Khi biết vi khuẩn * Thời gian sử dụng kháng sinh * Bệnh nhân khỏi bệnh khi 7.2. Điều trị triệu chứng 7.3. Chế độ chăm sóc dinh dưỡng	
14	**Đặc điểm máu ngoại vi trẻ em** 1. Đặc điểm sự tạo máu 1.1 Sự tạo máu trong bào thai 1.2 Sự tạo máu sau sinh 1.2.1 Nơi tạo máu 1.2.2 Đặc điểm sự tạo máu sau sinh 1.2.3 Hình ảnh máu ở tuỷ xương 2. Đặc điểm máu ngoại biên trẻ em 2.1 Hồng cầu 2.1.1. Số lượng 2.1.2. Đường kính hồng cầu 2.1.3. Thể tích hồng cầu trung bình 2.1.4 Các đặc điểm khác 2.2 Huyết sắc tố (Hb). 2.2.1 Số lượng Hb: 2.2.2 Lượng Hb trung bình hồng cầu	Tự học: 2

	2.2.3 Nồng độ Hb trung bình hồng cầu 2.2.4 Thành phần Hb 2.3. Bạch cầu 2.4. Tiểu cầu 3. Một số đặc điểm khác 3.1 Khối lượng máu tuần hoàn 3.2. Phức bộ Prothrombin	
15	**Hội chứng thiếu máu ở trẻ em** 1. HỘI CHỨNG THIẾU MÁU 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học thiếu máu 1.3. Phân loại thiếu máu 1. 3.1. Phân loại theo nguyên nhân 1. 3.1.1. Thiếu máu do giảm sinh Thiếu máu do thiếu các yếu tố tạo máu Thiếu máu do giảm sản và bất sản tuỷ 1.3.1.2. Thiếu máu do tan máu Tan máu do nguyên nhân bất thường tại hồng cầu, di truyền Tạn máu do nguyên nhân ngoài hồng cầu mắc phải 1. 3.1.3. Thiếu máu do chảy máu 1.3.2. Phân loại theo huyết học 1.3.2.1. Thiếu máu nhược sắc hồng cầu nhỏ 1.3.2.2.Thiếu máu đẳng sắc, hồng cầu bình thường 1.3.2.3. Thiếu máu hồng cầu to 1.4 Chăm sóc sức khoẻ ban đầu: 2. THIẾU MÁU DINH DƯỠNG (THIẾU SẮT) 2.2 Nhắc lại chuyển hoá sắt 2.3. Nguyên nhân thiếu máu do thiếu sắt 2.4. Triệu chứng thiếu máu do thiếu sắt 2. 4.1 Triệu chứng lâm sàng 2. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng	Lý thuyết: 1 Thực hành:6
	2.5. Chẩn đoán 2. 5.1 Chẩn đoán xác định 2. 5.2 Chẩn đoán phân biệt 2.6. Điều trị 2. 6.1 Điều trị thiếu sắt 2.6.2 Điều trị nguyên nhân gây thiếu sắt 2.7 Phòng bệnh 3. THIẾU MÁU TAN MÁU (HUYẾT TÁN) 3.1. Định nghĩa và dịch tễ học thiếu máu tan máu 3.2. Nguyên nhân tan máu 3.2.1 Tan máu do nguyên nhân tại hồng cầu 3.2.2 Tan máu do nguyên nhân ngoài hồng cầu 3.3. Triệu chứng chung của thiếu máu tan máu 3.3.1. Triệu chứng lâm sàng Thiếu máu tan máu cấp Thiếu máu tan máu mãn tính 3.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng 3.4. Điều trị thiếu máu tan máu 3.4.1. Tuyến y tế cơ sở 3.4.2. Tại bệnh viện	

	3.5. Bệnh Beta Thalassemia 3.5.1 Định nghĩa 3.5.2 Triệu chứng 3.5.3. Chẩn đoán xác định dựa vào các xét nghiệm 3.5.4 Điều trị	
16	**Suy dinh dưỡng thiếu Protein năng lượng** 1 . Định nghĩa 2. Tình hình suy dinh dưỡng trẻ em trên thế giới và Việt nam 3. Nguyên nhân 4. Triệu chứng lâm sàng SDD 5. Xét nghiệm 6. Phân loại SDD 7. Điều trị Suy dinh dưỡng: 7.1 Điều trị SDD độ I và II 7.2 Điều trị SDD nặng 8. Phòng bệnh suy dinh dưỡng	Tự học: 4
17	**Bệnh thấp tim** 1. Đại cương 1.1. Khái niệm 1.2. Lịch sử nghiên cứu 1.3. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân gây bệnh 2.1. Đặc điểm liên cầu khuẩn β tan huyết nhóm 2.2.Bằng chứng gây bệnh của liên cầu khuẩn β tan huyết nhóm A 3. Giải phẫu bệnh 3.1. Giai đoạn đầu 3.2. Giai đoạn tổn thương hạt và tạo thành huyết khối 3.3. Giai đoạn xơ hóa 4. Sinh lí bệnh 5. Lâm sàng	Tự học: 4
	5.1. Viêm khớp 5.2. Viêm tim 5.3. Múa vờn (chorea de syndeham) 5.4. Hạt thấp Meynet 5.5. Hồng ban vòng 5.6. Các triệu chứng khác ít gặp 6. Cận lâm sàng 6.1. Những dấu hiệu chứng tỏ nhiễm liên cầu 6.2. Các dấu hiệu chứng tỏ tình trạng viêm 6.3. Các dấu hiệu chứng tỏ tổn thương tim 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1. Chế độ nghỉ ngơi 8.2. Kháng sinh 8.3. Chống viêm 8.4. Điều trị triệu chứng 9. Phòng bệnh 9.1. Phòng thấp tiên phát (phòng thấp cấp I)	

	9.2. Phòng thấp tái phát (phòng thấp cấp II)	
18	**Hội chứng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh** 1. Sự thích nghi của trẻ sơ sinh 2. Đánh giá mức độ suy hô hấp 1.1. Theo chỉ số Apgar 1.2. Theo chỉ số Signuta 1.3. Theo chỉ số Silverman 3. Nguyên nhân suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 3.1. Nguyên nhân từ hệ tim mạch 3.2. Nguyên nhân thần kinh 3.3. Nguyên nhân chuyển hoá 3.4. Nguyên nhân tại hệ hô hấp 3.4.1. Đường hô hấp trên 3.4.2. Đường hô hấp dưới * Bẩm sinh * Mắc phải 4. Một số bệnh thường gặp gây suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 4.1. Cơn khó thở thanh quản thoáng qua 4.2. Hội chứng hít 4.3. Tổ chức phổi non 4.4. Xuất huyết phổi 4.5.Viêm phổi sau sinh 4.6. Bệnh màng trong 5. Điều trị hội chứng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 5.1. Điều trị nguyên nhân 5.2. Điều trị triệu chứng 5.2.1. Thở oxy 5.2.2. Chống toan máu 5.2.3. Chống nhiễm khuẩn: 5.2.4. Chống rối loạn thân nhiệt: 5.2.5. Dinh dưỡng	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6
19	**Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em (IMCI)** 1. Dịch tễ học các bệnh thường gặp ở trẻ em và sự cần thiết của xử trí lồng ghép 2. Tình hình triển khai IMCI 2.1. Trên thế giới 2.2. Trong khu vực 2.3. Tại Việt Nam 3. Tiến trình xử trí lồng ghép 4. Xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi 4.1. Kiểm tra dấu hiệu nguy hiểm toàn thân 4.2. Đánh giá và xử trí ho hoặc khó thở 4.3. Đánh giá và xử trí tiêu chảy 4.3.1 Cho tình trạng mất nước 4.3.2. Nếu tiêu chảy 14 ngày hoặc hơn 4.3.3. Có máu trong phân 4.4. Đánh giá và xử trí sốt 4.4.1. Sốt có nguy cơ sốt rét 4.4.2. Sốt không có nguy cơ sốt rét 4.4.3. Phân loại và xử trí sởi 4.4.4. Phân loại và xử trí sốt xuất huyết (nếu có nguy cơ SXH) 4.5. Phân loại và xử trí vấn đề về tai	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6 Tự học: 2

	4.6. Kiểm tra dinh dưỡng và thiếu máu 4.7. Đánh giá về tiêm chủng 4.8. Đánh giá vấn đề khác 5. Điều trị trẻ 6. Chăm sóc trẻ khám lại 7. Tham vấn cho bà mẹ 8. Xử trí trẻ bệnh từ 1 tuần đến 2 tháng	
20	**Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh** 1. Các giai đoạn chuyển hoá bilirubin trong cơ thể 2. Nguyên nhân vàng da ở trẻ sơ sinh 2.1. Vàng da sinh lý 2.2. Vàng da bệnh lý * Do sản xuất quá nhiều * Do thiếu hoặc rối loạn chức phận Enzym 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng tăng Bilirubin trực tiếp 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hậu quả của hội chứng tăng Bilirubin gián tiếp 4.1. Vàng da do nguyên nhân bất đồng nhóm máu mẹ con hệ ABO 4.1.1. Cơ chế: 4.1.2. Lâm sàng 4.1.3. Cận lâm sàng 4.2. Vàng da do nguyên nhân bất đồng nhóm máu mẹ con hệ Rh 4.2.1. Cơ chế 4.2.2. Lâm sàng 4.2.3. Xét nghiệm 4.3. Hậu quả của tăng Bilirubin gián tiếp. 5. Điều trị tăng Bilirubin tự do 5.1. Dùng ánh sáng liệu pháp 5.1.1. Cơ chế 5.1.2. Chỉ định 5.1.3. Kỹ thuật 5.1.4. Theo dõi và điều trị tác dụng phụ của chiếu đèn 5.2. Thay máu 5.2.1. Chỉ định 5.2.2. Kỹ thuật 5.2.3. Tai biến của thay máu 5.2.4. Theo dõi và điều trị tăng cường	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6
21	**Nhiễm khuẩn Sơ sinh** 1. Các phương thức tự bảo vệ của thai nhi và trẻ sơ sinh 1.1. Miễn dịch tế bào 1.2. Đại thực bào và chức năng thực bào 1.3. Hệ thống bổ thể 1.4. Miễn dịch dịch thể 2. Đường xâm nhập của mầm bệnh vào thai và trẻ sơ sinh 2.1. Vào thai nhi 2.2. Vào trẻ sơ sinh 3. Một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ sơ sinh	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6

	3.1. Nhiễm khuẩn da và niêm mạc 3.1.1. Mụn phỏng và nốt mủ 3.1.2. Mụn phỏng dễ lây lan 3.1.3. Viêm da bong (bệnh Ritter) 3.1.4. Nhiễm khuẩn ở mắt và miệng 3.2. Nhiễm khuẩn rốn 3.2.1. Viêm rốn 3.2.2. Viêm mạch máu rốn * Viêm tĩnh mạch rốn * Viêm động mạch rốn * Hoại thư rốn * Uốn ván rốn (phần riêng) 3.3. Nhiễm khuẩn huyết 3.4. Các nhiễm khuẩn khác 4. Thể lâm sàng 5. Điều trị nhiễm khuẩn sơ sinh 5.1. Kháng sinh 5.1.1. Chỉ định 5.1.2. Thời gian 5.1.3. Liều lượng một số kháng sinh dùng trong nhiễm khuẩn sơ sinh 5.2. Điều trị triệu chứng 5.3. Immunoglobulin miễn dịch 6. Uốn ván rốn 6.1. Nguyên nhân và bệnh sinh 6.1.1. Nguyên nhân 6.1.2. Bệnh sinh 6.2. Triệu chứng lâm sàng 6.2.1. Giai đoạn ủ bệnh 6.2.2. Giai đoạn khởi phát 6.2.3. Giai đoạn toàn phát 6.2.4. Giai đoạn lui bệnh 6.3. Chẩn đoán ~~6.3.1. Chẩn đoán xác định~~ 6.3.2. Chẩn đoán phân biệt 6.3.3. Chẩn đoán thể lâm sàng 6.4. Điều trị 6.4.1. Điều trị bằng thuốc 6.4.2. Chăm sóc và nuôi dưỡng 6.5. Phòng bệnh	
22	**Sốt và sốt cao co giật ở trẻ em** 1. Định nghĩa, cơ chế bệnh sinh của sốt ở trẻ em 1.1. Định nghĩa 1.2. Cơ chế bệnh sinh của sốt 1.3. Đặc điểm điều hoà thân nhiệt ở trẻ em 1.4. Hậu quả của sốt ở trẻ em 2. Phân loại sốt 2.1. Theo mức độ 2.2. Theo thời gian 2.3. Theo kiểu sốt 2.4. Những vị trí đo nhiệt độ cơ thể 3. Nguyên nhân của sốt 3.1. Sốt cấp tính	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6

	3.2. Sốt kéo dài 3.2.1. Nguyên nhân do các bệnh nhiễm trùng * Các bệnh do vi khuẩn * Các bệnh do virus và Rickettsia * Các bệnh ký sinh trùng 3.2.2. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức tân (tổ chức tạo máu) * Các bệnh máu và cơ quan tạo máu * Các khối u khác 3.2.3. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức liên kết 3.2.4. Sốt kéo dài do các nguyên nhân khác 4. Sốt và sốt cao co giật 4.1. Tiếp cận chẩn đoán bệnh nhi co giật 4.2. Chẩn đoán bệnh nhi sốt cao co giật Định nghĩa Lâm sàng 4.3. Xử trí bệnh nhi sốt 4.3.1. Hạ thân nhiệt 4.3.2. Bù đủ nước, dinh dưỡng và vitamin 4.3.3. Tìm nguyên nhân 4.3.4. Chẩn đoán và xử trí bệnh nhân sốt cao co giật 4.4. Xử trí bệnh nhi sốt cao co giật 5. Phòng bệnh	
23	**Hôn mê ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân 4. Sinh lý bệnh 5. Lâm sàng. 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán nguyên nhân 7.3. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1 Nguyên tắc điều trị 8.2. Chế độ ăn, chăm sóc và theo dõi 8.3. Thuốc 9. Tiên lượng 10. Phòng bệnh	Tự học: 2
24	**Ngộ độc cấp ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân 4. Sinh lý bệnh 5. Lâm sàng. 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán nguyên nhân 7.3. Chẩn đoán phân biệt	Tự học: 2

	8. Điều trị 8.1 Nguyên tắc điều trị 8.2. Chế độ ăn, chăm sóc và theo dõi 8.3. Thuốc 9. Tiên lượng 10. Phòng bệnh	
25	**Hen phế quản** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Dịch tễ học 4. Bệnh sinh 4.1. Do cơ chế miễn dịch 4.2. Do ức chế thụ thể β - Adrenergic 4.3. Tăng tiết Cholin 4.4. Thiểu năng tuỷ thượng thận 4.5. Do tổn thương niêm mạc phế quản 5. Phân loại hen phế quản 5.1. Phân loại theo nguyên nhân sinh bệnh 5.1.1. Hen phế quản không dị ứng 5.1.2. Hen phế quản dị ứng * Hen phế quản dị ứng không nhiễm khuẩn * Hen phế quản dị ứng nhiễm khuẩn 5.2. Phân loại cơn hen theo mức độ 5.2.1. Phân loại cơn hen phế quản cấp theo mức độ 5.2.2. Phân loại cơn hen phế quản mạn theo tính chất tái phát * Cơn hen nhẹ * Cơn hen trung bình * Cơn hen nặng 6. Triệu chứng: 6.1. Triệu chứng cơ năng	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6
	6.2. Triệu chứng thực thể 6.3 Triệu chứng cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1 Chẩn đoán xác định * Triệu chứng lâm sàng * Cận lâm sàng 7.2 Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1 Điều trị cơn khó thở 8.2. Điều trị khác 9. Phòng tái phát	
26	**Hội chứng xuất huyết** 1. HỘI CHỨNG XUẤT HUYẾT 1.1. Cơ chế đông và cầm máu 1.1.1. Giai đoạn thành mạch 1.1.2. Giai đoạn tiểu cầu thực sự 1.1.3. Đông máu thực sự 1.1.4. Giai đoạn sau đông máu 1.2. Phân loại xuất huyết ở trẻ em 1.2.1. Xuất huyết do tổn thương thành mạch	Tự học: 4

	1.2.2. Xuất huyết do nguyên nhân tiểu cầu 1.2.2.1. Do rối loạn số lượng 1.2.2.2. Do rối loạn chất lượng 1.2.3. Xuất huyết do nguyên nhân huyết tương 1.2.3.1. Rối loạn sinh thromboplastin nội sinh 1.2.3.2. Rối loạn sinh thrombin 1.2.3.3. Rối loạn sinh Fibrin 1.2.4. Xuất huyết do nguyên nhân phối hợp 2. MỘT SỐ BỆNH XUẤT HUYẾT HAY GẶP Ở TRẺ EM 2.1. Xuất huyết giảm tiểu cầu 2.1.1. Xuất huyết gảim tiểu cầu tiên phát 2.1.2. Xuất huyết giảm tiểu cầu thứ phát Xuất huyết giảm tiểu cầu do thuốc Xuất huyết giảm tiểu cầu sau nhiễm trùng 2.1. 3. Dịch tễ học 2.1.4. Triệu chứng lâm sàng 2.1.5. Xét nghiệm 2.1.6. Điều trị 2.1.7. Phòng bệnh 2.2. Bệnh Hemophilia 2.2.1. Dịch tễ học 2.2.2. Định nghĩa 2.2.3. Nguyên nhân 2.2.4. Triệu chứng lâm sàng 2.2.5. Xét nghiệm 2.2.6. Chẩn đoán 2.2.7. Điều trị 2.2.8. Phòng chảy máu tái phát 2.3. Bệnh Schonlein – Henoch	
27	**Nguyên tắc sử dụng thuốc cho trẻ em** 1. Các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ em 1.1. Đường uống 1.2. Đường tiêm 1.3. Đường da và niêm mạc 2. Chuyển hoá thuốc trong cơ thể trẻ em 2.1. Sự phân bố thuốc 2.2. Khả năng gắn thuốc với protein huyết tương 2.3. Chuyển hoá thuốc 2.4. Bài tiết thuốc 3. Ảnh hưởng của tuổi đến động dược học 3.1. Tác dụng duy nhất ở trẻ em 3.2. Phản ứng thuốc 3.2.1. Phản ứng do thuốc 3.2.2. Phản ứng tuỳ theo từng giai đoạn tăng trưởng 3.3. Các tác dụng phụ của thuốc 3.3.1. Tăng nhạy cảm với tác dụng phụ 3.3.2. Giảm nhạy cảm với tác dụng phụ 4. Cách tính liều lượng thuốc dùng cho trẻ em 5. Một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ em 5.1. Phân loại điều trị ở trẻ em	Tự học: 2

	5.2. Lựa chọn thuốc 5.3. Đường dùng 5.4. Những lưu ý khác 5.5. Kê đơn thuốc 5.6. Nguyên tắc dùng kháng sinh trong Nhi khoa 6.Liều lượng một số thuốc hay dùng trong Nhi khoa	
28	**Nhiễm trùng tiết niệu** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 2.1. Tỉ lệ mắc 2.2 Đường vào 2.3. Yếu tố thuận lợi 2.4. Tác nhân gây bệnh 3. Triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn đường tiết niệu 3.1. Sơ sinh 3.2. Trẻ nhỏ 3.3. Trong viêm đài bể thận cấp 3.4. Trong viêm đài bể thận mạn 3.5. Trong viêm bàng quang chảy máu 4. Cận lâm sàng 4.1.Máu 4.2. Nước tiểu 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán nguyên nhân 6. Điều trị 6.1. Nguyên tắc 6.2. Điều trị cụ thể * NTTN dưới * NTTN trên 7. Phòng bệnh	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6
29	**Bệnh tim bẩm sinh** 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 1.3. Nguyên nhân: gồm 2 nhóm chính 2. Phân loại 2.1. Nhóm TBS không có luồng thông 2.2. Nhóm TBS có luồng thông trái - phải 2.3. Nhóm TBS có luồng thông phải - trái: gồm 2 nhóm 2.3.1 Nhóm TBS có luồng thông phải - trái với tuần hoàn phổi giảm 2.3.2. Nhóm TBS có luồng thông phải - trái với tuần hoàn phổi tăng 3. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp 3.1 Thông liên thất 3.1.1 Giải phẫu bệnh 3.1.2 Lâm sàng 3.1.3 Cận lâm sàng 3.1.4 Diễn biến - biến chứng 3.1.5 Điều trị 3.2 Còn ống động mạch	Lý thuyết: 1 Thực hành: 6

	3.2.1. Giải phẫu bệnh 3.2.2. Lâm sàng 3.2.3. Cận lâm sàng 3.2.4. Diễn biến - biến chứng 3.2.5 Điều trị 3.3 Thông liên nhĩ 3.3.1. Giải phẫu bệnh 3.3.2. Lâm sàng (TLN lỗ thứ phát) 3.3.3. Cận lâm sàng 3.1.4. Diễn biến - biến chứng 3.1.5. Điều trị 3.4. Tứ chứng Fallot 3.4.1. Giải phẫu bệnh 3.4.2. Lâm sàng 3.4.3. Cận lâm sàng 3.4.4 Diễn biến - biến chứng 3.4.5 Điều trị 4. Phòng bệnh 4.1. Phòng không mắc bệnh TBS 4.2. Phòng biến chứng của TBS	
30	**Suy tim ở trẻ em** 1. Đại cương 1.1 Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 2. Sinh lý bệnh 2.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến cung lượng tim 2.2. Cơ chế bù trừ trong suy tim 2.3. Hậu quả của suy tim 3. Nguyên nhân suy tim 3.1. Do tăng gánh thể tích (tăng tiền gánh) 3.2. Do tăng gánh áp lực (tăng hậu gánh) 3.3. Tại cơ tim 3.4. Do rối loạn nhịp tim	Tự học: 4
	4. Triệu chứng lâm sàng 4.1 Suy tim trái 4.2. Suy tim phải 4.3. Suy tim toàn bộ 5. Đánh giá mức độ suy tim theo hiệp hội tim mạch Newyork (NYHA) 6. Điều trị 6.1. Những biện pháp điều trị chung 6.1.1. Những biện pháp không dùng thuốc 6.1.2. Các thuốc điều trị trong suy tim 7.Phòng bệnh	
31	**Chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu:** 1. Đại cương 2. Tinh thần và nội dung cơ bản của CSSKBĐ 2.1. Định nghĩa sức khỏe của WHO 2.2. Khái niệm về CSSKBĐ 2.3. Nội dung của CSSKBĐ 3. Bối cảnh của chiến lược CSSKBĐ cho trẻ em 4. Chiến lược CSSKBĐ cho trẻ em 4.1. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng	Tự học: 2

	4.2. Bù nước nặng đường uống 4.3. Bảo đảm cho trẻ được bú sữa mẹ 4.4. Tiêm chủng 4.5. Kế hoạch hóa gia đình 4.6 Cung cấp đầy đủ thực phẩm cho các bà mẹ và trẻ em 4.7. Giáo dục sức khỏe cho các bà mẹ 5. Tình hình sức khỏe và bệnh tật trẻ em nước ta 5.1. Một số tiêu chí sức khỏe và xã hội của nước ta 5.2. Tình hình bệnh tật 6. Mục tiêu sức khỏe trẻ em từ 2010 đến 2020	
32	**Bệnh thiếu vitamin A** 1. Dịch tễ học bệnh thiếu Vitamin A 2 . Nguồn gốc, vai trò, chuyển hoá của Vitamin A. 2.1 Nguồn gốc 2.2. Chuyển hóa của Vitamin A trong cơ thể 2.3. Vai trò của Vitamin A với cơ thể 3. Nguyên nhân thiếu vitamin A ở trẻ em Việt Nam 3.1. Do chế độ ăn thiếu Vitamin A 3.2 Do bệnh tật. 4. Triệu chứng lâm sàng bệnh do thiếu Vitamin A 4.1. Thời kỳ đầu(thời kỳ tiền lâm sàng) 4.2. Thời kỳ toàn phát (thời kỳ lâm sàng) 5. Xét nghiệm 6. Chẩn đoán : 6.1.Chẩn đoán sớm 6.2. Chẩn đoán muộn 7. Điều trị bệnh thiếu Vitamin A 7.1. Chỉ định cho những trẻ 7 .2 . Liều lượng và cách sử dụng 8. Phòng chống bệnh thiếu vitamin A 8.1 . Truyền thông giáo dục sức khoẻ 8.2 . Uống vitamin A phòng bệnh	Tự học: 2
33	**Bệnh thiếu vitamin B1** 1. Đại cương 2. Nguồn gốc,vai trò và chuyển hoá của vitamin B_1 2.1. Nguồn gốc Vitamine B_1 2.2 Vai trò của Vitamin B_1 2.3. Nhu cầu và chuyển hoá Vitamin B_1 3. Nguyên nhân gây thiếu Vitamin B_1 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Thể tim mạch 4.2. Thể thần kinh 4.3. Thể mãn tính 4.4. Thể tiềm tàng 5. Chẩn đoán 6 . Điều trị 6.1 Chế độ ăn 6.2. Thuốc Vitamin B_1 7. Phòng bệnh thiếu Vitamin B_1	Tự học: 2
34	**Bướu cổ đơn thuần ở trẻ em** 1. Dịch tễ học 2. Bệnh nguyên	Tự học: 2

	2.1. Yếu tố ngoại sinh 2.2. Yếu tố nội sinh 3. Bệnh sinh 4. Phân loại bướu cổ 4.1. Phân loại theo mức độ 4.2. Theo giải phẫu lâm sàng 5. Triệu chứng 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Triệu chứng cận lâm sàng 6. Tiến triển và biến chứng 7. Chuẩn đoán bướu cổ đơn thuần. 7.1. Ở tuyến y tế cơ sở 7.2. Ở cơ sở y tế tuyến trên 7.3. Chuẩn đoán phân biệt 8. Điều trị và phòng bệnh 8.1. Điều trị nội khoa 8.2. Điều trị ngoại khoa 9. Phòng bệnh	
35	**Suy giáp trạng bẩm sinh** 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 1.3. Quá trình tổng hợp hormon giáp trạng chứa Iốt. 2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 2.1. Nguyên nhân 2.1.1. Suy giáp trạng tiên phát 2.1.2. Suy giáp trạng thứ phát 2.1.3. Một số nguyên nhân khác 2.2.Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng SGT bẩm sinh 3.1 Suy giáp trạng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ 3.2. Suy giáp trạng ở trẻ lớn 3.2.1. Chậm phát triển thể chất 3.2.2. Chậm phát triển tinh thần vận động 3.2.3. Rối loạn phát triển hình thái 3.2.4. Thâm nhiễm da, niêm mạc, rối loạn lông tóc, móng. 3.2.5. Triệu chứng hệ cơ 3.2.6. Các rối loạn khác 4. Cận lâm sàng 4.1 Các xét nghiệm đặc hiệu 4.2 Xét nghiệm không đặc hiệu 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2 Chẩn đoán nguyên nhân 5.3 Chẩn đoán phân biệt với 6. Điều trị suy giáp trạng bẩm sinh 7. Tiên lượng 8. Phòng bệnh	Tự học: 2
36	**Táo bón ở trẻ em** 1. Đại cương 2. Sinh lý của quá trình thải phân 3. Nguyên nhân	Tự học: 2

	3.1. Nguyên nhân nội khoa 3.2. Nguyên nhân ngoại khoa 4 .Bệnh cảnh lâm sàng 4.1. Hỏi bệnh 4.2. Thăm khám 4.3. Bệnh biểu hiện ngay trong thời kỳ sơ sinh 4.4. Bệnh biểu hiện trên trẻ lớn 5. Cận lâm sàng 5.1. XQ giúp chẩn đoán 5.2. Đo áp suất trực tràng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 7.1. Theo nguyên nhân nội khoa 7.1.1. Điều trị tại cộng đồng 7.1.2. Tại cơ sở Y tế 7.2. Nguyên nhân ngoại khoa 8. Phòng bệnh	
37	**Hội chứng nôn trớ** 1. Đại cương và dịch tễ học 1.1. Dịch tễ học 1.2. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Theo tuổi 2.2. Theo thời gian kéo dài 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Nôn do phì đại cơ gây hẹp môn vị 3.2. Nôn do luồng trào ngược dạ dày - thực quản 4. Điều trị 4.1 Một số thuốc chống nôn thường dùng 4.2. Tại cộng đồng 4.3. Tại cơ sở y tế	Tự học: 2
38	**Đau bụng ở trẻ em** 1. Đại cương 1.1. Dịch tễ học 1.2. Định nghĩa 1.3. Cơ chế đau bụng 2. Nguyên nhân 2.1. Theo vị trí đau 2.2. Đau bụng cấp hay tái diễn 2.3. Đau bụng do bệnh ngoại khoa hay nội khoa 3. Lâm sàng 3.1. Đánh giá một trẻ đau bụng 3.2. Khám thực thể 4. Cận lâm sàng 5. Điều trị 5.1. Tại cộng đồng 5.2. Tại bệnh viện 6. Phòng bệnh	Tự học: 2
39	**Hội chứng biếng ăn ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân biếng ăn 2.1. Nguyên nhân rõ rệt 2.1.1. Mọc răng	Tự học: 2

	2.1.2. Các bệnh nội khoa 2.1.3. Các bệnh nhiễm khuẩn 2.1.4. Nguyên nhân ăn uống 2.2. Nguyên nhân tâm thần 3. Điều trị 3.1.Điều trị tại nhà trong những trường hợp 3.2.Điều trị tại cơ sở y tế trong những trường hợp sau 4. Phòng bệnh	
40	**Chỉ định và tai biến tiêm chủng:** 1. Đại cương 2. Các vaccine tiêm chủng mở rộng 2.1 Vaccine BCG 2.2. Vaccine viêm gan B liều sơ sinh 2.3. Vaccine Quinvaxem 2.4. Vaccine phòng bại liệt (OPV) 2.5. Vaccine phòng sởi (Measles Vaccine) 2.6. Vaccine viêm não Nhật Bản (Japanese B Encephalitis vaccine) 2.7. Vaccine tiêm nhắc bệnh bạch hầu – ho gà – uốn ván (DPT vaccine) 2.8. Vaccine phòng tả (Cholera vaccine) 2.9. Vaccine thương hàn (Typhoid vaccine) 2.10. Vaccine uốn ván (Tetanus vaccine) 3. Những lưu ý khi tiwwm chủng 4. Chống chỉ định tiêm chủng 5. Tai biến tiêm chủng 6. Lịch tiêm chủng mở rộng	Tự học: 2

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- **Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- **Thực hành:** Giảng bên giường bệnh, trình ca lâm sàng, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của học phần
- Thực hành: Sinh viên thăm khám bệnh, tham gia trao đổi, thảo luận và trình bệnh án lâm sàng
- Tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thảo luận nhóm, minh họa qua tranh ảnh. Sinh viên có thể tự học theo nhóm/tổ tại trường, bệnh viện

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

1. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2013), Bài giảng Nhi khoa tập 1, NXB Y học
2. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2013), Bài giảng Nhi khoa tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa", tập 1, Nhà xuất bản Y học

2. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa",tập 2, Nhà xuất bản Y học.
3. Bệnh viện Nhi đồng 1 (2013). Phác đồ điều trị Nhi khoa. NXB Y học.
4. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), Phác đồ điều trị Nhi khoa, NXB Y học
5. Bộ Y tế (2015), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học". Nhà xuất bản Y học
6. Bộ Y tế (2015), "Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí hồi sức tích cực". Nhà xuất bản Y học
7. Bộ Y tế (2015), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em". Nhà xuất bản Hồng Đức|
8. Dự án nhân rộng mô hình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em (2015), "Giáo trình Nhi khoa lý thuyết - Kỹ năng".
9. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2015), "Sách giáo khoa Nhi khoa - Textbook of Pediatrics", Nhà xuất bản Y học Hà Nội
10. Nguyễn Công Khanh (2009), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học
11. Trần Đình Long (2003), "Bệnh lý học sơ sinh". Nhà xuất bản y học.
12. Nguyễn Ngọc Sáng (2015), "Hướng dẫn lâm sàng Nhi khoa tập 1". Nhà xuất bản Y học
13. Nguyễn Ngọc Sáng (2012), "Nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học.
14. Waldo E. Nelson, Robert M. Kliegman (2015), *Nelson Textbook of Pediatrics* 20th ed, *Saunders W.B*, Elsevier Science Health Science Division.
15. Yap HK (2012), Pediatric Nephrology

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi tình hình học tập của sinh viên khi học các môn học trước.

7.2. Đánh giá trong quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bệnh viện (đi học đầy đủ, đi trực đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)
- Thái độ học tập, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm khi học tập tại bộ môn.
- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình sẽ là điều kiện thi kết thúc học phần.

7.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi lâm sàng: Thi vấn đáp theo thang điểm 10
- Thi lý thuyết: Thi tự luận theo thang điểm 10

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

8.1. Lý thuyết

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phấn bảng, máy chiếu, loa, micro,…

8,2 Thực hành

- Sinh viên học lâm sàng tại khoa phòng của Bệnh viện
- Bình bệnh án tại giảng đường.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Bộ môn Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hải Phòng, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NỘI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
Phân bố thời gian (tiết): 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90
Số giờ tự học (tiết): 240
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sĩ y học cổ truyền hệ chính quy
Học phần tiên quyết: Nội cơ sở y học hiện đại
Học phần trước: Giải phẫu bệnh, dược lý.
Học phần song hành: không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội
Giảng viên:

1. PGS Phạm Văn Nhiên
2. PGS Nguyễn Thị Dung
3. PGS Đỗ Thị Tính
4. BSCKII. Ngô Văn Điển
5. TS Vũ Mạnh Tân
6. ThS Lê Thị Diệu Hiền
7. ThS Kê Thị Lan Anh
8. ThS Vũ Thị Thu Trang
9. ThS Nguyễn Ngọc Ánh
10. ThS Trịnh Hồng Nhung
11. ThS Đỗ Thị Thanh Loan
12. ThS Đoàn Thị Út
13. BSNT Đỗ Quang Tùng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh; phát hiện các triệu chứng, hội chứng lâm sàng chính để chẩn đoán sơ bộ, chẩn đoán phân biệt; đề xuất và phân tích xét nghiệm để chẩn đoán xác định. Xử trí bước đầu các bệnh nội khoa thường gặp, phát hiện và xử trí kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường. Phân loại bệnh nhân, tư vấn giáo dục sức khỏe và sử dụng thuốc hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Mô tả được triệu chứng điển hình, cách chẩn đoán và các phương pháp điều trị bệnh nội khoa thường gặp.
- Phát hiện và xử trí kịp thời các trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp.
- Phân loại và ra quyết định chuyển bệnh nhân đúng những trường hợp nặng vượt quá khả năng của tuyến cơ sở.
- Trình bày đúng các biện pháp tư vấn, phòng bệnh và quản lý sức khỏe tại cộng đồng.
- Sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Tăng huyết áp	2	6	16
2.	Hẹp hở van 2 lá	1	3	8
3.	Điều trị suy tim	1	3	8
4.	Hen phế quản	2	6	16
5.	Viêm phế quản cấp, mạn	1	3	8
6.	Chẩn đoán và điều trị nội khoa loét dạ dày tá tràng	2	6	16
7.	Chẩn đoán và xử trí xuất huyết tiêu hóa cao	1	3	8
8.	Viêm khớp dạng thấp	2	6	16
9.	Xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân	1	3	8
10.	Đái tháo đường	2	6	16
11.	Basedow	2	6	16
12.	Tâm phế mạn	1	3	8
13.	Cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn	2	6	16
14.	Xơ gan	2	6	16
15.	Áp xe gan do amip	1	3	8
16.	Điện giật	1	3	8

17.	Ngạt nước	1	3	8
18.	Rắn cắn	1	3	8
19.	Nguyên tắc xử trí ngộ độc cấp	1	3	8
20.	Một số ngộ độc cấp thường gặp (phospho hữu cơ, Bacbituric, thuốc chuột,…)	1	3	8
21.	COPD	2	6	16

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm,…

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học nội khoa tập 1– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Bệnh học nội khoa tập 2– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học nội khoa tập 1- Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Bệnh học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 1 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.
- Thi lý thuyết
- Đánh giá ban đầu.

  + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội bệnh học.

  + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Nội bệnh học.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- Công thức điểm: LT; LS.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

  + Giảng đường.
  + Máy chiếu.
  + Bảng.
  + Loa đài, micro.

- Thực hành:

  + Mô hình.

+ Máy đo huyết áp.
+ Thước dây.
+ Tranh minh hoạ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	Phạm văn Nhu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Bộ môn Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hải Phòng, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NỘI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 6 Lý thuyết: 3 Thực hành: 3
Phân bố thời gian (tiết): 180 Lý thuyết: 45 Thực hành: 135
Số giờ tự học (tiết): 360
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sĩ y học cổ truyền hệ chính quy
Học phần tiên quyết: không
Học phần trước: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh
Học phần song hành: không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội
Giảng viên:

1. PGS Phạm Văn Nhiên
2. PGS Nguyễn Thị Dung
3. PGS Đỗ Thị Tính
4. BSCKII. Ngô Văn Điển
5. TS Vũ Mạnh Tân
6. ThS Lê Thị Diệu Hiền
7. ThS Kê Thị Lan Anh
8. ThS Vũ Thị Thu Trang
9. ThS Nguyễn Ngọc Ánh
10. ThS Trịnh Hồng Nhung
11. ThS Đỗ Thị Thanh Loan
12. ThS Đoàn Thị Út
13. BSNT Đỗ Quang Tùng
14. BSNT Phạm Chính Nghĩa
15. BSNT Bùi Hồng Nhung
16. BS Đào Trọng Dương
17. BS Bùi Đức Hiển
18. BS Trần Văn Dũng
19. BS Lưu Mạnh Cường
20. BS Lê Thị Quyên

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng các bệnh nội khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh nội khoa và các hội chứng thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Mô tả được nội dung cần hỏi về bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân.
- Khám đúng kỹ thuật, thành thạo và phát hiện được các triệu chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Mô tả được các triệu chứng, hội chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Nêu được các nguyên nhân chính của triệu chứng và hội chứng thường gặp.
- Đánh giá và vận dụng được các kết quả xét nghiệm trong lâm sàng.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Tiếp cận bệnh nhân và làm bệnh án	2	6	16
2.	Khám bộ máy tuần hoàn	3	9	24
3.	Hội chứng suy tim	1	3	8
4.	Khám bệnh nhân thiếu máu	1	3	8
5.	Khám và chẩn đoán xuất huyết	2	6	16
6.	Khám bộ máy hô hấp	2	6	16
7.	Hội chứng tràn dịch màng phổi	2	6	16
8.	Hội chứng tràn khí màng phổi	1	3	8
9.	Khám bộ máy tiêu hóa	2	6	16
10.	Khám và chẩn đoán cổ trướng	1	3	8
11.	Khám và chẩn đoán vàng da	2	6	16
12.	Khám và chẩn đoán gan to	1	3	8
13.	Khám bệnh nhân đau bụng	1	3	8
14.	Khám và chân đoán phù	2	6	16
15.	Khám bệnh nhân hôn mê	2	6	16
16.	Khám bệnh nhân khó thở	2	6	16

17.	Khám và chẩn đoán hạch to	1	3	8
18.	Khám và chẩn đoán lách to	1	3	8
19.	Khám và chẩn đoán sốt	1	3	8
20.	Khám hệ nội tiết	2	6	16
21.	Khám bệnh nhân đái tháo đường	1	3	8
22.	Khám hệ tiết niệu	3	9	24
23.	Khám và chẩn đoán đái máu	1	3	8
24.	Khám bệnh nhân đau lưng	1	3	8
25.	Khám bênh nhân đau ngực	1	3	8
26.	Khám hệ vận động	3	9	24
27.	Khám hệ thần kinh	3	9	24

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm,…

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Triệu chứng học nội khoa – Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Nội khoa cơ sở tập 1 - Các bộ môn Nội, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Nội khoa cơ sở tập 2 - Các bộ môn Nội, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Bài giảng kỹ năng giao tiếp cho sinh viên y khoa, nhà xuất bản Y học năm 2014.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.
- Thi lý thuyết
- Đánh giá ban đầu.

  + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội cơ sở.

  + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Nội cơ sở.
- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- Công thức điểm: LT; LS.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

  + Giảng đường.

+ Máy chiếu.
+ Bảng.
+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.
+ Máy đo huyết áp.
+ Thước dây.
+ Tranh minh hoạ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiêu

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm văn Nhuần

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: NỘI BỆNH LÝ YHCT – LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 00 Lâm sàng: 02

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 00 Lâm sàng: 90

Số giờ tự học (tiết): 0

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2; Châm cứu 1,2; Thuốc YHCT

Học phần học trước:Phương tễ, Dưỡng sinh xoa bóp khí công

Học phần song hành: Ngoại YHCT, Sản YHCT, Nhi YHCT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, BSNT. Khúc Thị Song Hương

Giảng viên kiêm chức: Ts. Dương Trọng Nghĩa, PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hà, BSCKI Đoàn Kim Trâm.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lâm sàng nội bệnh lý YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách khám, phát hiện triệu chứng, và điều trị các bệnh nội khoa trên LS.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Khám, làm bệnh án và điều trị các chứng bệnh nội khoa với các nội dung theo YHHĐ và YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LS
1.	Suy nhược cơ thể	8
2.	Viêm phế quản	8
3.	Tăng huyết áp	8
4.	Cảm mạo và cúm	5
5.	Viêm loét dạ dày tá tràng	8
6.	Suy nhược thần kinh	8

7.	Liệt VII ngoại biên	5
8.	Đau thần kinh tọa	8
9.	Đái tháo đường	8
10.	Viêm gan	8
11.	Đau vai gáy, đau lưng	8
12.	Tai biến mạch máu não	8
Tổng số		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lâm sàng:Thảo luận nhóm

Dạy học trên bên giường bệnh, case study

Bình bệnh án

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày ca lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Chuyên đề nội khoa YHCT, NXB Y học
2. Bệnh học nội khoa YHCT,Nguyễn Nhược Kim, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần:Tham gia học lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lâm sàng:SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Thi vấn đáp, đánh giá kỹ năng. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài thi

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, Làm bệnh án lâm sàng

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = điểm lâm sàng

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu,mẫu thuốc theo danh mục...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: NỘI BỆNH LÝ YHCT – LÝ THUYẾT

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Lâm sàng: 0

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 45 Lâm sàng: 0

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT 1,2; Châm cứu 1,2; Thuốc YHCT

Học phần học trước: Phương tễ, Dưỡng sinh xoa bóp khí công

Học phần song hành: Ngoại YHCT, Sản YHCT, Nhi YHCT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, BSNT.Khúc Thị Song Hương, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà (GVKC), TS. Dương Trọng Nghĩa (GVKC), BSCKI. Đoàn Kim Trâm (GVKC).

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lý thuyết nội bệnh lý YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh nội khoa theo YHHĐ và YHCT.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh nội khoa theo YHHĐ và YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học
	Suy nhược cơ thể	4	8
	Viêm phế quản	4	8
	Tăng huyết áp	4	8
	Cảm mạo và cúm	3	5
	Viêm loét dạ dày tá tràng	4	8
	Suy nhược thần kinh	4	8
	Liệt VII ngoại biên	3	5
	Đau thần kinh tọa	4	8

	Đái tháo đường	4	8
	Viêm gan	4	8
	Đau vai gáy, đau lưng	3	8
	Tai biến mạch máu não	4	8
Tổng số		**45**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Chuyên đề nội khoa YHCT, NXB Y học
2. Nguyễn Nhược Kim, bệnh học nội khoa Y học cổ truyền, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+ Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lý thuyết: Thi test, Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = điểm lý thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: giảng đường, máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng ....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT | **TRƯỞNG BỘ MÔN**

Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: ÔN BỆNH

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Lâm sàng: 01

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, Thuốc YHCT, Phương tễ

Học phần học trước:Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT

Học phần song hành: Nội kinh, kinh dịch, kim quỹ yếu lược, thương hàn luận

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền, Ths Nguyễn Minh Thụy, ths Nguyễn Thị Thúy, TS Nguyễn Thị Huệ, Ts Trần Quang Minh, Ts Trần Thị Thu Vân.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần ôn bệnh cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh của ôn bệnh cũng như phân loại các thể lâm sàng, chẩn đoán, và điều trị bệnh ôn bệnh

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được đặc điểm chung về ôn bệnh
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế của ôn bệnh
- Trình bày được phân loại các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa bệnh của ôn bệnh
- Điều trị được các bệnh ôn bệnh bằng các phương pháp YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết tự học
1.	Đại cương	2		4
2.	Nguyên nhân bệnh và cơ chế phát bệnh	2		4
3.	Biện chứng ôn bệnh	2	6	4

4.	Các phương pháp chẩn đoán ôn bệnh	2	6	4
5.	Biện thiệt chẩn	1	3	2
6.	Nguyên tắc chung điều trị ôn bệnh	1		2
7.	Ma chẩn	1	6	2
8.	Phong ôn	1	6	2
9.	Xuân ôn	1	6	2
10.	Thử ôn	1	6	2
11.	Thấp ôn	1	6	2
Tổng số		**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Hướng dẫn SV thăm khám bệnh nhân, bình bệnh án, giảng đầu giường,

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày ca lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Bộ môn YHCT, trường Đại học Y dược Hải Phòng, tài liệu phát tay

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 1, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học
3. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Ôn bệnh, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

***- Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng:SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng ….

- Lâm sàng: bệnh viện y học cổ truyền Hải Phòng, Bệnh Viện đại học Y Hải Phòng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: PHỤ SẢN Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 01 Lâm sàng: 02

Phân bố thời gian (tiết): 105 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 90

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, thuốc YHCT

Học phần học trước:Phương tễ, Xoa bóp khí công dưỡng sinh

Học phần song hành: Nội YHCT, Ngoại bệnh lý YHCT, Nhi YHCT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: ThS.Lê Ngọc Sơn, TS.Lương Trần Khuê, TS.Thái Hoàng oanh (GCKC), ThS. Trần Thị Thơm (GVKC)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần sản phụ khoa YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh sản phụ khoa theo YHHĐ và YHCT cũng như cách khám, phát hiện triệu chứng, và điều trị các bệnh sản phụ khoa trên LS.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh sản phụ khoa theo YHHĐ và YHCT
- Khám, làm bệnh án các chứng bệnh sản phụ khoa với các nội dung theo YHHĐ và YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT		Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học	Số tiết LS
1.		Kinh nguyệt không đều	3	5	20
2.		Ít sữa và thiếu sữa	3	5	20
3.		Sa dạ con	3	5	10

4.	Viêm tuyến vú	2	5	10
5.	Viêm phần phụ	2	5	10
6.	Động thai, hoạt thai, thai lậu	2	5	20
Tổng số		**15**	**30**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thảo luận nhóm

Dạy học trên bên giường bệnh, case study

Bình bệnh án

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày case lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Tu Viên, Nữ khoa yếu chỉ: Những yếu chỉ chữa bệnh phụ khoa, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Sản phụ khoa YHCT, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

***- Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng: SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lâm sàng: Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng ….
- Lâm sàng: Phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu, bông cồn, tranh tượng châm cứu, các mẫu thuốc, máy điện châm….

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT | **TRƯỞNG BỘ MÔN**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

Ts. Nguyễn Thị Thu Hiền

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN PHỤ SẢN Y HỌC HIỆN ĐẠI

1. **Mã số:**
2. **Số tín chỉ: 3** Lý thuyết: 1 Thực hành: 2
3. **Số tiết học:** 75 Lý thuyết:15 Thực hành: 90
4. **Đối tượng sinh viên : YHCT**
5. **Mục tiêu môn học:**

5.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức sinh lý sinh dục nữ.
- Nêu được các kiến thức chung về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường (bao gồm chăm sóc trẻ sơ sinh)
- Trình bày được khái niệm về đẻ khó, thai nghén bệnh lý và các thủ thuật sản khoa thông thường
- Trình bày được khái niệm về một số bệnh phụ khoa hay gặp
- Trình bày được công tác tư vấn về kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng
- Vận dụng kiến thức về sản phụ khoa, dân số kế hoạch hóa gia đình trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

5.2. Thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa trong chương trình đào tạo bác sỹ y học dự phòng cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.
- Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề thai nghén, sinh đẻ, chăm sóc sức khoẻ sinh sản và KHHGĐ.

6. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Sinh lý Phụ khoa	1	5
2	Sự thụ thai, di trú, làm tổ và phát triển của trứng và phần phụ	1	5
3	Sinh lý chuyển dạ	1	5
4	Chẩn đoán thai nghén	1	4
5	Tư vấn chăm sóc trước sinh và quản lý thai nghén	1	6
6	Sổ rau thường & Hậu sản thường	1	6
7	Tiền sản giật- Sản giật	1	6
8	Thai nghén có nguy cơ cao	1	7
9	Chảy máu thời kỳ sổ rau	1	6
10	Vỡ tử cung	1	5
11	Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh	1	4
12	Nhiễm khuẩn hậu sản	1	5
13	Chửa ngoài tử cung	1	4
14	U nang buồng trứng	0	2
15	U xơ tử cung	0	4
16	Viêm đường sinh dục dưới	1	4
17	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe sinh sản tuổi vị thành niên	0	3
18	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe sinh sản tuổi tiền/ mãn kinh	0	3
19	Các biện pháp tránh thai và nạo phá thai an toàn	1	4

7. Phương pháp dạy học:

- Giảng dạy theo phương pháp tích cực, sinh viên đóng vai trò chủ đạo

- Đóng vai
- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Giải quyết vấn đề
- Case study
- Cầm tay chỉ việc trên mô hình và trên bệnh nhân

8. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu bằng bài test trắc nghiệm ngắn trước mỗi bài học
- Đáng giá quá trình tình huống lâm sàng khi sinh viên kết thúc mỗi khoa
- Đáng giá kết thúc học phần bằng bài thi test và thi lâm sàng hỏi bệnh thăm khám các kỹ năng trên bệnh nhân và thi bệnh án trên bàn hỏi thi.
- Công thức điểm =(LT+LS)/2

9. Tài liệu học tập:

- Tài liệu giảng dạy sản phụ khoa Dự án Hà Lan - trường Đại học Y Hải Phòng

10. **Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** BM sản phụ khoa

Các giảng viên giảng dạy

Lê Thanh Bình	BSCK II
Trần Thị Việt Phương	BS CK II
Lại Thị Nguyệt Hằng	Bs CK II
Ngô Thị Uyên	Th.s
Đào Hải Yến	Th.s
Bùi Thị Minh Thu	Th.s
Nguyễn Thị Hoàng Trang	Th.s
Thái Thị Huyền	B.s

11. Tài liệu tham khảo

1. Bài giảng sản phụ khoa : Tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Y học, 2004. - 316tr. ; 27cm
2. Bài giảng sản phụ khoa: Tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2002. - 404tr. ; 27cm
3. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr. ; 27cm.
4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành phụ - sản : Ban hành kèm theo quyết định số 1377/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Y tế. - H. : Y học, 2016. - 283tr. ; 27cm
5. Hướng dẫn thực hành phụ khoa / Rozenbaum, H.. - Tp. HCM. : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh; 2000. – 280tr ; 19 cm.
6. Lâm sàng sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 2001. – 507tr. ; 19cm.
7. Phẫu thuật sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 1998. - 832 tr. ; 27 cm.
8. Phòng chống 5 tai biến sản khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Yhọc, 1995. – 32tr.; 19cm
9. Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành / Trường đại học Y Hà Nội - Bộ môn Sản Phụ khoa. - H. : Y học, 2004. - 457tr. ; 21cm.
10. Phụ khoa hình minh họa / Govan A.D.T. - H. : Y học, 1993. - 477 tr. ; 24 cm.
11. Sản khoa hình minh họa. - H. : Y hoc, 2006. - 443 tr. ; 27 cm
12. Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản: đáp án (sách dành cho học viên). - H. : Bộ Y tế - Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.

Tài liệu nước ngoài

13. Clinical manual of gynecology / Stovall, Thomas G. - 2nd ed. - London : Mcgraw-Hil, 1992. - 658p. ; 19cm
14. Comprehensive gynecology review. - 2nd ed. - London : Mosby, 1992. - 298p. ; 19cm
15. Obstetric and perinatal infections / Charles, David. - London : Mosby, 1993. - 365p. ; 19cm
16. Obstetrics fistula:guiding principles for clinical management and programme development. - Geneva : World Health Organization, 2006. - 73p. ; 27cm.

12. Cơ sở vật chất

- Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là cơ sở cho sinh viên thực tập, Đây là bệnh viện tuyến 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hàng năm có khoảng 15.000 sản phụ sinh đẻ tại đây, mỗi ngày khám 400 lượt bệnh nhân
- Cở sở thực hành thực địa: Khoa Sản – Bệnh viện đa khoa Kiến An. Đây là bệnh viện khu vực 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiếp nhận bệnh nhân từ các tuyến cơ sở chuyển đến.
- Giảng đường trường đại học y Hải Phòng với đầy đủ hệ thống máy chiếu, loa, ánh sáng
- Giảng đường đặt tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng tiền lâm sàng với đầy đủ các mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.
- Giảng đường đặt tại Bệnh viện đa khoa Kiến An là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng lâm sàng trên mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN

Ngô Văn Kiên

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian: 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45
Số giờ tự học: 30 giờ
Đối tượng sinh viên: Y học cổ truyền
* Học phần tiên quyết: sinh viên phải tích lũy được tín chỉ của các học phần sau:
- Các môn học chung: NLCB 1; NLCB 2; TT HCM; Đường lối cách mạng; ngoại ngữ 1-2-3; tin học đại cương; GDTC 1-2-3; GDQP
- Các môn cơ sở khối ngành: dân số học; truyền thông giáo dục sức khỏe; sinh học; di truyền; lý sinh; hóa học 1-2; tin học ứng dụng; toán XSTK; tâm lí y học- đạo đức y học.
- Các môn cơ sở ngành: Giải phẫu 1-2; mô phôi; sinh lí 1-2; hóa sinh 1-2; vi sinh; kí sinh trùng; giải phẫu bệnh; sinh lí miễn dịch; dược lí; dinh dưỡng và VS AT TP; SK MT- SK NN; dịch tễ học; điều dưỡng cơ bản; chẩn đoán hình ảnh; thực tập cộng đồng 1
- Các môn chuyên ngành: nội cơ sở; ngoại cơ sở; nội bệnh lí 1-2; ngoại bệnh lí 1-2; phụ sản 1-2; truyền nhiễm; nhi khoa 1-2.
- Các môn bổ trợ: pháp luật & CSYT; dị ứng; hóa sinh lâm sàng; y pháp; PTTH; y học quân sự; y học biển.
* Học phần học trước: thần kinh
* Học phần song hành: y học cổ truyền; lao & bệnh phổi; răng hàm mặt; tai mũi họng; mắt; da liễu; thần kinh; tâm thần; ung thư; CT Y tế quốc gia; Y học gia đình; Tổ chức & QLYT
Bộ môn phụ trách giảng dạy: bô môn Phục hồi chức năng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

- Phục hồi chức năng là một môn học lâm sàng,thuộc lĩnh vực y học phục hồi_ là 1 trong 3 lĩnh vực thuộc hệ thống y tế hiện nay (Y học dự phòng, y học điều trị và y học phục hồi).
- Sau khi nắm được những kiến thức cơ bản, cần thiết về các biện pháp phòng bệnh, phác đồ điều trị một số bệnh thuộc 4 chuyên ngành lớn như Nội, Ngoại, Sản, Nhi và một số chuyên khoa chuyên ngành khác, thì phục hồi chức năng sẽ giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan nhất về vấn đề phục hồi lại sức khỏe, đưa người bệnh, người khuyết tật hội nhập, tái hội nhập xã hội, cộng đồng như thế nào? Đồng nghĩa với việc cho thấy rằng nhiệm vụ của y tế không chỉ

dừng lại ở việc chữa khỏi bệnh mà còn có giá trị nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Vì vậy, phục hồi chức năng có mối quan hệ mật thiết không chỉ với các chuyên khoa chuyên ngành trong y tế mà còn với các tổ chức, ban ngành trong xã hội, địa phương.

- Sinh viên học tập tại bộ môn, ngoài học những kiến thức về lí thuyết, lâm sàng trong quá trình điều trị bệnh, phục hồi bệnh, còn được trải nghiệm những vấn đề về khuyết tật nói chung.
- Sinh viên đa khoa học 2 tín chỉ: 1 lí thuyết, 1 thực hành về phục hồi chức năng. Các bài giảng lí thuyết theo nội dung dưới đây và sinh viên phải tự học thêm 30 giờ với những phần bài tập, phần nội dung do giảng viên bộ môn chuẩn bị. Thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Việt Tiệp sẽ giúp sinh viên trang bị những kiến thức hữu ích về chuyên ngành này.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

3.1. Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức đại cương về PHCN- VLTL: khái niệm, vai trò, các kĩ thuật và hình thức PHCN; các phương thức VLTL thường dùng; phân loại quốc tế về chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF)….
- Nắm vững được nguyên tắc điều trị, phục hồi chức năng một số bệnh, tật, di chứng thường gặp.

3.2. Kĩ năng:

- Thăm khám lượng giá được chức năng người khuyết tật và một số bệnh lý thường gặp trong khoa Phục hồi chức năng.
- Điều trị được một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

3.3. Thái độ:

- Hình thành được đức tính cẩn thận, tỉ mỉ trong thăm khám người bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

STT	Chủ đề	Số tiết/ Số giờ		
		LT	TH	Tự học
Phần 1. Đại cương Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng				
1.	Đại cương về phân loại chức năng, khuyết tật và sức khỏe- ICF	1	0	2
2.	Đại cương phục hồi chức năng. Các thương tật thứ phát thường gặp, cách phòng ngừa.	1	0	2
3.	Vận động trị liệu	1	3	2
4.	Các phương thức vật lí trị liệu thường dùng. - Nhiệt trị liệu - Điện trị liệu - Ánh sáng trị liệu	2	4	4

	- Tác nhân cơ học - Thủy trị liệu - Siêu âm			
5.	Lượng giá chức năng, thăm khám người khuyết tật. Thử cơ bằng tay. Đo tầm vận động khớp.	1	6	2
Phần 2. Phục hồi chức năng bệnh học				
6.	PHCN bệnh nhân tổn thương thần kinh trung ương. - PHCN BN liệt ½ người do TBMN - PHCN BN TT tủy sống	2	4	2 2
7.	PHCN bệnh nhân tổn thương thần kinh ngoại biên - HC thắt lưng hông - HC cổ vai cánh tay	2	8	2
8.	PHCN phần mềm quanh khớp - Viêm quanh khớp vai - Một số viêm gân thường gặp	1	4	 2 2
9.	PHCN BN gãy xương	1	4	2
10.	Sự phát triển bình thường của trẻ từ 0-15 tuổi. Một số khuyết tật thường gặp	1	4	4
11.	PHCN trẻ chậm phát triển trí tuệ PHCN trẻ bại não	2	4	2
Tổng		15 tiết	45 giờ	30 giờ

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC:

5.1: Phương pháp dạy:

**** Lý thuyết:***

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Phương pháp suy nghĩ- từng cặp- chia sẻ.
- Phương pháp động não.
- Dạy học dựa trên vấn đề.
- Câu hỏi lượng giá cuối mỗi bài học.

**** Thực hành:***

- Phân nhóm sinh theo giảng viên/ bác sĩ.
- Cơ sở thực tập: Khoa Phục hồi chức năng BV ĐH Y Hải Phòng và/ hoặc BV Việt Tiệp.
- Phương pháp dạy:

+ Giao ban

+ Bình bệnh án

+ Phương pháp đóng vai.
+ Phương pháp học dựa trên vấn đề
+ Case studies.
+ Phương pháp hoạt động nhóm.
- Nội dung học thực hành:

Bài giảng	Số giờ	Ghi chú
Bắt buộc		
1. Kiến tập trang thiết bị VLTL	**1**	
2. Thăm khám- lượng giá bệnh nhân	**8**	
3. PHCN bệnh nhân có HC thắt lưng hông	**2**	Giải phẫu chức năng, cơ chế bệnh sinh, thăm khám- lượng giá- điều trị (dùng thuốc, không dùng thuốc, tư vấn phòng bệnh)
4. PHCN bệnh nhân có HC cổ vai cánh tay	**2**	
5. PHCN bệnh nhân liệt do TBMN	**2**	
6. PHCN bệnh nhân gãy xương	**2**	
7. PHCN bệnh viêm- thoái hóa khớp	**2**	
8. PHCN tổn thương phần mềm quanh khớp	**2**	
9. PHCN bệnh nhân bại não	**2**	
10. PHCN bệnh nhân KT trí tuệ	**2**	
11. Giao ban	1 giờ/ 1 buổi x 4 buổi/ 1 tuần x 3,5 tuần= **14 giờ**	
12. Bình bệnh án	2 giờ/1 buổi/ 1 tuần x 3 tuần= **6 giờ**	
Tổng	**45 giờ**	
Không bắt buộc		
1. Loãng xương		
2. Vẹo cột sống		
3. CT tủy sống		
4. Gout		

5.2: Phương pháp học và tự học:

- Lý thuyết: sinh viên lên lớp nghe giảng, trước mỗi bài học giảng viên sẽ dành 1 khoảng thời gian để sinh viên đọc trước tài liệu về vấn đề học (khuyến khích đọc trước tài liệu tại nhà). Tham gia trao đổi với người khác (GV-SV) về vấn đề đó.

- Thực hành:

+ Nắm vững chương trình học thực hành.
+ Lên kế hoạch cho từng bài bao gồm: đọc tài liệu, tự ghi chép từng phần hỏi bệnh, khám bệnh, nguyên tắc điều trị.
+ Quan sát quá trình thăm khám- chẩn đoán và điều trị của Giảng viên/ Bác sĩ về mặt bệnh đã đọc trước.
+ Nêu câu hỏi với giảng viên/ bác sĩ hướng dẫn nếu có vấn đề thắc mắc (Nên tự chủ động tìm câu trả lời trước khi đặt câu hỏi với giảng viên/ bác sĩ. Khi

chưa chắc chắn về phần đáp án mình tìm được, có thể trao đổi với giảng viên/ bác sĩ hướng dẫn)

+ Khi đã nắm vững về 1 mặt bệnh, chủ động đề nghị được thăm khám lâm sàng dưới sự giám sát của giảng viên/ bác sĩ hướng dẫn.

- Tự học: PHCN gồm 2 phần: đại cương và PHCN bệnh. Phần đại cương sinh viên tự học theo nội dung câu hỏi của bộ môn. Phần PHCN bệnh, sinh viên học theo hình thức thảo luận nhóm, thuyết trình theo case studies hoặc giải quyết vấn đề dựa vào nội dung GV yêu cầu…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

6.1. Tài liệu giảng dạy:

Tài liệu Phục hồi chức năng phát tay, Bộ môn Phục hồi chức năng- Trường Đại học Y Hải Phòng.

6.2. Tài liệu tham khảo:

(1) Trần Trọng Hải, Trần Quý Tường, Cao Minh Châu và cộng sự (2010), *Bộ tài liệu Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.

(2) Lê Quang Khanh, Hoàng Ngọc Chương (2010), *Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

(3) Nguyễn Thị Ngọc Lan (2011), *Bệnh học cơ xương khớp nội khoa*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

(4) Nguyễn Xuân Nghiên, Cao Minh Châu, Trần Văn Chương và cs (2010), *Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng sách chuyên khảo dùng cho cán bộ ngành Phục hồi chức năng,* Nhà xuất bản Y học- Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

7.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Phục hồi chức năng.
- Yêu cầu: sinh viên nhớ- hiểu kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học môn Phục hồi chức năng.

7.2. Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học đầy đủ trên lớp lý thuyết và thực hành tại bệnh viện.
- Chuẩn bị tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp.

7.3. Đánh giá hết môn: Hình thức thi:

- Điểm lâm sàng: hình thức thi vấn đáp hoặc tình huống lâm sàng.
- Điểm lý thuyết: thi viết
- **Điểm môn học = (Điểm lâm sàng + điểm lý thuyết) /2**

Trọng số (%) các điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Việt Tiệp.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT **P. TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BM**

Ths. Vũ Văn Túy

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: PHƯƠNG TỄ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 02 Lâm sàng: 01

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Lâm sàng: 45

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2

Học phần học trước:Thuốc YHCT

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: ThS.Nguyễn Thị Thùy Dung, ThS Đoàn Hải Nam (GVKC), TS Nguyễn Văn Phúc (GVKC).

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần phương tễ cung cấp cho sinh viên các kiến thức bày thành phần, tác dụng, cách dùng, gia giảm và ứng dụng của các bài thuốc cổ phương.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày thành phần, tác dụng, cách dùng, gia giảm các bài thuốc cổ phương.
- Ứng dụng các bài thuốc cổ phương trong điều trị bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết tự học
1.	Đại cương về các bài thuốc Y học cổ truyền	3		6
2.	Các bài thuốc giải biểu	3	5	6
3.	Các bài thuốc thanh nhiệt	3	5	6
4.	Các bài thuốc bổ	4	6	6
5.	Các bài thuốc trừ phong	3	5	6
6.	Các bài thuốc lợi niệu, tả hạ	3	5	6
7.	Các bài thuốc trừ đàm, tiêu đạo, an thần	3	5	6
8.	Các bài thuốc khai khiếu, cố sáp, trừ trùng	2	4	6

	tích			
9.	Các bài thuốc hành khí, hoạt huyết, chỉ huyết	3	5	6
10.	Các bài thuốc trừ hàn, hòa giải	3	5	6
Tổng số		**30**	**45**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng YHCT tập 1 – Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học 2010

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Danh phương toàn tập, NXB Y học
2. Trung ương hội Đông Y Việt Nam (2010), Phương tễ học, NXB Y học
3. Phương thang y học cổ truyền, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

***- Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Lâm sàng: SV phải tham dự ít nhất 95% số tiết giảng. Tham dự từ 90% đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật, làm bệnh án lâm sàng. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, làm bệnh án lâm sàng

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng)/3

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng
- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu, mẫu thuốc theo danh mục, máy điện châm, bông cồn...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA RĂNG HÀM MẶT

CỘNG HÒA XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT THEO TÍN CHỈ

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

1. Mã học phần:
2. Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành : 01
3. Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45
4. Số giờ tự học (tiết) : 30
5. Đối tượng sinh viên : Y học cổ truyền
6. Học phần tiên quyết : Các môn cơ sở, nội, ngoại, sản, nhi
7. Học phần học song hành : Mắt, Tai mũi họng
8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Răng hàm mặt

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung bao gồm giới thiệu những bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM và những dị tật bẩm sinh, chấn thương vùng hàm mặt, ung thư và các khối u lành tính vùng hàm mặt. Mỗi bệnh đều có giới thiệu về cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và đặc biệt là nguyên tắc dự phòng. Mối liên quan đến bệnh lý vùng đầu mặt cổ cũng như toàn thân.

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức : trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM.
- Thái độ : Không tách bệnh lý ở một vùng ra khỏi bệnh lý chung của toàn bộ cơ thể. Đề cao vai trò công tác dự phòng trong phòng chống bệnh sâu răng, viêm lợi, ung thư đầu mặt cổ.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và nguyên tắc dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp.

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Răng và bộ răng	2	2
2.	Sâu răng	4	4
3.	Các biến chứng của sâu răng	2	2

	4.	Bệnh nha chu	3	2
	5.	Viêm nhiễm răng miệng hàm mặt	3	2
	6.	Chấn thương hàm mặt	4	4
	7.	Khe hở môi vòm miệng bẩm sinh	2	2
	8	Khối u vùng hàm mặt	2	4
	9.	Chăm sóc răng miệng ban đầu	4	2
	10	Liên quan giữa sức khỏe răng miệng với sức khỏe toàn thân	2	2

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết : Thuyết trình
- Thực hành : Giảng lý thuyết lâm sàng, giảng theo case lâm sàng. thảo luận nhóm, thực hành trên mô hình và bệnh nhân, đóng vai, nghiên cứu trường hợp

5.2. Phương pháp học, tự học

- Tự học : chuẩn bị nội dung theo yêu cầu giảng viên, dựa trên tài liệu giảng viên gợi ý, tự tìm tòi trước khi lên lớp. Giảng viên sẽ sẽ giải thích tất cả thắc mắc, làm rõ thêm, sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm kiểm tra yêu cầu môn học
- Khi thực tập lâm sàng : sinh viên tự thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên

VI. LƯỢNG GIÁ

1. Lượng giá ban đầu : thăm hỏi, phỏng vấn sinh viên.
2. Lượng giá trong quá trình : theo dõi sĩ số, đánh giá thái độ học tập.
3. Lượng giá kết thúc : lượng giá ban đầu và lượng giá trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi : tham gia 90% giờ giảng lý thuyết, 95% giờ giảng thực hành
- Điểm thi áp dụng thang 10
- Hình thức thi lý thuyết : Thi viết cải tiến
- Hình thức thi thực hành : Vấn đáp

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

Giáo trình do khoa biên soạn

VIII. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

Khoa răng hàm mặt

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết : phòng học với máy chiếu, đầy đủ bàn ghế, mic nói, bảng viết, phấn.
- Thực hành : phòng thực hành với ghế máy nha khoa, dụng cụ và vật liệu nha khoa.

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Liêu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG

Ngành: Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ chuyên khoa Răng Hàm Mặt, Y học dự phòng, Chuyên tu, Y học cổ truyền

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Thôn tin chung

- Tên học phần: Tai Mũi Họng
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Lâm sàng: 1
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45
- Học phần: + Bắt buộc ☒
  + Tự chọn ☐
- Các mã học phần tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tai Mũi Họng
- Giảng viên:
  + PGS.TS. Vũ Văn Sản
  + Ths. Tạ Hùng Sơn
  + Ths. Phùng Thị Vân Anh
  + Ths. Nguyễn Quang Đạo
  + Ths. Trần Hồng Hạnh
  + Ths. Phùng Thị Hoà
  + Ths. Trần Thị Thanh Thuý
  + Bs. Phạm Thanh Hải

2. Tóm tắt nội dụng học phần

Tai Mũi Họng là môn học nghiên cứu về giải phẫu ứng dụng, sinh lý và bệnh lý của các cơ quan tai, mũi, họng – thanh quản, và vùng đầu mặt cổ.

Tai Mũi Họng là một môn học chuyên sâu cần thiết đối với các đối tượng đào tạo vì bệnh lý của chuyên khoa Tai Mũi Họng là rất thường gặp, ở mọi lứa tuổi, giới tính, liên quan rất nhiều đến các chuyên khoa khác như nội khoa, ngoại khoa, mắt, răng hàm mặt, thần kinh – sọ não.

Bệnh lý của các cơ quan vùng tai mũi họng và đầu mặt cổ rất đa dạng, có thể chỉ là các bệnh lý hết sức thông thường, gặp hàng ngày, tự hồi phục, tuy nhiên cũng có thể là một bệnh lý hay một tình trạng cấp cứu có tính chất nguy hiểm đe dọa tính mạng người bệnh, hoặc có khi lại là biểu hiện bệnh lý của một hệ thống khác. Do đó, việc học tập môn Tai Mũi Họng là hết sức cần thiết cho quá trình thực hành sau này của nhân viên y tế, tránh bỏ sót các bệnh lý gây hậu quả đáng tiếc.

Để hoàn thành học phần này, trước hết sinh viên, học viên phải nắm được các kiến thức lý thuyết căn bản; sau đó, trong quá trình học tập lâm sàng, sinh viên cần quan sát, thực hành khám, nhận biết bệnh, tham gia hỗ trợ việc điều trị (nội khoa, thủ thuật, phẫu thuật), sau đó đối chiếu với kiến thức

lý thuyết học được để nắm vững hơn các kiến thức chuyên sâu nhằm phục vụ cho quá trình công tác sau này.

Trước đây, việc học tập môn Tai Mũi Họng là rất khó khăn do các cơ quan này đều nằm ở những vị trí sâu và kín đáo, rất khó đánh giá cũng như hình dung được bệnh lý nếu không được quan sát trực tiếp. Ngày nay, nhờ vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống khám nội soi và các hệ thống chẩn đoán hình ảnh hiện đại, nên sinh viên, học viên được quan sát những hình ảnh hết sức trực quan sinh động, giúp cho việc nắm bắt được các kiến thức dễ dàng hơn.

3. Mục tiêu của học phần

- Nắm được kiến thức giải phẫu và sinh lý cơ bản các cơ quan Tai Mũi Họng.
- Nắm được cách khám, các thao tác khám và hình ảnh giải phẫu bình thường.
- Nắm được triệu chứng lâm sàng, hình ảnh tổn thường bệnh học của một số bệnh cơ bản chuyên khoa Tai Mũi Họng.
- Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp.

4. Nội dung chi tiết học phần

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT		
		Số tiết lý thuyết	Số tiết lâm sàng	Tự học
1	Khám Tai Mũi Họng thông thường		4	
2	Vấn đề V.A	1	4	2
3	Viêm A-mi-đan	1	4	2
4	Viêm mũi	1	4	2
5	Viêm xoang	1	6	2
6	Viêm tai giữa cấp trẻ em	1	4	2
7	Viêm xương chũm	1	6	2
8	Biến chứng nội sọ do tai	1		2
9	Viêm thanh quản	1	5	2
10	Dị vật đường ăn	1	4	2
11	Dị vật đường thở	1		2
12	Chảy máu mũi	1	4	2
13	Ung thư vòm mũi họng	1		2
14	Ung thư thanh quản	1		2
15	Chấn thương tai mũi họng	1		2

16	Viêm tai giữa mủ nhầy			2
17	Nghe kém và đo sức nghe đơn giản	1		1
	TỔNG	**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết:

+ Thuyết trình.
+ Thảo luận nhóm.

- Lâm sàng:

+ Ca lâm sàng
+ Giảng đầu giường
+ Thảo luận nhóm
+ Bình bệnh án

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lên lớp: sinh viên lên lớp nghe giảng (sau khi đã tìm hiểu nội dung bài giảng qua tài liệu được cung cấp), trao đổi thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên, trao đổi trực tiếp với giảng viên về nội dung bài giảng.

- Thực tập lâm sàng: sinh viên quan sát các ca bệnh trong phòng khám và phòng bệnh, đối chiếu với lý thuyết, trao đổi thảo luận nhóm, trao đổi tìm hiểu ca bệnh với bác sỹ điều trị. Giảng viên đưa ra ca lâm sàng phù hợp với trình độ sinh viên và nội dung học để sinh viên thảo luận nhằm nắm được bài học.

- Sinh viên tự học: sinh viên phải đọc tài liệu trước khi lên lớp lý thuyết và thực hành lâm sàng, tự học theo tranh ảnh, trên mô hình, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Sách Bài giảng Tai Mũi Họng của Bộ môn Tai Mũi Họng - Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Sách Bài giảng điều dưỡng Tai Mũi Họng (lưu hành nội bộ) – Bộ môn Tai Mũi Họng – Đại học Y Dược Hải Phòng.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. F. Legent, P. Narcy, A. Beauvillian, P. Bordure (2003), *ORL Pathologie cervico – facial* 6^{e} edition, Masson.

2. Võ Tấn (1990), *Tai mũi họng thực hành Tập 2, 3*, NXB Y học, Hà Nội.

3. Vũ Văn Sản (1993), *Cẩm nang Tai mũi họng*, (Bản dịch từ sách của Likhachev A.G.), NXB Y học, Hà Nội.

4. Vũ văn Sản (2003),*Viêm mũi dị ứng và Viêm mũi vận mạch*, NXB Y học, Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu

Hình thức: đặt 1 số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn tai mũi họng như giải phẫu, sinh lý.

7.2. Đánh giá trong quá trình

Hình thực: theo dõi thái độ học tập, hoạt động nhóm, mức độ chuyên cần của sinh viên

7.3. Đánh giá kết thúc học phần

7.3.1. Kiểm tra phần lâm sàng

Yêu cầu sinh viên phải đảm bảo tham gia >95% số giờ học lâm sàng. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức sau:

- Bệnh án lâm sàng.
- Kiểm tra tình huống lâm sàng.
- Kiểm tra kỹ năng lâm sàng.

7.3.2. Kiểm tra lý thuyết

Sinh viên đạt ở phần thi lâm sàng mới được dự thi lý thuyết. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức:

- Thi test.
- Thi tự luận.
- Hỏi thi vấn đáp.

7.3.3. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức

$$TKHP = \frac{(LT+LS)}{2}$$

Trong đó: TKHP: là điểm tổng kết học phần

LT: là điểm thi lý thuyết

LS: là điểm thi lâm sàng

Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 *(từ 0 đến 10)*, làm tròn đến một chữ số thập phân, do hai giảng viên chấm, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế 43.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng, đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên.
- Học phần lâm sang: khoa Tai mũi họng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, khoa Tai mũi họng Bệnh viện trẻ em Hải Phòng với các trang thiết bị, dụng cụ khám và điều trị bệnh lý tai mũi họng.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Vũ Văn Sán

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ MÔN TÂM THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------&----------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN
ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian: Lý thuyết: 15 Thực hành: 45 Số giờ tự học: 30

Đối tượng sinh viên: Bác sĩ Y học dự phòng

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Sinh lý, Khoa học hành vi và GDSK, Y học xã hội và nhân học y học.

Học phần song hành: không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm thần

Giáng viên phụ trách giảng dạy:

1. PGS.TS. Phạm Văn Mạnh
2. Ths. Nguyễn Quang Đại
3. Ths Vương Thị Thủy
4. Ths Lê Sao Mai

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên, bệnh sinh, các phương pháp điều trị và dự phòng bệnh tâm thần. Hướng dẫn sinh viên nhận biết một số rối loạn tâm thần thường gặp, các biện pháp điều trị,chăm sóc, theo dõi, quản lý bệnh tâm thần tại cộng đồng.

Việc học tập của sinh viên dựa vào giáo trình của bộ môn kết hợp với tìm hiểu thông tin trên internet và tài liệu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Các kiến thức về khoa học hành vi, y học xã hội và nhân học y học sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn, sâu hơn khi học học phần này.

Nội dung học phần gồm:

Phần 1: Các triệu chứng và hội chứng rối loạn tâm thần

Phần 2: Một số bệnh tâm thần thường gặp

Phần 3: Chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần đạt được các mục tiêu sau:

1. Hiểu được sức khỏe tâm thần là gì và tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần

2. Nhận biết đúng các triệu chứng, hội chứng tâm thần

3. Chẩn đoán được một số bệnh tâm thần thường gặp

4. Biết cách tổ chức, quản lý, chăm sóc sức khỏe tâm thần cho bệnh nhân tại cộng đồng

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương tâm thần học	2	0	4
2	RL cảm giác, tri giác, tư duy	2	6	4
3	RL chú ý, trí nhớ	1	3	2
4	Rl cảm xúc, RL hoạt động	1	3	2
5	RL trí tuệ, RL ý thức	1	3	2
6	Lạm dụng rượu và NR	4	14	8
7	Tâm thần phân liệt	3	11	6
8	CSSKTT tại cộng đồng	1	5	2
9	**Tổng**	**15**	**45**	**30**

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình, tình huống lâm sàng, thảo luận nhóm

- Thực hành lâm sàng: cho sinh viên thăm khám bệnh nhân tại khoa phòng, hướng dẫn lâm sàng, trình bày ca lâm sàng

2. Phương pháp học:

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên

- Khi thực tập lâm sàng: thăm khám bệnh, làm bệnh án, trình bày ca lâm sàng, thảo luận với giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Sinh viên tìm hiểu thông tin, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giáo viên sau đó trình bày, báo cáo, thảo luận giữa các nhóm sinh viên và với giảng viên

VI. TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn cung cấp: Tập bài giảng dành cho đối tượng sinh viên Y học dự phòng

2. Tài liệu tham khảo:

1. Tâm thần học đại cương và điều trị các bệnh tâm thần, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, (2003).
2. Tâm thần học và tâm lý học y học, Nxb. Quân đội nhân dân, (2007).
3. Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 về các rối loạn tâm thần và hành vi (ICD10), Geneva, 1992.
4. Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu, NXB Y học, 2010.

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. Điều kiện dự thi hết học phần:

1.1. Đối với học phần lý thuyết

- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết giảng của học phần.
- Sinh viên tham dự học từ 70% đến <90% số tiết thì *bị nhận điểm 0 và* phải thi lại học phần đó.
- Sinh viên tham dự học dưới 70% số tiết giảng của học phần thì phải học lại học phần đó.

1.2. Đối với học phần thực hành

- Tham gia ít nhất 95% số giờ học lâm sàng, thực hành lâm sàng tại bệnh viện
- Sinh viên tham gia từ 90 đến <95% số giờ học lâm sàng, thực hành chuyên ngành phải thi lại.
- Sinh viên tham gia dưới 90% số giờ học lâm sàng, thực hành chuyên ngành phải học lại.

2. Đánh giá:

2.1. Đánh giá ban đầu:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các tiết học theo quy định của nhà trường.
- Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên các kiến thức của các chuyên ngành liên quan.

2.2. Đánh giá quá trình: thông qua thái độ học tập, hoạt động nhóm của sinh viên, bệnh án.

2.3. Đánh giá cuối môn học : thi tự luận, thời gian 60 phút

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, tài liệu, vở bút.
- Trang thiết bị thực hành lâm sàng: quần áo blouse bảo hộ lao động và các vật dụng khác phù hợp với nội dung từng bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG BỘ MÔN

PHẠM VĂN MẠNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN THẦN KINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC THẦN KINH
Đào tạo theo tín chỉ cho Bác sĩ Y học cổ truyền

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45
Số giờ tự học (tiết): 30
Đối tượng học viên: Bác sỹ Y học dự phòng
Học phần tiên quyết:
Học phần học trước: Giải phẫu, Bệnh học nội- ngoại
Học phần song hành: Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Mắt
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Thần Kinh
Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Ths. Ngô Văn Dũng: Phụ trách Bộ môn
- Ths. Nguyễn Tuấn Lượng: Giảng viên-Giáo vụ Bộ môn
- Ths. Đào Thị Hồng Hải: Giảng viên
- Ths: Chu Thị Thuận: Giảng viên
- Ts: Nguyễn Thị Thu Huyền: Trưởng khoa Thần Kinh bệnh viện Việt Tiệp
- Ts: Phùng Đức Lâm: Phó trưởng khoa Thần Kinh BV Việt Tiệp

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu hệ Thần kinh, các đường dẫn truyền thần kinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hình ảnh cắt lớp vi tính não, cộng hưởng từ sọ não, tủy sống và một số bệnh lý thần kinh thường gặp. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng chẩn đoán và lập phác đồ điều trị một số bệnh thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về giải phẫu, đường đi của bó tháp, bó gối, các đường cảm giác, phản xạ, thần kinh ngoại biên, giải phẫu và chức năng các vùng vỏ não, thân não, tủy sống và các đường liên hệ.
2. Trình bày được các yếu tố dịch tễ cơ bản của một số bệnh lý thần kinh thường gặp.
3. Chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị các bệnh lý thần kinh thường gặp, đặc biệt bệnh tai biến mạch não.
4. Kiến tập thủ thuật cơ bản như chọc dò dịch não tủy.

5. Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, can thiệp mạch, điều trị tiêu sợi huyết đường tĩnh mạch, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.
6. Tư vấn phòng bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ và điều trị dự phòng cấp 2 cho người bệnh, đặc biệt trong bệnh tai biến mạch não.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Tên bài	Số tiết LT	Số tiết LS	Tự học
HC tăng áp lực nội sọ.	1	2	2
HC lâm sàng tổn thương tủy sống.	1	2	2
Hôn mê.		4	2
Đặc điểm của tổn thương TK TW & NB	1	1	1
HC liệt nửa người.	2	2	2
Đau thần kinh hông to	1	2	2
Khám 12 đôi dây TK sọ não.		4	1
Khám vận động.		4	1
Đau đầu	1	2	2
Viêm đa rễ và dây thần kinh cấp tính.	1	2	2
Nhược cơ.	1	2	2
HC liệt hai chân.	1	2	2
HC màng não.	1	2	2
Khám cảm giác.		4	1
Khám phản xạ		4	1

Tai biến mạch máu não	2	2	2
Động kinh	1	2	2
Đọc phim CT Scanner trong TBMN	1	2	1
Tổng số	**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa thần kinh bệnh viện Việt Tiệp HP
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phấn viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Thần Kinh Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.
- Phương pháp: Ca lâm sàng, bình và làm bệnh án.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng lý thuyết chuyên ngành thần kinh do bộ môn biên soạn.
2. Clinical Neurology, 2005
3. Textbook of clinical neurology 2004
4. Thực hành lâm sàng thần kinh học tập 2, PGS Nguyễn Văn Chương
5. Thực hành lâm sàng thần kinh học tập 3, PGS Nguyễn Văn Chương
6. Triệu chứng học thần kinh, đào tạo bác sĩ đa khoa,nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2008.
7. Thực hành thần kinh các bệnh và hội chứng thường gặp, 2008.
8. Ultimate review for the neurology boards,2008

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Lượng giá trước học phần: Giảng viên đặt các câu hỏi nhỏ
- Lượng giá trong quá trình học:
  + Câu hỏi, tình huống lâm sàng
  + Theo dõi sĩ số, thái độ học tập của sinh viên
- Lượng giá kết thúc:

Điều kiện thi kết thúc môn học:

+ Sử dụng kết quả quá trình ban đầu và kết quả trong quá trình là điều kiện thi kết thúc môn học.

+ Thi kết thúc môn học: hình thức thi vấn đáp

. Kiểm tra lý thuyết: câu hỏi lý thuyết

. Kiểm tra thực hành: câu hỏi nhỏ, các tình huống lâm sàng.

. Điểm đánh giá:(LT+TH)/2.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp

số lượng sinh viên

8.2. Thực hành: Khoa Thần kinh bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng

BAN GIÁM HIỆU	PHỤ TRÁCH BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	ThS. Ngô Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN – LÝ THUYẾT

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Lâm sàng: 00

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 45 Lâm sàng: 00

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT 1,2

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

ThS.Nguyễn Thị Thùy Dung, TS. Nguyễn Văn Phúc (GVKC), ThS.Đoàn Hải Nam (GVKC)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lý thuyết thuốc YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tính năng, tác dụng, bộ phận dùng, liều lượng các vị thuốc YHCT

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày tính năng, tác dụng, bộ phận dùng, liều lượng các vị thuốc nam và thuốc nhập ngoại
- Kê được đơn thuốc theo đối pháp lập phương

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học
	Đại cương thuốc cổ truyền. Cách kê đơn	7	15
	Thuốc giải biểu, thuốc an thần	8	15
	Thuốc thanh nhiệt, thuốc tiêu hóa	8	15
	Thuốc bổ, thuốc trừ hàn	7	15
	Thuốc hành khí, thuốc hoạt huyết, thuốc cố sáp, thuốc chỉ huyết, bình can tức phong	7	15
	Thuốc lợi tiểu, trục thủy, thuốc tả hạ, thuốc giảm ho, thuốc trừ đàm, thuốc dùng ngoài	8	15
Tổng số		**45**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên .

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng YHCT tập 1 – Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học 2010

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Tất Lợi (2007), Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB Khoa học Kỹ thuật
2. Nguyễn Văn Minh, Dược tính chỉ Nam, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+ Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

***- Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp đầy đủ

SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng.

Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại.

Tham dự dưới 70% phải học lại

-Kiểm tra thường xuyên:

Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+ Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = Điểm lý thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng, mẫu thuốc khô, mẫu thuốc tươi ....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT | **TRƯỞNG BỘ MÔN**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TS.Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN – LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 00 Lâm sàng: 02

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 00 Lâm sàng: 90

Số giờ tự học (tiết):

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết:Lý luận YHCT 1,2

Học phần học trước:

Học phần song hành: Lý thuyết Thuốc YHCT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

ThS.Nguyễn Thị Thùy Dung, TS.Nguyễn Văn Phúc, ThS.Đoàn Hải Nam

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần lý thuyết thuốc YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thứcvề tính năng, tác dụng, bộ phận dùng, liều lượng các vị thuốc YHCT

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Nhận biết được các vị thuốc YHCT
- Kê được đơn thuốc theo đối pháp lập phương

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LS
1.	Thuốc giải biểu, thuốc an thần	15
2.	Thuốc thanh nhiệt, thuốc tiêu hóa	15
3.	Thuốc bổ, thuốc trừ hàn	15
4.	Thuốc hành khí, thuốc hoạt huyết, thuốc cố sáp, thuốc chỉ huyết, bình can tức phong	15
5.	Thuốc lợi tiểu, trục thủy, thuốc tả hạ, thuốc giảm ho, thuốc trừ đàm, thuốc dùng ngoài	15
6.	Cách kê đơn thuốc	15
Tổng số		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lâm sàng: Thảo luận nhóm

Học trên mẫu thuốc

Thực hành chia thuốc tại khoa dược

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng YHCT tập 1 – Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học 2010

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Tất Lợi (2007), Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB Khoa học Kỹ thuật
2. Nguyễn Văn Minh, Dược tính chỉ nam, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần*:** Tham gia đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lâm sàng:SV phải tham dự ít nhất 95% số buổi lâm sàng, tham dự 90 đến dưới 95% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 90% phải học lại

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành nhận và chia thuốc. Đánh giá theo bảng kiểm

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, thực hành nhận biết thuốc.

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = Điểm lâm sàng

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lâm sàng: Phòng thực hành, bệnh viện thực hành, tranh ảnh, các mẫu thuốc, cân thuốc….

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

TRƯỜNG ĐH Y HP
KHOA Y TẾ CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT
MÔN HỌC: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA; BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ đa khoa (6 năm) năm 4; bác sĩ đa khoa (4 năm)năm 2; bác sĩ y học cổ truyền năm 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần này bao gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
2. Trình bày được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng

4. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết Tự học	Giảng viên
1	Những quan điểm và chiến lược y tế Việt Nam	4	8	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng
2	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	4	8	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng
3	Tổ chức và quản lý bệnh viện	4	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
4	Quản lý & quản lý y tế	3	6	Ths. Trần Thị Bích Hồi

5	Quản lý nhân lực y tế	3	6	Ths. Trần Thị Bích Hồi
6	Lập kế hoạch y tế	4	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7	Điều hành – giám sát các hoạt động y tế	4	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi
8	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	4	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
	TỔNG	30	60	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2011), Tổ chức và quản lý y tế, Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, NXB Y học
- Trương Việt Dũng, Phạm Duy Luật (2009), Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế, Trường Đại học y Hà Nội.
- Dương Huy Liệu, Trương Việt Dũng (2006), Quanr lý y tế, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TRUYỀN NHIỄM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN TRUYỀN NHIỄM Y HỌC HIỆN ĐẠI

1.THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Lâm sàng: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45
Số giờ tự học: 30 tiết
Đối tượng sinh viên: **BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN**
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách: TRUYỀN NHIỄM

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần gồm kiến thức cơ bản về một số Bệnh Truyền nhiễm. Thực hành chẩn đoán và điều trị một số bệnh Truyền nhiễm thường gặp theo y học hiện đại.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày được đặc điểm dịch tễ học cơ bản của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
- Nêu được các biểu hiện lâm sàng và xét nghiệm của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và phòng bệnh của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết (1 tín chỉ - 15 tiết)

STT	Tên bài giảng lý thuyết	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	HIV/AIDS	3	6	Ths Anh
2	Bệnh Sởi	1	2	
3	Viêm gan do vi rút	2	4	Ths Liên
4	Viêm màng não	2	4	Bs. Thía
5.	Quai bị	1	2	

6.	Cúm	1	2	Bs Thoa
7.	Viêm não	2	4	Ths Liên
8.	Uốn ván	1	2	Bs Thía
9.	Thủy đậu	1	2	BsPhương
10.	Sốt xuất huyết Dengue	1	2	
	8 bài	**15 tiết**	**30 tiết**	

4.2. Thực hành (1 tín chỉ - 45 tiết)

STT	Tên bài giảng lý thuyết	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	HIV/AIDS	9	0	Ths Anh
2	Bệnh Sởi	3	0	
3	Viêm gan do vi rút	6	0	Ths Liên
4	Viêm màng não	6	0	Bs. Thía
5.	Quai bị	3	0	
6.	Cúm	3	0	Bs Thoa
7.	Viêm não	6	0	Ths Liên
8.	Uốn ván	3	0	Bs Thía
9.	Thủy đậu	3	0	BsPhương
10.	Sốt xuất huyết Dengue	3	0	
	8 bài	**45 tiết**	**0 tiết**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Lý thuyết:

Tổ chức dạy học tại giảng đường trường hoặc giảng đường Bệnh viện

- Thuyết trình
- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực:
  + Thảo luận nhóm
  + Đóng vai

+ Nghiên cứu tình huống

5.2. Thực hành: Tại bệnh viện

- Phân tích ca lâm sàng cụ thể
- Học lâm sàng theo từng nhóm nhỏ, giao ban hàng ngày…

5.3. Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên chuẩn bị bài và đọc các bài lý thuyết trước, nghe giảng và thảo luận trong bài giảng.
- Lâm sàng: Đi học lâm sàng đầy đủ, khám bệnh và chăm sóc bệnh nhân tỉ mỉ, kỹ càng, trao đổi với bạn cùng học, giảng viên của bộ môn khi có thắc mắc.
- Tự học: Chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu, nghiên cứu lại các bài đã học, đọc thêm các sách tham khảo cùng chuyên ngành.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm, ĐHYD TP Hồ Chí Minh năm 2006
2. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm ĐHY Hà Nội. Nhà xuất bản Y Học năm 2011
3. Bài giảng Truyền Nhiễm. Bùi Đại
4. Bệnh Học Truyền Nhiễm. Học Viện Quân Y. Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân 2015
5. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 8E 8th edition.
6. https://www.uptodate.com/home

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

7.1. Đánh giá sinh viên dựa trên các tiêu chí sau:

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận trên lớp.
- Kiểm tra, đánh giá ban đầu:
- Kiểm tra, đánh giá quá trình
- Kiểm tra kết thúc học phần.

7.2. Hình thức đánh giá:

- Đánh giá ban đầu: Thi test
- Đánh giá quá trình: Thi test
- Đánh giá kết thúc học phần: + Lý thuyết: thi tự luận.
  + Lâm sàng: Thi vấn đáp

Điểm TKHP = (LT*2+TH)/3

7.3. Trọng số % các điểm:

- Chuyên cần: 5%
- Kiểm tra quá trình giữa học phần: 15%
- Thi kết thúc học phần: 80%

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Trang bị giảng đường với đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập: Bảng, bàn ghế, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh (Loa, micro, …)
- Trang bị giấy A0, giá treo giấy A0 để phục vụ cho việc học thực hành của sinh viên.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM. BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Ths Phạm Thị Vân Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
Bộ môn: Ung Bướu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
=====&=====

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BỘ MÔN UNG BƯỚU

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết:1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết):90 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học: 30

Đối tượng sinh viên: Y học cổ truyền

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ung Bướu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phương tiện, phương pháp thăm khám, các hìnhảnh, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh ung thư thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

** Kiến thức:*

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế, sàng lọc ung thư.

- Phân biệt được u lành và u ác.

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán một số bệnh ung thư phổ biến.

- Trình bày được các phương pháp điều trị một số bệnh ung thư thường gặp.

** Kỹ năng:*

- Khám phát hiện các triệu chứng bệnh.

- Tư vấn cho bệnh nhân ung thư.

- Áp dụng các kiến thứcđã học để chẩn đoán vàđiều trị bệnh ung thư thường gặp.

** Thái độ:*

Có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình học tập

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN.

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Tự học
	LÝ THUYẾT			
1	Đại cương ung thư	2	0	3
2	Nguyên nhân ung thư	2	0	3
3	Sàng lọc ung thư	2	0	3
4	Chẩn đoán bệnh ung thư	2	0	3
5	Chẩn đoán GPB bệnh ung thư	2	0	3
6	Nguyên tắcđiều trị ung thư	1	0	3
7	Điều trị toàn thân ung thư	1	0	3
8	Phẫu thuật ung thư	1	5	3
9	Xạ trị ung thư	1	5	3
10	Điều trị đau do ung thư	1	3	3
	THỰC HÀNH			
11	K khoang miệng	0	2	0
12	K thực quản	0	2	0
13	K dạ dày	0	2	0
14	K gan	0	2	0
15	K đại trực tràng	0	2	0
16	K vú	0	2	0
17	K cổ tử cung	0	2	0
18	K buồng trứng	0	2	0
19	K hạch	0	2	0
20	K vòm	0	2	0
21	K phổi	0	2	0
22	K tiền liệt tuyến	0	2	0
23	K giáp	0	2	0
24	K hại họng –thanh quản	0	2	0
25	K phần mềm	0	2	0
26	K bàng quang	0	2	0

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Chủ yếu là thuyết trình, kết hợp với nêu và giải quyết vấn đề giảng dạy và học tập theo hướng tích cực, áp dụng công nghệ thông tin.

- Thực hành: Giảng lâm sàng trên thực tế bệnh nhân và các tình huống giảđịnh . Hướng dẫn các phương pháp khám phát hiện triệu chứng, đọc phim....

5.2. Phương pháp học.

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên phim, thảo luận case study

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, phim tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC.

6.1. Tài liệu giảng dạy.

Giáo trình "Ung thư họcđại cương" - Đại học Y Hà Nội

Giáo trình "Chẩnđoán vàđiều trị bệnh ung thư" - Đại học Y Hà Nội.

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Ung bướu

6.2. Tài liệu tham khảo.

-Thực hành xạ trị bệnh ung thư, NXB y học năm 2003

- Điều trị nội khoa bệnh ung thư, NXB y học năm 2010

- Cẩm nang điều trị và chăm sóc bệnh nhân ung thư

- Ung Bướu học nội khoa, NXB y học năm 2004

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Chuyên cần: đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận.

Kiểm tra thường xuyên: hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn.

Thi kết thúc học phần: Điều kiện là tham gia đầy đủ và tích cực các buổi học

- Lý thuyết: Thi tự luận
- Thực hành: Thi lâm sàng
- Điểm kết thúc học phần: (LT+TH)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Giảng đường học tập tại trường với đầy đủ trang thiết bị học tập
- Giảng đường học thực hành tại bệnh viện.
- Sinh viên đi học lâm sàng tại TTUB – Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: Y DƯỢC HỌC BIỂN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01
Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết): 30
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền
Học phần tiên quyết:Sinh học, Thực vật dược
Học phần học trước:
Học phần song hành:
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền
Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung, Giảng viên kiêm chức: ThS. Hải Nam, TS. Nguyễn Văn Phúc

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho SV các kiến thức về
- Các nhóm dược liệu từ biển
- Độc tố từ các nhóm sinh vật biển
- Các dược liệu biển được sử dụng làm thuốc trong YHCT
- Các sản phẩm từ sinh vật biển Việt Nam

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:
Trình bày đươc các nhóm dược liệu từ biển (đông vật, thực vật, vi sinh vật, hệ thống phân loại và hệ thống học thực vật biển)
- Độc tố từ các nhóm sinh vật biển khác.
- Trình bày được độc tố biển và các sản phẩm chủ yếu từ sinh vật biển Việt Nam hiện có trên thị trường.
- Trình bày được các dược liệu biển được sử dụng làm thuốc YHCT
- Vận dụng và liên hệ được những kiến thức về dược liệu biển vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	LT	TH	Tự học
PHẦN I: CÁC NHÓM DƯỢC LIỆU ĐỘNG VẬT BIỂN				
1	Nhóm Hải miên	1	2	2
2	Nhóm San hô	1	2	2

3	Nhóm Da gai	1	2	2
4	Nhóm Động vật thân mềm biển	1	2	2
5	Nhóm Giáp xác	1	2	2
PHẦN II: CÁC NHÓM DƯỢC LIỆU THỰC VẬT VÀ VI SINH VẬT BIỂN				
6	Nhóm Thực vật biển	3	10	6
7	Nhóm Vi sinh vật biển	2	0	4
PHẦN III: ĐỘC TỐ VÀ CÁC SẢN PHẨN CHỦ YẾU HIỆN NAY				
1	Độc tố biển	1	0	2
2	Các sản phẩm từ sinh vật biển Việt Nam	1	0	2
3.	Dược liệu biển sử dụng trong YHCT	3	10	6
Tổng		**15**	**30**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại phòng thí nghiệm, tại cơ sở

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm , kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học, sinh viên thực tế tại cơ sở, viết báo cáo thu hoạch.....
- Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

- Châu Văn Minh và nnk., 2012. Dược liệu biển Việt Nam, thực trạng và cơ hội phát triển. NXB. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà nội, 248 tr.
- Lâm Ngọc Trâm, Đỗ Tuyết Nga, Nguyễn Phi Đính, Phạm Quốc Long và Ngô Đăng Nghĩa (1999), "Các hợp chất tự nhiên trong Sinh vật biển Việt Nam". Nxb. Khoa học & kỹ thuật. Hà Nội. 194 tr.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+Đánh giá ban đầu:hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

- ***Chuyên cần***: Tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ

Lý thuyết: SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

Thực hành:SV phải tham dự 100% số buổi thực hành

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

*Thực hành:*Thi vấn đáp, Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

*Thực hành:*Thi vấn đáp, Làm báo cáo thu hoạch

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

-Điểm kiểm tra thực hành từ 5 trở lên

Điểm môn học = (điểm lý thuyết x2 + điểm thực hành)/3

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng
- Lâm sàng: phòng thực hành, bệnh viện thực hành, mẫu thuốc theo danh mục...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT | **TRƯỞNGBỘ MÔN**

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y D HẢI PHÒNG

BỘ MÔN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH LÂM SÀNG

ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Mã số môn học: HS

2. Số tín chỉ: 2 tín chỉ; Lý thuyết: 1; thực hành: 1

3. Số tiết học: Lý thuyết: 15 tiết: thực hành: 30 tiết

4. Số lần thi: 2 Lý thuyết: 1, thực hành: 1

5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:

1. Trình bày đươc cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
2. Trình bày đươc các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học

6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
1	Chuyên đề protid	4	4
2	Chuyên đề glucid	2	4
3	Chuyên đề lipid	2	0
4	Chuyên đề gan, thận	4	8
5	Chuyên đề máu, dịch sinh vật	3	14

	Cộng	**15**	**30**

Giảng viên: Phạm Thị Lý, Nguyên Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Phương Thảo, Bùi Thị Hương Giang, Dương Thị Minh Thoa

KTV: Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Bình, Trần Thị Phương Hạnh

Nội dung cụ thể cho từng bài học

1. Lý thuyết:

Bài mở đầu:

- Một số đơn vị sử dụng trong hoá sinh
- Danh pháp hoá sinh

Bài 1: Chuyên đề protid

1. Khái niệm về protid, phân loại và vai trò của protid?
2. Định nghĩa acid amin? Nhóm chức hoá học đặc trưng của acid amin?
3. Phân loại acid amin theo cấu tạo mạch và nhu cầu cơ thể.
4. Trình bày tính chất của acid amin và các ứng dụng trong y học
5. Mô tả vai trò của acid amin
6. Peptid là gì? Lấy ví dụ về một vài peptid sinh học.
7. Định nghĩa protein? Các liên kết trong phân tử protein? Các bậc cấu trúc của protein, mỗi loại cho một vi dụ?
8. Tính chất lý, hoá học của protein và ứng dụng trong y học
9. Phân loại protein? Vai trò của protein trong cơ thể người?

Enzym là gì? Những đặc điểm của chất xúc tác sinh học – enzyme?

10. Phân loại enzyme theo qui ước quốc tế, cho ví dụ minh hoạ?
11. Cấu tạo phân tử của enzyme?
12. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng enzyme?
13. Vai trò của coenzyme? Phân loại enzyme?
14. Liên quan giữa vitamin và enzym

15. Ví trí, enzyme tham gia và sản phẩm quá trình tiêu hoá protid?
16. Vị trí, đặc điểm về enzyme, coenzyme, cơ chất, và sản phẩm của quá trình thoái hoá nhóm amin theo con đường trao đổi amin?
17. Vị trí, đặc điểm về enzyme, coenzyme, cơ chất, và sản phẩm của quá trình thoái hoá nhóm amin theo con đường khử amin oxy hoá?
18. Số phận của NH_3 trong cơ thể?
19. Đặc điểm, ý nghĩa của quá trình khử nhóm carboxyl của acid amin?
20. Thành phần cấu tạo của acid nucleic? Cách gọi tên?
21. Vai trò của acid nucleic? Vị trí, sơ đồ, sản phẩm của quá trình thoái hoá base nitơ nhân purin?
22. Thành phần cấu tạo của Hb? Các loại Hb ở người?
23. Tính chất của Hb và các ứng dụng y học?
24. Vị trí, nguyên liệu, coenzyme tham gia tổng hợp Hb?
25. Vị tri, sơ đồ và đặc điểm của quá trình thoái hoá Hb ngoại mạch?
26. Mô tả rối loạn chuyển hoá Hb?

Bài 2: NLSH, glucid, lipid

1. Sự hình thành năng lượng ? Kết quả chuỗi hô hấp tế bào?
2. Định nghĩa sự phosphoryl oxy hóa, cho ví dụ minh hoạ?
3. Thế nào là liên kết giàu năng lượng? Đơn vị đặc trưng cho năng lượng?
4. Trình bày các liên kết giải năng lượng, Ví dụ, ý nghĩa?
5. Vị trí, nguyên liệu, kết quả về mặt năng lượng và sản phẩm của chu trình Krebs
6. ~~Định nghĩa glucid? Vai trò của glucid với cơ thể sống?~~
7. Định nghĩa monosaccarid? Tính chất lý học và hoá học của monosaccarid? Ứng dụng?
8. Kể tên, công thức cấu tạo và tính chất của những disaccarid thường gặp?
9. Trình bày thành phần cấu tạo, vai trò, tính chất lý học của polysaccarid?
10. Vị trí, enzyme tham gia và sản phẩm quá trình tiêu hoá glucid? Quá trình hấp thu glucid?
11. Vị trí, enzyme tham gia, quá trình phân ly glycogen và sản phẩm?
12. Định nghĩa, vị trí, các giai đoạn, kết quả và ý nghĩa của con đường thoái hóa glucid
13. Vị trí, nguyên liệu và quá trình tân tạo glucose?
14. Mô tả các rối loạn chuyển hoá glucid thường gặp?

15. Định nghĩa lipid? Vai trò của lipid?
16. Thành phần cấu tạo, phân bố và vai trò của các lipid thuần? Tính chất của triglyceride, ứng dụng?
17. Thành phần cấu tạo, phân bố và vai trò của các phospholipid, glycolipid?
18. Thành phần cấu tạo, chuyển hoá, vai trò của các lipid máu (lipoprotein)?
19. Vị trí, enzyme tham gia và sản phẩm quá trình tiêu hoá lipid? Quá trình hấp thu lipid?
20. Vị trí, kết quả của quá trình thoái hoá acid béo no, mạch chẵn, lẻ, chưa bão hoà?
21. Sự hình thành thể cetonic và thoái hoá của nó, ý nghĩa?
22. Vị trí, nguyên liệu, enzyme tham gia và các giai đoạn của quá trình tổng hợp acid béo
23. Công thức cấu tạo, vai trò của cholesterol? Nguyên liệu tổng hợp và các yếu tố tham gia điều hoà tổng hợp cholesterol? Sản phẩm thoái hoá cholesterol?

Bài 3: Hoá sinh gan - mật, thận - nước tiểu

1. Mô tả thành phần cấu tạo của gan?
2. Trình bày chức năng chuyển hoá (glucid, lipid, protid) của gan? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng chuyển hoá của gan?
3. Trình bày chức năng tạo mật và bài tiết mật của gan/ Một số xét nghiệm đánh giá chức năng tạo mật?
4. Trình bày chức năng khử độc của gan? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng khử độc?
5. Một số xét nghiệm đánh giá tổn thương gan?
6. Trình bày chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận?
7. Trình bày chức năng nội tiết của thận? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng nội tiết của thận?
8. Trình bày chức năng thăng bằng acid - base của thận? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng thăng bằng acid - base của thận?
9. Thành phần nước tiểu bình thường? Bệnh lý?
10. Cơ chế xuất hiện: đường, protein, cetonic, bilirubin trong nước tiểu?
11. Một số xét nghiệm đánh giá tổn thương thận, suy chức năng thận?

Bài 10: Hoá sinh máu

1. Định nghĩa hệ đệm? Vai trò của hệ đệm?

2. Trình bày các hệ đệm trong cơ thể? Cơ chế hoạt động của hệ đệm bicarbonate?
3. Vai trò của nước và một số chất điện giải (natri, kali, clo, calci)
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trao đổi nước, điện giải?
5. Sự trao đổi nươc giữa gian bào và lòng mạch?
6. Sự trao đổi muối - nước giữa trong và ngoài tế bào?
7. Một số chỉ số đánh giá tình trạng vận chuyển nước và điện giải
8. Rối loạn trao đổi muối nước
9. Trình bày nguồn gốc, các yếu tố điều hoà, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các chất hữu cơ không enzyme, không hormone trong huyết tương?
10. Trình bày nguồn gốc, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các enzyme trong huyết tương?
11. Khái niệm về hormone? Vai trò của hormone? So sánh hormone và enzyme?
12. Phân loại hormone theo tuyến bài tiết, chất tiếp nhận và câu tạo?
13. Trình bày cấu tạo, cơ chế tác dụng của hormone co bản chất acid amin và peptid (catecholamine)?
14. Trình bày phân loại, tác dụng, chuyển hoá của hormone steroid?
15. Trình bày nguồn gốc, vai trò, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các hormone trong huyết tương?
16. Trình bày nguồn gốc, vai trò, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các chỉ dấu khối u trong huyết tương?

- **Thực hành:**

Với mỗi bài thực hành, sinh viên cần chuẩn bị trước nguyên lý các phản ứng, ngoài ra, sinh viên cần chuẩn bị các nội dung theo hướng dẫn sau:

Tên bài	**Nội dung**	**Phần lý thuyết cần chuẩn bị**
Bài 1: Glucid - Lipid	Hướng dẫn sử dụng dụng cụ 1. Phản ứng Fehling 2. Phản ứng xác định tính khử của disaccarid	Tính tính khử của monosaccarid. Cấu tạo và tính khử của disaccarid

	3. Tìm acid lactic trong cơ 4. Nhũ tương hoá dầu lạc	Thoái hoá glucid theo con đường đường phân Định nghĩa lipid. Phân loại lipid
Bài 2: Protid - enzym	1. Phản ứng biure 2. Tủa protein bằng nhiệt độ 3. Tủa protein bằng KL nặng 5. Hoạt động của enzyme transaminase, catalase	Tính chất của peptid. Tính chất hoà tan, kết tủa, biến tính của protein Phân bố, phân nhóm, hoạt động xúc tác của enzyme catalase.
Bài 3: NLĐQ, Máu, Nước tiểu	1. Nguyên lý đo quang 2. Định lượng albumin, protein, calci, huyết thanh 3. Tìm protein niệu 4. Phản ứng Rivalta	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm albumin, protein, calci huyết thanh, protein niệu
Bài 4: Máu, nước tiểu	1.Định lượng glucose, choles, tri, HDL-C, huyết thanh 2. Tìm glucose, cetonic trong nước tiểu.	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm glucose, choles, tri, huyết thanh?
Bài 5	1.Định lượng ure, creatinin; acid uric huyết thanh 2. Tổng phân tích nước tiểu	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm ure, creatinin, acid uric
Bài 6: XNĐG CN gan	1. Định lượng bilirubin tp, tt 2.Đo hoạt độ AST, ALT, 3. Tìm STM, MM niệu	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm bilirubin tp, tt AST, ALT, huyết thanh và STM, MM niệu

Bài 7	Đo hoạt độ amylase, CK Phân tích phiếu xét nghiệm	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm amylase, CK trong huyết thanh

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: phỏng vấn nhanh

- Trong khi học: kiểm tra bài cũ

- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi - Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính
- Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành, nhận định kết quả và ứng dụng y học của 1 thí nghiệm; chỉ định xét nghiệm cần thiết cho 1 tình huống lâm sàng, trình bày nguyên tắc, tiến hành một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được

- Điểm học phần = (lý thuyết *2+ thực hành)/3

9. Tài liệu học tập:

Bài giảng hoá sinh của Bộ môn Hóa sinh, ĐHYDHP

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYDHP

10. Tài liệu tham khảo

Hoá sinh: dùng cho đào tạo cao đẳng y học, Phạm Thị Minh Thư, Nxb GD, 2010

Hoá sinh: Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Nghiêm Xuân Luật, 2007

Thực tập hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005

Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

12. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 2 năm 1.

Môn học tiên quyết: hoá học, sinh học, giải phẫu học

Môn học song hành: mô phôi, sinh lý

Giảng viên hỗ trợ học tập: Phụ trách bộ môn ThS Nguyễn Thị Phương Mai

Sđt: 0983731209

E-mail: ntpmai@hpmu.edu.vn

XÁC NHẬN CỦA BGH

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Phó trưởng phụ trách bộ môn

ThS Nguyễn Thị Phương Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: KIM QUỸ YẾU LƯỢC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Lâm sàng: 0
Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 45 Lâm sàng: 0
Số giờ tự học (tiết): 90
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền
Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, Thuốc YHCT, Phương tễ
Học phần học trước: Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT
Học phần song hành: Ôn bệnh, thương hàn luận, kinh dịch, nội kinh, nạn kinh
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền
TS.Nguyễn Thị Thu Hiền, TS. Trần Quang Minh, TS. Nguyễn Thị Huệ, ThS.Nguyễn Minh Thụy, BS.Nguyễn Thị Thúy.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Kim quỹ yếu lược cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các nội dung cơ bản của Kim quỹ yếu lược trong YHCT

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:
- Trình bày nội dung cơ bản của Kim quỹ yếu lược

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học
	Mạch chứng tiên hậu, bệnh tạng phủ kinh lạc	4	10
	Mạch chứng và cách chữa bệnh kính thấp và trúng thử	4	10
	Mạch chứng và cách chữa bệnh trúng phong, lịch tiết phong	4	10
	Mạch chứng và cách chữa bệnh huyết tý, hư lao	4	10
	Mạch chứng và cách chữa bệnh hung tý, tâm thống và đoản khí	4	10
	Mạch chứng và cách chữa bệnh phong hàn tích tụ ở ngũ tạng	4	10
	Mạch chứng và cách chữa bệnh đàm ẩm, khái thấu	4	5
	Mạch chứng và cách chữa bệnh tiêu khát, bệnh lâm	4	5
	Mạch chứng và cách chữa bệnh hoàng đản	4	5
	Mạch chứng và cách chữa bệnh thai nghén ở phụ nữ	3	5
	Mạch chứng và cách chữa bệnh phụ nữ sau đẻ	3	5
	Mạch chứng và cách chữa bệnh thủy khí	3	5
Tổng số		**45**	**90**

Tổng số	**45**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Khoa YHCT, Trường Đại học Y Hà Nội (2002), Kim quỹ yếu lược, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

Khoa YHCT, Trường Đại học Y Hà Nội (2002), Kim quỹ yếu lược, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+ **Đánh giá ban đầu:** hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ **Đánh giá trong quá trình**

- ***Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp đầy đủ

SV phải tham dự ít nhất 90% số tiết giảng.

Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại.

Tham dự dưới 70% phải học lại

-Kiểm tra thường xuyên:

Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+ **Đánh giá kết thúc**

-Thi kết thúc học phần:

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = Điểm lý thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, phấn bảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS.Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: NẠN KINH

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 02 Lâm sàng: 0

Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 30 Lâm sàng: 0

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, Thuốc YHCT, Phương tễ

Học phần học trước: Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT

Học phần song hành: Ôn bệnh, thương hàn luận, kinh dịch, nội kinh, kim quỹ yếu lược

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS.Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS.Nguyễn Minh Thụy, BS.Nguyễn Thị Thúy

Giảng viên kiêm chức: TS Nguyễn Thị Huệ, TS Trần Quang Minh, TS Trần Thị Thu Vân.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần nạn kinh cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các nội dung cơ bản của nạn kinh trong YHCT

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày nội dung cơ bản của Nạn kinh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học
1.	Mạch học	5	10
2.	Ngũ tạng lục phủ	5	10
3.	Bệnh tật	5	10
4.	Kinh lạc	5	10
5.	Du huyệt	5	10
6.	Phương pháp châm cứu	5	10
Tổng số		**30**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Khoa YHCT, Trường Đại học Y Hà Nội (2007), nạn kinh, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+ Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

***-Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: Đi học đầy đủ, nghỉ không quá 10% tổng số buổi học. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+ Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = Điểm lý thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, giảng đường, máy tính, phấn bảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT **TRƯỞNG BỘ MÔN**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: NỘI KINH

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 02 Lâm sàng: 0

Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 30 Lâm sàng: 0

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, Thuốc YHCT, Phương tễ

Học phần học trước: Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT

Học phần song hành: Ôn bệnh, kinh dịch, kim quỹ yếu lược, thương hàn luận

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS.Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS.Nguyễn Minh Thụy, BS.Nguyễn Thị Thúy

Giảng viên kiêm chức: TS Nguyễn Thị Huệ, TS Trần Quang Minh, TS Trần Thị Thu Vân.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần nội kinh cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh các bệnh nội kinh cũng như phân loại các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa bệnh của nội kinh.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày được đặc điểm chung về bệnh nội kinh
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh các bệnh nội kinh
- Trình bày được phân loại các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa bệnh của nội kinh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học
1.	Phép dưỡng sinh	3	6
2.	Học thuyết âm dương, ngũ hành	5	10
3.	Học thuyết tạng tượng	5	10

4.	Học thuyết kinh lạc	5	10
5.	Bệnh năng	3	6
6.	Chẩn pháp	3	6
7.	Pháp tắc trị liệu	3	6
8.	Ngũ vận lục khí	3	6
Tổng số		**30**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Nội kinh, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 1, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

+ **Đánh giá ban đầu:** hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ **Đánh giá trong quá trình**

***-Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp đầy đủ

Lý thuyết: Đi học đầy đủ, nghỉ không quá 10% tổng số buổi học. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+ Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = Điểm lý thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, giảng đường, máy tính, phấn bảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN: PL&CSYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ

1.Mã số: Pháp luật và chính sách y tế

2.Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành:

3. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 2; Thực hành: 0)

5.Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Bộ môn Pháp luật và Chính sách y tế thuộc Bộ môn Y học xã hội

6. Đối tượng: YHCT

7. Giảng viên giảng dạy:

- TS.Nguyễn Hải Ninh
- ThS.Nguyễn Thị Lan Anh
- BSCKII. Nguyễn Bá Dụng

8. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những kiến thức chung về nhà nước và pháp luật.
2. Trình bày được kiến thức cơ bản của pháp luật chuyên ngành
3. Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp luật chính sách y tế.
4. Trình bày được quá trình hình thành, vai trò, ý nghĩa của luật BVSKND
5. Trình bày được nội dung chính của luật khám chữa bệnh và luật bảo hiểm y tế trong công tác y tế hiện nay.
6. Trình bày được khái niệm một số chính sách về y tế của Đảng và Nhà nước.
7. Vận dụng được những KT môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

9.Nội dung:

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	3		4
2	Nhà nước nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Bộ máy Nhà nước và Hệ thống chính trị	1		2

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
3	Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật, QPPL và VBQPPL	2		4
4	Quan hệ PL, thực hiện PL, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	2		4
5	Luật Hiến Pháp – Luật Dân sự, Tố tụng dân sự	3		7
6	Luật Hành chính – Luật Lao động	3		7
7	Luật Hình sự - Pháp luật phòng chống tham nhũng	3		7
8	Pháp Luật Kinh tế - Luật Hôn nhân gia đình	3		4
9	Khái niệm về luật pháp chính sách trong y tế, vai trò, ý nghĩa về nội dung các luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân	3		7
10	Nội dung của luật khám chữa bệnh và luật BH y tế	4		7
11	Một số chính sách về y tế của nhà nước Việt Nam	3		7
	TỔNG SỐ:	**30**		**60**

10. Phương pháp dạy - học:

10.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống

- Bài tập tình huống: Đưa ra các giả thuyết nhận định và phân tích tình huống, thảo luận nhóm, đưa ra bài học

10.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

- Khi làm các bài tập tình huống: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và phân tích, nhận định từ đó rút ra hướng giải quyết vấn đề.

- Sinh viên tự học: sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

11. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi. Sinh viên cần học trước các học phần: NLCB1,2 để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.

- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn

Đưa ra các tình huống liên quan các nội dung được học và tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn chia nhóm giải quyết

- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm

+ Tỷ trọng điểm: LT

12. Tài liệu học tập:

12.1. Tài liệu giảng dạy

1. Tài liệu do Pháp luật và chính sách y tế Bộ môn biên soạn,

12.2. Tài liệu tham khảo

1.Bộ Luật Dân sự 2005
2.Bộ Luật Lao động 2012
3.Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014.
4.Luật khám chữa bệnh 2009
5.Chính sách y tế
6.Luật phòng chống tham nhũng

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.

BAN GIÁM HIỆU **TRƯỞNG BỘ MÔN**

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TS.Nguyễn Hải Ninh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: THƯƠNG HÀN LUẬN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Lâm sàng: 00

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 45 Lâm sàng: 00

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học cổ truyền

Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT 1,2, Châm cứu 1,2, Thuốc YHCT, Phương tễ

Học phần học trước: Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT

Học phần song hành: Ôn bệnh, kinh dịch, kim quỹ yếu lược, nội kinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS.Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS.Nguyễn Minh Thụy, BS.Nguyễn Thị Thúy

Giảng viên kiêm chức: TS Nguyễn Thị Huệ, TS Trần Quang Minh, TS Trần Thị Thu Vân.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần thương hàn luận cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh của các bệnh thương hàn của YHCT cũng như phân loại các thể lâm sàng, chẩn đoán, và điều trị bệnh thương hàn

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được đặc điểm chung về bệnh Thương hàn YHCT
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh các bệnh
- Trình bày được phân loại các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa bệnh của Thương hàn luận

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết LT	Số tiết tự học
1.	Đại cương	5	10
2.	Thái dương kinh bệnh	10	20
3.	Dương minh	6	12

4.	Thiếu dương	6	12
5.	Thái âm	6	12
6.	Thiếu âm	6	12
7.	Quyết âm	6	12
Tổng số		**45**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1.Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2007), Thương hàn luận, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 1, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2011), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

+ Đánh giá trong quá trình

***-Chuyên cần*:** Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: Đi học đầy đủ, nghỉ không quá 10% tổng số buổi học. Tham dự từ 70% đến dưới 90% bị nhận 0 điểm và phải thi lại. Tham dự dưới 70% phải học lại.

-Kiểm tra thường xuyên:

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

+ Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lý thuyết: Thi viết tay

-Trọng số(%) các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần

Điểm môn học = Điểm lý thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, máy tính, giảng đường, phấn bảng

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN Y HỌC GIA ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
MÔN HỌC: Y HỌC GIA ĐÌNH NĂM HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần: Y học gia đình
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ Y học cổ truyền
- Học phần tiên quyết: Nội bệnh học, Ngoại bệnh học, Nhi khoa, Sản - Phụ khoa, Truyền nhiễm và truyền thông - giáo dục sức khoẻ.
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học gia đình
- Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS. Trịnh Thị Lý	Trưởng BM YHGĐ
2	ThS.BS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	BM YHGĐ
3	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	BM YHGĐ
4	ThS.BS. Phùng Văn Duyên	BM YHGĐ
5	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	BM YHGĐ

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học "Y học gia đình" giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyên ngành học gia đình tại Việt Nam. Sinh viên khi học xong môn học sẽ hiểu được một số nguyên tắc chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Kiến thức, kỹ năng, thái độ)

Sau khi học xong môn Y học gia đình, yêu cầu sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về y học gia đình để có khả năng:

- Trình bày được các khái niệm, nguyên lý, vị trí và vai trò của Y Học Gia đình trong hệ thống Y tế.
- Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Áp dụng được các nguyên lý y học gia đình vào giải quyết một số bệnh thường gặp và cấp cứu thông thường.
- Nhận thức được vai trò của y hoc gia đình trong thực hành nghề nghiệp.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Lý thuyết	Tự học
	LÝ THUYẾT		
1	YHGĐ: nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ CSSK (Tổng quan YHGĐ)	04	08
2	Các công cụ đánh giá gia đình	04	08
3	Quy trình khám và quản lý bệnh nhân ngoại trú theo nguyên lý y học gia đình	04	08
4	Các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân, gia đình theo nguyên ly y học gia đình	03	06
	Tổng	**15**	**30**
	THỰC HÀNH		
1	Áp dụng các công cụ đánh giá gia đình vào nghiên cứu trường hợp	04	04
2	Thực hành kỹ năng giao tiếp và tư vấn cho bệnh nhân và gia đình theo tình huống cụ thể	06	06
3	Thực hành làm bệnh án y học gia đình	04	04
4	Thực hành chẩn đoán, hướng xử trí, theo dõi và dự phòng cho bệnh nhân và gia đình một số bệnh và tình huống cấp cứu thông thường	08	08
5	Thực hành các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân và gia đình.	08	4
	Tổng	**30**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- Đóng vai

- Xem phim

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay của bộ môn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Y học gia đình (Đại học Y Hà Nội)– NXB Y học
- Y học gia đình (Đại học Y Dược thành phố HCM)– NXB Y học
- Family Practice – Mark A.Graber

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Học tại Trường tại các giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn..
- Thực hành: Học tại Khoa khám bệnh -Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu**: Hỏi sinh viên
- **Đánh giá trong quá trình học tập**:
- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: Lý thuyết: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm
- Điểm môn học = Điểm lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Phương Chí Thiện